

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, phần 15

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 43

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong, tức phần khai thị trong thời thứ nhất.

Chỉ nhân tối sơ bất giác, hốt nhiên động tâm, nhận vọng vi chân, mê kỷ trục vật. Do thị nghiệp võng khiên triền, lưu chuyển ngũ đạo. Hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm, căng cổ chí kim nhi mị gián.

只因最初不覺。忽爾動心。認妄為真。迷己逐物。由是業網牽纏。流轉五道。恆隨生死以升沉。亙古至今而靡間。

(Chỉ vì thoát đầu bất giác, đột nhiên động tâm, tưởng vọng là chân, mê mất bản thân, chạy theo vật dục. Do vậy, lưới nghiệp quấn triền, lưu chuyển trong năm đường. Luôn thăng trầm theo sanh tử, suốt từ xưa đến tận nay chưa hề gián đoạn).

Chúng ta đọc đến đoạn này. Trong phần trước, thiền sư dạy chúng ta về chân tướng sự thật của Pháp Tánh và nghiệp quả; đồng thời lại giảng: Pháp Tánh linh minh trạm tịch, không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ. Chúng tôi nói: Nơi hoàn cảnh y báo, đặc biệt là tại thực vật và khoáng vật [Pháp Tánh ấy cũng thể hiện sự linh minh trạm tịch]; trên thực tế, điều rõ ràng nhất là thân thể chúng ta cũng là y báo, vì sao? Thân thể là cái được hiện, cái được biến, so với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ bên ngoài là vật chất, thì vật chất nơi thân thể và vật chất bên ngoài không khác gì nhau. Kinh Kim Cang nói tới “nhất hiệp tướng” chính là đã giảng rất rõ, rất minh bạch.

Nếu nói theo học thuật hiện tại thì “nhất” là lập tử cơ bản. Tất cả hết thảy vật chất đều do những hạt này hợp thành. Nhưng lập tử cơ bản rốt cuộc là gì vậy? Hiện thời, [khoa học] chưa phát hiện được, vẫn khó nói lắm. Nay khoa học đã phát hiện điện tử, nguyên tử, lập tử; lập tử có còn chia chẻ ra được nữa hay không? Trên mặt lý luận thì sự chia chẻ ấy vĩnh viễn bất tận, nhưng trên thực tế, khoa học kỹ thuật mới chỉ đạt đến mức độ này: Hiện thời, vật chất nhỏ nhất được phát hiện được gán cho cái tên là “khoa-khắc” (quark)¹. Còn có thể tách nó ra nhỏ hơn nữa được không? Các nhà khoa học chẳng dám quyết đoán. Vì sao? Khoa học kỹ thuật tiến bộ không ngừng. Trên mặt lý luận, đương nhiên là có thể chia nhỏ được. Những thứ này đều là các thứ được

¹ Khoa-khắc (quark): Tuy khoa-khắc là lập tử cơ bản nhỏ nhất cấu thành vật chất, nhưng hầu như không bao giờ thấy chúng tồn tại độc lập. Quark thường kết hợp thành những cấu trúc lớn hơn gọi là hardron (cường tử). Quark do Murray Gell Mann và George Zweig phát hiện vào năm 1964.

hiện, được biến, đúng là “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai này sẵn đủ).

Vật thể dù nhỏ đến đâu, cho dù nó là căn bản của hết thủy vạn vật trong toàn thể vũ trụ, tức là hết thủy vạn vật đều do nó hợp thành, thì nó vẫn có Pháp Tánh. Phải biết điều này: Nó có Pháp Tánh. Pháp Tánh trạm nhiên, chẳng biến đổi mảy may. Vậy thì rốt cuộc cái gì đã biến đổi chúng ta? Trong kinh Lăng Nghiêm có một đoạn Văn Thù Bồ Tát giảng rất khéo, tức là trong phần Tuyên Trạch Viên Thông (chọn lựa pháp Viên Thông), Ngài đã nói:

*Giác hải tánh trừng viên,
Viên trừng giác nguyên diệu,
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập chiếu tánh vong.*
(Tánh biển giác trong lặng, viên mãn,
Tánh giác tròn lặng vốn màu nhiệm,
Tánh nguyên minh chiếu, sanh ra Sở,
Sở đã lập, tánh chiếu liền mất²).

Đây là nói: Vô minh do đâu mà khởi? Cũng là do vọng tưởng. Vọng tưởng khởi lên như thế nào? Cũng chính trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch [như thế này]:

Tôn giả Phú Lô Na hỏi đức Thế Tôn: “Vì sao lại có vọng tưởng? Vọng tưởng khi nào sanh?” Vọng tưởng ấy là vô minh căn bản. Đức Thế Tôn đáp rất hay: “*Đó là do một niệm vọng giác*”. Chúng ta phải chú ý chữ “*vọng*”. Vọng (妄) là không thật, nhưng vọng là do mê chân mà sanh ra, quý vị chẳng thể nói là nó không có, cũng chẳng thể nói nó là có. Đức Thế Tôn nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn*” (Từ nơi tri kiến, lại lập ra một cái biết nữa thì đó là cái gốc của vô minh)³. Lời giảng của Văn Thù Bồ Tát có cùng ý nghĩa với lời Phật dạy: “*Nguyên minh chiếu sanh sở*” tức là đối với “*tri kiến*” (tức đức năng sẵn có của tâm tánh) lập ra [quan niệm hư vọng] ta có thấy biết (kinh gọi quan điểm hư vọng ấy là “*lập tri*”). “*Sở lập, chiếu tánh vong*” chính là gốc của vô minh. Lập thành cái biết! Không thể lập! Phật pháp Đại Thừa thường nói: “*Nhất pháp bất lập*” (một pháp chẳng lập), hề lập một pháp là mê, một pháp chẳng lập sẽ rất tự tại. Một pháp không lập thì quý vị hoàn toàn nhất trí với Pháp Tánh, cùng một Thể, một Tướng, một Lực Dụng với Pháp Tánh. Đây chính là chư

² Trong Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã giảng đoạn này như sau: “*Nguyên minh là chẳng sanh tác dụng soi chiếu sai lầm, đây gọi là bốn minh (vốn sẵn sáng suốt), trọn chẳng có một vật mảy may nào. Nay từ tánh nguyên minh ấy sanh tác dụng chiếu soi (nhận biết sự vật) một cách lầm lạc, nên Chiếu ấy là vọng chiếu! ‘Sanh Sở’: Do vọng chiếu nên mới có Vọng (mê lầm) được sanh ra. Do vọng cảnh là đối tượng của Chiếu đã được tạo lập nên tánh chân chiếu liền mất (tức là có đối đãi, thấy có Năng Chiếu và Sở Chiếu), nên mới nói: “Sở lập, chiếu tánh vong”*”.

³ Sở dĩ là vô minh vì chữ ‘tri kiến’ ở đầu câu này nói về năng lực sẵn có bản tánh (thường gọi là ‘bản năng’ hay tánh đức), tánh có thể nhận biết thông suốt mọi sự vật, hiện tượng, không cần phải thông qua suy lường, phân biệt. Nếu đối với những đức năng sẵn có của tâm tánh ấy lại khởi lên ý niệm suy lường, phân biệt, cho là ta có cái tâm nhận biết, có đối tượng được nhận biết bởi ta, tức là hư vọng lập ra quan niệm ‘ta thấy, ta biết’, thì đó gọi là ‘lập tri’. Do đã có hư vọng, vọng tưởng xen vào nên đức năng thanh tịnh sẵn có của tâm tánh bị khuất lấp, những thứ đó là gốc rễ tạo ra vô minh.

Phật Như Lai, đắc đại tự tại, vô chương, vô ngại, nhập pháp giới vô chương ngại, cảnh giới vô chương ngại. Quyết định chẳng thể lập, hề lập là hồng!

Vì thế, Bồ Tát nói “*sở lập, chiếu tánh vong*” (do có quan niệm hư vọng về “*tri kiến*” (ta biết, ta thấy) được thành lập, nên phải có cái được biết, cái được thấy hình thành. Những đối tượng [được biết, được thấy, được cảm nhận] ấy gọi là Sở. Sở đã có thì thành ra đối đãi, cho nên tánh Chiếu, hay còn gọi là linh tri bị mất đi). Tánh của Chiếu là linh tri, linh minh trạm tịch. [Do đã có Năng và Sở đối ứng với công năng Chiếu chân thật trong tánh] nên “linh minh trạm tịch” (tức đức năng sẵn có chân thường của tánh, không hề bị sai lệch bởi vọng tưởng) bèn bị mất đi, sanh ra những biến đổi⁴. Giống như thí nghiệm nước kết tinh vậy, nó sanh ra những biến đổi không đúng đắn, bình thường. Nếu đúng đắn, bình thường thì phải đẹp đẽ tốt bậc, xinh đẹp chẳng thiếu khuyết mảy may. Một niệm của chúng ta vừa dấy động, nước bèn sanh ra những biến hóa. Dầu [những biến hóa ấy] vẫn rất đẹp đẽ, nhưng so với sự đẹp đẽ vốn có đã bị sai khác rất lớn. Càng mê sâu hơn, càng biến thành xấu xí hơn. Pháp Tánh tùy duyên mà!

Hễ mê là xong rồi, “*mê vọng hữu hư không*” (do mê vọng nên có hư không), Văn Thù Bồ Tát giảng như vậy đây. Hư không từ đâu mà có? Do mê vọng mà có. “*Y không lập thế giới*” (nuơng vào hư không tạo thành thế giới), thế giới do đâu mà có? Thế giới từ trong Không mà sanh ra. Không là Vô, vô trung sanh hữu, sanh ra thế giới. “*Tướng trùng thành quốc độ*” (Tướng lắng đọng thành cõi nước); Tướng (想) ở đây là vọng tưởng, vọng tưởng ngưng tụ biến thành vật chất. Vật chất là gì? Nói theo cách bây giờ, vật chất là do tinh thần ngưng tụ, biến thành. Vật chất là tinh thần; vật chất chính là Pháp Tánh đang được nói đến ở đây. Pháp Tánh ở tại đâu? Vật chất là Pháp Tánh, [vọng tưởng] ngưng tụ bèn biến thành Pháp Tánh, vô tướng biến thành hữu tướng; do đó, Có là do Không mà có. Dù hiện tướng, biến thành vật chất, nhưng bản năng (những năng lực, đức năng sẵn có) của Pháp Tánh không bị mất đi, vĩnh viễn chẳng bị hư mất. Bản năng của Pháp Tánh là gì? Chính là linh tri! Kinh Đại Thừa gọi linh tri là thấy - nghe - hay - biết! Bởi vậy, thứ gì cũng đều có thấy - nghe - hay - biết!

Trên thân thể của chúng ta, nay ta gọi là tế bào (tế bào hãy còn lớn lắm), chẳng biết có bao nhiêu tế bào (theo thuật ngữ Phật pháp là “*vi trần*” và Cực Vi Vi), Cực Vi Vi⁵ ngưng tụ thành tế bào. Mắt thịt của chúng ta không thể thấy được Cực Vi Vi, nói thật ra, chúng ta cũng không hiểu được, nhưng rất nhiều Cực Vi Vi nhóm lại một chỗ sẽ hình thành một tế bào. Chúng ta có thể thấy và hiểu tế bào. Tế bào có linh tánh hay không? Có chứ! Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, quý vị phải khéo đối đãi nó.

Thế nào là khéo đối đãi? Tâm thiện! Tế bào thuận theo ý niệm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thầy pháp

⁴ Do có phân biệt đối đãi, vọng tưởng, ta người v.v... nên những ý niệm hư vọng, phân biệt, chấp trước ấy sẽ che lấp đức năng sẵn có của chân tánh khiến cho ta luôn nhìn nhận, cảm thụ sự vật qua lăng kính vọng tưởng, không thấy sự vật đúng với bản chất của nó. Do vậy, không còn thuộc trong Nhất Chân pháp giới nữa mà trở thành mười pháp giới, lục đạo luân hồi. Vì thế, nói là ‘sanh ra những biến đổi’.

⁵ Cực Vi Vi là sắc chất nhỏ nhất, thường gọi là Lân Hư Trần. Nếu chia chẻ Lân Hư Trần ra nữa thì không còn gì nữa, do vậy gọi là Lân Hư (gần với hư không).

từ tâm tướng mà sanh), “*tướng tùy tâm chuyển*” (tướng chuyển theo tâm), “*nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (nếu chuyển được vật thì giống với Như Lai). Những câu nói này hết sức quan trọng! Chỉ cần quý vị nắm được những câu này, sẽ thực sự hiểu rõ, thực sự biết dùng. Tâm thiện, tư tưởng thiện, ngôn ngữ và hành vi đều thiện thì tất cả tế bào trên toàn thân sẽ phản ứng đúng mực. Chúng ta thường nói là “thực sự hiểu được đạo dưỡng sanh”! Tuổi cao cũng không sao, vẫn có thể phản lão hoàn đồng. Có thực sự làm được như vậy hay chẳng? Thực sự được! Quý vị đã hiểu thì sẽ dùng tâm tướng để khôi phục tất cả những khí quan và tế bào trên thân thể hòng trở lại tuổi trẻ, khôi phục sự bình ổn, khôi phục sức khỏe, về lý vốn là như vậy. Nếu không hiểu thì sao? Không hiểu thì chính mình tàn hại chính mình mà thôi! Tàn hại như thế nào? Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, hành vi bất thiện, tự mình tàn hại mình, tự mình hủy diệt thân thể của chính mình!

Tôi chỉ giảng tới đây thôi, không giảng thêm nữa, càng giảng mọi người càng không hiểu, sợ rằng càng nghe càng mê thêm. Tôi nói đến đây, nếu quý vị lãnh hội được sẽ rất có ích. Lời khai thị này hay lắm! Ngài Trung Phong là bậc tái lai, trọn chẳng phải là phàm nhân. Trong đoạn văn này, Ngài khai thị vì đâu chúng ta thành ra nông nổi này:

“*Chỉ nhân tối sơ bất giác*” (chỉ do thoát đầu bất giác): “*Tối sơ*” là thời gian nào? Đừng hỏi ai khác, nếu hỏi ai khác lại càng khởi vọng tưởng! Nếu quý vị đi tìm coi “*tối sơ*” là lúc nào thì trong vọng tưởng lại tăng thêm vọng tưởng; chẳng thể chuyển biến vọng tưởng, chẳng thể hóa giải. Nói thật ra, thừa cùng quý vị, thời gian là giả, không thật! Giáo pháp Đại Thừa nói thời gian không có khởi đầu, mà cũng không có kết thúc. Nếu nói có khởi đầu, có kết thúc thì là thật, không còn giả nữa. Do vậy, nói thời gian chẳng có khởi đầu chẳng có kết thúc thì nó là giả, không thật. Đầu cũng vậy, mà cuối cũng vậy, thấy đều là nhất niệm. Thế nhưng rất ít ai hiểu được chân tướng sự thật, những điều này đều là chân tướng sự thật.

“*Tối sơ bất giác*” là một niệm hiện tiền bất giác. Cổ nhân nói “*tối sơ nhất niệm bất giác*”, nói “*tối sơ*” cũng rất hợp lý. Chúng ta không hiểu lời này, cứ tưởng “*tối sơ*” là quá khứ, quá khứ xa xôi hơn nữa, hiểu lầm mất rồi! Chẳng hiểu ý của người ta! “*Tối sơ*” là lúc thoát đầu của một niệm, lúc thoát đầu của một niệm hiện tiền. Cái “*tối sơ*” ấy khoảng chừng một phần ức vạn giây, hoặc một phần ức ức vạn giây, không có cách gì nhận biết được. Đó là một niệm bất giác. Bất giác là gì? Chính là quý vị động, tức tâm quý vị động vậy.

Nếu quý vị nhìn vào tự tánh thì Pháp Tánh của tự tánh là trạm nhiên, trạm nhiên là bất động. Trong phần trên, [thiền sư Trung Phong] đã giảng: “*Vô sanh giả, tức chư Phật tịch diệt chi bản dã*” (Vô sanh là tâm tánh tịch diệt của chư Phật), tịch diệt là bất động, đó là Pháp Tánh. Vốn bất động, bất động là thật. Nếu quý vị động thì động là vọng. Động gọi là “*vọng động*”. Sự động ấy cực kỳ vi tế, đừng nói là bọn phàm phu chúng ta không nhận biết được, ngay cả bậc Đại Thừa Bồ Tát từ Thất Địa trở xuống cũng chẳng thể biết được, Bát Địa mới cảm nhận được. Vừa động tí ti, Bát Địa Bồ Tát nhận biết liền. Bát Địa Bồ Tát được gọi là Bất Động Địa là vì “*động*” dù cực kỳ vi tế Ngài vẫn cảm nhận được; thoát động liền biết ngay. Đến Quả Địa Như Lai mới thực sự là tịch diệt, hoàn toàn bất động, khôi phục bất động. Toàn thể đại dụng (tác dụng to lớn) của Tánh Đức hiện tiền viên mãn, cảnh giới trong quả địa Như Lai

mà! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh, cực kỳ vi tế, toàn thể đại dụng vẫn còn thiếu một phần. Do vậy, chúng ta bèn hiểu rõ: Chư Phật, Bồ Tát dạy con người tu hành tám vạn bốn ngàn pháp môn hay vô lượng pháp môn là tu gì vậy? Tu bất động!

Trong phần trên, khi giảng kinh Di Đà, chúng ta thấy danh hiệu của chư Phật nhằm biểu thị pháp. Vị Phật thứ nhất ở phương Đông trong chư Phật sáu phương là Bất Động Phật. Vừa mở đầu đã hiển thị: Bất Động là chân, còn Động là vọng. A Súc Bệ Phật là Bất Động Phật; vì sao quý vị phải khởi tâm động niệm trong hết thấy cảnh giới? Đây chính là nguyên nhân khiến quý vị đọa lạc, luân hồi, khiến cho cả đời này nơi nào quý vị cũng gặp chướng ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Là vì quý vị động. Nếu quý vị bất động, sẽ không có chướng ngại. Chúng ta thấy vì sao Pháp Thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai trong Hoa Tạng, trong thế giới Cực Lạc đều là pháp giới không chướng ngại; Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại? Pháp giới vốn không chướng ngại là vì lẽ nào? Là vì không động tâm, không động niệm. Cớ sao mình lại động niệm?

Như vậy, nói tới khởi tâm động niệm thì khởi tâm động niệm là vô minh, tức vô trí vô minh. Quý vị có hiểu “vô trí” nghĩa là gì hay không? Chư Phật, Bồ Tát dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật của vũ trụ, trọn chẳng gây khó dễ, hoàn toàn không đàm huyền thuyết diệu, không nói những gì chúng ta chẳng hiểu. Nếu không, làm sao gọi là “từ bi” cho được? Các Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch, lại còn giảng hết sức nông cạn, dễ hiểu. Nói “*vô trí vô minh*” tức là không có khởi đầu, cái khởi tâm động niệm hiện tiền của quý vị có khởi đầu hay chẳng? Nếu hiện tại quý vị chẳng khởi tâm động niệm thì quý vị đã thành Phật rồi, Sự Sự vô ngại mà!

“*Bất giác*” là khởi tâm động niệm, giác tâm bất động, vô minh vọng động, cho nên vừa động bèn bất giác. Giống như nước, dùng nước làm tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu. Nước đứng lặng thì mặt nước không có một tí sóng gợn nào, mặt nước giống như một tấm gương, bất động! Lúc ấy, nó sẽ in bóng cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng. Giác là giác chiếu, rõ ràng rành rẽ. Nếu động thì nước vừa động bèn gợn sóng, tuy gợn sóng nước vẫn có thể chiếu, nhưng chiếu không rõ ràng, mê rồi! Do vậy, chúng ta cúng dường Phật, Bồ Tát thì vật cúng dường quan trọng nhất là gì? Chính là một chén nước. Tôi thường dạy người khác: Chén đựng nước cúng Phật tốt nhất là chén pha lê; nay có người dùng chén bằng thủy tinh cũng rất tốt, nó trong suốt, quý vị thấy rất rõ ràng.

Hãy học bất động như nước, học thanh tịnh như nước, không ô nhiễm mảy may, không lay động mảy may, đó là Phật! Phạm phu và Phật khác biệt ở chỗ này. Tâm phạm phu động, tâm phạm phu nhiễm ô, nay chúng ta gọi sự nhiễm ô ấy là “tâm ghi ấn tượng”. Trong tâm họ có tham - sân - si - mạn; có những thứ ấy là nhiễm ô. Trong chân tâm không có những thứ ấy, không có tự tư tự lợi, không có danh văn, lợi dưỡng, không có tham - sân - si - mạn, không có ghen ghét, đố kỵ. Những thứ ấy đều là hư vọng. Nói rốt ráo nhất, trong chân tâm không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm là vọng tâm. Tâm thủy vừa gợn sóng bèn dậy gió cảnh giới, cảnh giới là hoàn cảnh bên ngoài. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn bị động, vậy là xong rồi!

Phật, Bồ Tát cao minh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài giống như tấm gương chiếu mọi vật, chiếu rất rõ ràng rành rẽ. Gương quyết định không phân biệt, quyết

định không chấp trước, trong trèo hơn mọi thứ, chẳng mê hoặc chút nào, Huệ đây! Như Như bất động, đó là Định! Định và Huệ đều đạt đến viên mãn rốt ráo, Định và Huệ là một không hai. Định chính là Huệ, Huệ chính là Định. Đây chính là con người thật của chúng ta, trong Tông môn gọi là “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”; nó chính là con người thật của chúng ta. Học Phật không có chi khác, chỉ là tìm cho ra, khôi phục bản lai diện mục của chính mình mà thôi.

Bản tánh trạm tịch là Căn Bản Trí, bản tánh tịch chiếu là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Trạm tịch là không biết, Bát Nhã không biết, giác chiếu là không gì chẳng biết. Không gì chẳng biết nhưng tâm vẫn định, nhất định chẳng khởi tâm động niệm, nhất định không có phân biệt, chấp trước. Chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là xong, đọa lạc mất rồi, thành phàm phu mất rồi. Bởi thế, “*tối sơ bất giác*” chỉ vì bất giác tâm bị động, không còn tịch nữa, “*nhận vọng vi chân*” (tưởng vọng là chân), phiền phức ngay! Vọng là gì? Vọng là cái được hiện, cái được biến. Coi cái được hiện, được biến là thật; không biết cái làm chủ thể biến hiện (năng biến, năng hiện) mới là thật, cái được hiện, được biến là hư vọng, phiền toái rất lớn, “*tưởng vọng là chân*”.

“*Mê kỷ trực vật*” (mê mất chính mình, chạy theo vật dục), Kỷ (己) là chính mình. Thế nào là chính mình? Cái tâm năng hiện, cái thức năng biến là chính mình, tánh thức là chính mình; còn cái được hiện, được biến không phải là chính mình. Chúng tôi dùng những tỷ dụ thô thiển để giảng giải: Thân thể của chúng ta là chính mình, y phục ta mặc không phải là chính mình. Y phục do chúng ta làm ra, tự ta mặc vào thân, Phật pháp gọi nó là Ngã Sở (cái của ta). Thân là Ngã, vật ngoại thân là Ngã Sở Hữu (cái mà ta có). Mọi người biết rành chuyện này. Nay tôi bảo cùng quý vị, thân ta cũng là Ngã Sở Hữu, cái có thể hiện, có thể biến ra thân ta mới là Ngã. Nó không có hình tướng, vô hình, vô tướng, nhưng thực sự có, chẳng phải là không có. Phật pháp gọi nó là Chân Tâm hay Bản Tánh; ngay cả hư không cũng do nó biến hiện ra, hư không cũng là cái được hiện, được biến.

“*Mê kỷ trực vật*”: “*Trực vật*” (chạy theo vật) là vọng tâm, không phải là chân tâm. “*Trực vật*” thường được hiểu là bị cảnh giới chuyển, đó là phàm phu. Người giác ngộ chuyển được cảnh giới. Ví dụ rõ ràng nhất là thân thể của chúng ta, đối với người thực sự giác ngộ thì thân thể này sẽ chuyển theo Pháp Tánh của chính mình, chuyển được vật! Chuyển theo Pháp Tánh thì không những thân thể này không già, không bệnh, hoàn toàn chẳng có sanh - lão - bệnh - tử, mà còn chẳng có những chuyện ba khổ hay tám khổ! Đâu có những chuyện ấy! Người thế gian có những nỗi khổ là vì đâu? Vì bị cảnh giới xoay chuyển, không chuyển được cảnh giới, đó là “*mê kỷ trực vật*” (mê mất chính mình, đuổi theo vật dục). Chuyển không được cảnh giới thì chắc chắn bị cảnh giới chuyển, không có con đường thứ ba. Chư Phật, Bồ Tát chuyển được cảnh giới, lục đạo phàm phu bị cảnh giới chuyển. Vì bị cảnh giới chuyển nên mới có sanh - lão - bệnh - tử, mới có nào là Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa), Cầu Bất Đắc (cầu mong mà không được thỏa ý), Oán Tắng Hội (chán ghét mà cứ phải gặp gỡ), mới có những chuyện như thế. Hễ bị cảnh giới chuyển thì phiền phức lớn lắm!

Bị cảnh giới chuyển nhưng người ta cứ nghĩ mình bị mạng vận chuyển, tức là nói trên phương diện hoàn cảnh thì là “bị Phong Thủy chuyển”, quý vị không có cách gì vượt thoát vận mạng, không có cách gì vượt thoát Phong Thủy! Thế nhưng người thực sự giác ngộ bèn có phước. Phước ấy tuyệt đối chẳng phải là phước như trong

quan niệm thông thường của mọi người. Chúng ta không nghĩ ra, không thể nghĩ bàn được [loại phước ấy], vì đó là [phước của] người thực sự giác ngộ. Vì sao? Người ấy chuyển được cảnh giới; cho nên “*phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (người có phước sống nơi phước địa, phước địa [ắt có] người có phước sống). Người có phước ấy chuyển được cảnh giới, người ấy đến sống ở một nơi nào thì núi, sông, đại địa, phong thủy nơi ấy cũng chuyển theo tâm người đó. Người ấy tâm thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện thì núi, sông, đại địa không gì chẳng thiện, thấy đều thành thiện. Quý vị chẳng tin ư? Thế giới Cực Lạc chuyển như vậy đó, thế giới Hoa Tạng chuyển như vậy đó!

Thật ra, Hoa Tạng và Cực Lạc có khác gì địa cầu của chúng ta đâu! Không khác gì hết! Chỗ nào Phật, Bồ Tát ở, nơi đó thuần tịnh, thuần thiện. Do vậy, núi, sông, đại địa, hết thấy vạn vật, không thứ gì chẳng thuần thiện, thuần tịnh. Cư dân trên quả địa cầu này tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, hành vi bất thiện, nên núi, sông, đại địa thấy đều bất thiện; hiện tượng của bất thiện là thiên tai, nhân họa. Trời cũng chẳng giáng tai ương, người cũng chớ hề gây họa, đều là do nghiệp bất thiện chiêu cảm nên [những tai họa ấy] biến hiện ra, càng mê càng sâu hơn.

“*Do thị nghiệp võng triền khiên*” (do vậy, lưới nghiệp quán trời): Nghiệp do chính quý vị tạo tác. Ngày nay quý vị tạo tác thiện nghiệp, nhưng nói thật ra, [những thiện nghiệp ấy] cũng chẳng phải là thiện nghiệp thực sự. Vì sao? Cái thiện đó là thiện đối với ác! Phật pháp nói đến “chân thiện, chí thiện” thì chính là [nói tới] cái thiện nơi Pháp Tánh. Nay quý vị đã mê mất Pháp Tánh, nói cách khác, là mê mất “chân thiện, chí thiện”. Đã mê rồi thì những cái thiện trong tư tưởng và tâm tư quý vị hiện thời chỉ là thiện tương đối, tức là cái thiện trong vòng Thiện - Ác. Thông thường, cái thiện của người giác ngộ là Bản Thiện: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người ban đầu tánh vốn lành). Hết thấy chúng sanh bình đẳng, đúng như đại sư đã giảng ở đây: “*Cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (Không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ), vốn là Thiện. Thiện - ác như Mạnh Phu Tử và Tuân Phu Tử đã giảng là tập tánh, chứ không phải là bản tánh. Chúng ta hoàn toàn mê mất bản tánh, chúng sanh trong lục đạo nào ai biết đến bản tánh? Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy biết đến bản tánh, nhưng chưa chứng đắc. Nếu chúng đắc bản tánh sẽ vượt thoát mười pháp giới, chúng ta thường gọi người như vậy là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc bản tánh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cảnh giới như thế đó.

Như vậy, chúng sanh trong lục đạo phiền toái lớn lắm, “*ngiệp võng khiên triền*” (lưới nghiệp trời buộc), nghiệp đã tạo vô lượng vô biên, dày đặc, xen kín như lưới giăng. Có sao tạo lắm nghiệp đến vậy? Khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, đó là ý nghiệp. Ngôn ngữ nơi miệng, chúng ta nói quá nhiều những điều tệ hại! Những lời tệ hại là gì? Nói dối, nói đôi chiều, nói ác, nói thù dật. Từ sáng đến tối quý vị nói không ngừng; nếu đem những lời mình nói phân loại cẩn thận thì chẳng ngoài bốn loại lớn vừa nói trên đây. Người giác ngộ, người có đạo hạnh nói năng rất ít, tâm người ấy định, ngày nay chúng tôi giảng kinh thuyết pháp nói năng quá nhiều.

Khi xưa, chúng tôi thân cận Chương Gia đại sư, tôi ngồi cùng Ngài hai tiếng đồng hồ. Trong hai giờ ấy, những câu Ngài nói chúng tôi nhớ từng chữ một, tôi cho rằng không thể nhiều hơn năm trăm chữ được. Còn tôi trong một buổi giảng hai tiếng đồng hồ, những đồng học tham gia giảng diễn đều biết cả, nếu quý vị chép lại thành bản thảo thì sao? Tôi thiếu là hai vạn chữ. Tôi và Chương Gia đại sư mỗi lần gặp nhau,

mỗi Chủ Nhật gặp gỡ một lần, nếu ghi lại toàn bộ những lời Ngài nói trong hai tiếng đồng hồ thì không quá năm trăm chữ, khiến cho chúng tôi cảm thấy Ngài như đang luôn ở trong Định.

Ngài tặng cho tôi một bức ảnh, quý vị thấy đó, Ngài ở trong Định, bất luận lúc nào, quý vị đều thấy Ngài ở trong Định. Ngài đi rất chậm, động tác từ tốn, nói rất ít. Tôi chỉ thấy Ngài như thế này: Môi luôn máy động không ngừng, đại khái là trì chú theo cách Kim Cang Trì, động môi nhưng không phát ra tiếng. Ngài nêu gương tốt cho chúng ta thấy, tu hành thực sự như vậy. Nay chúng tôi hiểu rõ: Thực sự tu thì trong mười hai thời sáu chữ hồng danh liên tục không gián đoạn, đó là công phu thực sự, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Rất đáng tiếc, chúng ta bỏ lỡ tác bóng, suốt ngày từ sáng đến tối không biết niệm Phật, không biết nhớ Phật, niệm Phật, suốt ngày khởi vọng tưởng. Nói cách khác, suốt ngày từ sáng đến tối tạo nghiệp.

“*Nghiệp vông khiên triền*” (lưới nghiệp quấn trời), tức là quý vị tạo tác nên “*lưu chuyển ngũ đạo*” (lưu chuyển trong năm đường); đây là quả báo. “*Ngũ đạo*” là sáu nẻo luân hồi, vì sao gọi là “*ngũ đạo*”? Không kể đường A Tu La thì thiên đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, và ngạ quỷ đạo là năm đường. Vì sao không tính A Tu La? A Tu La trên cõi trời thì tính gộp trong thiên đạo, trong cõi người thì tính gộp vào nhân đạo, trong súc sanh thì gộp trong súc sanh đạo, trong đường ngạ quỷ thì gộp trong trong ngạ quỷ đạo. Kinh Lăng Nghiêm nói: Trong bốn đường ấy đều có A Tu La, địa ngục không có. Thông thường tính A Tu La thành một đường riêng, tức là thiên A Tu La, nhưng trên thực tế, có thể tính gộp A Tu La vào nhân đạo lẫn thiên đạo. Do vậy, kinh Phật thường nói “*ngũ đạo*” hay “*ngũ thú*”, ngũ thú luân hồi, đều do nghĩa này. “*Lưu chuyển ngũ đạo*” là luân hồi, quả báo hiện tiền, luân hồi từ đâu mà có? Luân hồi do lưới nghiệp giăng mắc, nên quý vị mới lưu chuyển trong năm đường.

“*Hàng tùy sanh tử dĩ thăng trầm*” (luôn thăng trầm theo sanh tử) tùy theo quý vị tạo nghiệp thiện hay ác, đó là gì? Tập khí, tập tánh. Quý vị làm lành thì là hai đường trời - người; tạo ác thì súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ ba đường ác, vĩnh viễn lưu chuyển trong ấy. Vì sao? Tạo nghiệp trong khi đang thọ báo, do tạo nghiệp nên lại phải thọ báo. Quý vị hãy chú tâm quan sát liền nhận thấy sự tình phiền phức rất lớn, vì sao? Trong lục đạo khó thể vươn lên, đọa lạc rất chóng! Càng đọa càng sâu!

Nếu chúng ta chú tâm quan sát điều này sẽ chẳng khó hiểu chi. Quý vị nghĩ xem: Nay quý vị đã mấy chục tuổi rồi, hãy chú tâm suy tưởng, quan sát. Ta năm nay bảy mươi tuổi, xã hội lúc mình sáu mươi tuổi ra sao? Mười năm trước đó, lúc năm mươi tuổi lại như thế nào? Lúc bốn mươi tuổi, ba mươi tuổi, hai mươi tuổi, lúc mười tuổi. Quý vị cứ lấy mười năm mà so sánh sẽ nhận thấy điều gì? Khoa học kỹ thuật tiến bộ, nhưng luân lý đạo đức thụt lùi, lòng người thiện hay ác? Thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh bị suy thoái với một mức độ lớn. Chúng tôi nói thiện lương, thiện ý, thiện hạnh trong lòng người hiện tại không bằng người lúc mười năm trước. Người thuở mười năm trước không bằng người hai mươi năm trước, người hai mươi năm trước không bằng người ba mươi năm trước. Quý vị cứ nghĩ như thế bèn thấy đáng sợ thật, đời sau kém hẳn đời trước! Tương lai chúng ta phải bị đọa lạc đáng sợ lắm, phải chịu khổ trong ngạ quỷ, địa ngục.

Cũng thế, trong đường ngạ quỷ, trong đường địa ngục, con người hiện tại đọa lạc vào đây chịu khổ nếu so với những kẻ đọa địa ngục, đọa ngạ quỷ trước kia không biết

là khổ sở hơn gấp bao nhiêu lần! Khổ do đâu mà có? Do nghiệp của chính mình chiêu cảm, chẳng phải từ bên ngoài đưa đến; do nghiệp chiêu cảm nên trong Phật pháp thường nói “*nhân quả chẳng không*”. Trong cuộc sống hằng ngày, đối người, đối sự, đối vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không dè dặt. Chớ mặc tình buông lung, kéo sau phải chịu khổ! Chẳng ai gánh chịu thay cho ta đâu! Không gì chẳng phải là tự mình làm, tự mình chịu, chẳng may may liên can đến người khác. Nếu quý vị trách móc người khác thì là tội chồng thêm tội, khổ chồng thêm khổ, “*hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm*” (luôn thăng trầm theo sanh tử).

“*Cặng cổ chí kim nhi mị gián*” (suốt từ xưa đến nay chưa hề gián đoạn). “*Mị gián*” nghĩa là từ trước đến nay chưa hề gián đoạn, suốt từ xưa đến nay. Câu này nói về tình hình cuộc sống của chúng ta sau khi mê cho đến hiện tại. Ở đây, thiền sư Trung Phong chỉ nêu nguyên tắc, nếu chúng ta chú tâm suy tưởng quan sát, mới biết những hiện tượng ấy đáng sợ. Phải giải quyết vấn đề như thế nào? Ngày nay chúng ta học Phật không có gì khác, chỉ là nhằm giải quyết vấn đề này, muốn hiểu rõ chân tướng sự thật này. Không hiểu rõ chân tướng sự thật thì ý niệm muốn giải quyết vấn đề sẽ chẳng thể sanh khởi. Phải hoàn toàn hiểu rõ, thông suốt chân tướng sự thật thì mới biết vấn đề này phải giải quyết, không giải quyết không được! A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị tiếp theo:

Đương tri sanh tự duyên sanh, nhi pháp tánh bất dữ duyên câu sanh. Diệt tự duyên diệt, nhi pháp tánh bất dữ duyên câu diệt. Sở dĩ vân: “Pháp Tánh tràm nhiên”. Thị vị: “Sanh nhi vô sanh” giả dã.

當知生自緣生。而法性不與緣俱生。滅自緣滅。而法性不與緣俱滅。所以云。法性湛然。是謂生而無生者也。

(*Nên biết: Sanh tự duyên sanh, nhưng Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên. Diệt thì duyên tự diệt, chứ Pháp Tánh chẳng cùng diệt theo duyên. Do vậy, nói: “Pháp Tánh tràm nhiên”. Đó là nói về: “Sanh nhưng không sanh” vậy!*)

Đến đây, đại sư bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật. “*Đương tri*” là hãy nên biết. Tuy nói là hãy nên biết, nhưng lục đạo chúng sanh đều không biết. Vì sao không biết? Vì mê! Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian nhằm giúp đỡ chúng ta, tới cứu độ chúng ta. Công đức lớn lao bậc nhất là gì? Là giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Nỗi khổ luân hồi trong lục đạo là do mê, ai có thể cứu được? Phật, Bồ Tát có thể cứu được!

Do vậy, chỉ có Phật, Bồ Tát mới có thể làm chuyện từ thiện cứu tế triệt để nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất. Chẳng phải là quý vị không có gì ăn, bèn cho quý vị một chút thức ăn, quý vị không có áo mặc bèn cho một ít y phục, quý vị không có nhà ở bèn xây cho quý vị mấy gian nhà để ở; người thế gian chúng ta bảo [hành động] đó

là rất từ bi, là từ bi cứu tế. Phật, Bồ Tát không như thế! Phật, Bồ Tát muốn cứu quý vị thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, muốn cứu quý vị ra khỏi mười pháp giới, muốn giúp cho quý vị thành Phật, giúp quý vị vĩnh viễn thoát khỏi hết thảy các nỗi khổ thế gian. Sự nghiệp từ bi cứu tế lớn lao như thế, hết sức đáng tiếc là rất ít người thế gian biết được. Bậc đại thiện nhân như thế không ai nhận biết, dẫu không ai nhận biết nhưng Ngài vẫn thời thời khắc khắc chẳng rời khỏi chúng ta, đó mới là từ bi đến cùng cực. Ngài không rời khỏi chúng ta, thời thời khắc khắc, vĩnh viễn không gián đoạn chăm sóc chúng ta. Chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên hiểu rõ, phải nên thấu hiểu chân tướng sự thật này.

Sanh là duyên sanh, “*nhi Pháp Tánh bất dữ duyên câu sanh*” (nhưng Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên); diệt là duyên diệt, “*nhi Pháp Tánh bất dữ duyên câu diệt*” (nhưng Pháp Tánh chẳng cùng diệt theo duyên). Chúng tôi đổi một chữ sanh diệt [thành “sống chết”] chắc quý vị dễ hiểu hơn. Sanh là thân thể của chúng ta được sanh, diệt là thân thể này chết. Chúng tôi dùng “sống, chết” để nói chắc quý vị dễ hiểu hơn. Sanh, đúng là duyên sanh. Thân thể của chúng ta do Tứ Đại, Ngũ Âm, các duyên hòa hợp tạo thành. Nói theo cách bây giờ thì thân thể này do rất nhiều khí quan, kinh mạch và tế bào hợp thành; nhưng tâm tánh của chúng ta không phải là những khí quan, không phải là kinh mạch, cũng không phải là tế bào, cái nào cũng đều không phải. Tâm tánh không phải là vật chất, vật chất có sanh diệt; tâm tánh của chúng ta không sanh diệt, điều này cũng rất khó hiểu.

Hiện thời nói chung quý vị nhờ vào Internet để tiếp nhận những tin tức của chúng tôi, hoặc là qua CD, qua băng thâu hình do chúng tôi chế tác, quý vị nhìn vào màn huỳnh quang của TV sẽ trông thấy tôi. Tôi dùng tỷ dụ này để giảng cho quý vị dễ hiểu. Màn huỳnh quang của computer hay máy truyền hình giống như Pháp Tánh, những hình ảnh hiện nơi màn hình là “*duyên sanh sanh diệt*” (sự sanh diệt do các duyên tụ tập hay tán hoại). Quý vị hãy nghĩ coi: Những hình ảnh hiện trên màn hình có sanh, có diệt, nhưng cái màn hình ấy có sanh diệt hay không? Không có! Lại dùng điện ảnh để tỷ dụ: Tôi cho rằng người hiện thời ai nấy đều đã từng coi phim, cái phòng màn để chiếu phim giống như Pháp Tánh mà chúng ta đang đề cập ở đây. Những hình ảnh chiếu trên phòng màn có sanh diệt, đó là duyên sanh. Vì thế, cái hiện tượng (tượng được hiện) này có sanh có diệt, còn cái phòng màn có thể hiện ra hình tượng (không có phòng màn, hình ảnh không hiện được) thì không sanh, không diệt.

Từ những tỷ dụ này, quý vị thấu hiểu: Pháp Tánh giống như cái màn để chiếu phim, cái gì cũng không có, nhưng nó lại có thể hiện tượng, dẫu hiện tượng, nhưng lại không nhiễm trước. Dùng chuyện này để tỷ dụ chân tâm rất hay! Có đôi chỗ tương tự! Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, chúng ta sẽ dụng tâm giống như cái màn để chiếu phim, mặc sức quý vị hiện tượng này nọ. Quý vị hiện tượng Phật, Bồ Tát rất tốt, mà hiện tượng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng tốt, không gì chẳng tốt, chắc chắn không phân biệt, chắc chắn không chấp trước, chắc chắn không nhiễm ô mây may.

Có thể nói là hiện tại, quý vị ngày nào cũng phải tiếp xúc với màn huỳnh quang của máy truyền hình hay màn hình của computer, cái gì chúng cũng không có, nhưng cái gì cũng hiện được. Thế nhưng những máy móc ấy có thể hiện được là nhờ vào ngoại duyên, [vẫn là] duyên sanh. Sanh là hiện ra tướng, tướng chính là duyên sanh. “*Pháp Tánh bất dữ duyên câu sanh*” (Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên). Cái

màn hình có thể hiện được hình ảnh ấy chẳng sanh cùng một lúc với hình ảnh, không phải thế. Diệt thì những hình ảnh trên màn hình đã hiện xong; tắt nguồn điện đi, không còn nữa, những tướng ấy diệt mất, không còn nữa, nhưng cái màn hình tuyệt đối chẳng bị tiêu diệt theo tướng ấy.

Như vậy, màn hình là bất sanh bất diệt, hình ảnh là hữu sanh hữu diệt. Hình ảnh chính là cảnh giới sáu trần bên ngoài hiện thời mà sáu căn của chúng ta tiếp xúc. Các căn của chúng ta lẫn cảnh giới bên ngoài đều là hữu sanh hữu diệt. Pháp Tánh có thể hiện tướng, nó là bất sanh bất diệt, giống như cái màn hình không có sanh diệt, nó vĩnh hằng, đó mới thực sự là mình. Nhà Thiền nói “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, đó mới thực sự là chính mình, không đâu chẳng tồn tại. Lại thừa cùng quý vị: Từ trước đến nay, nó không hề lay động. Pháp Tánh trạm nhiên, từ trước đến nay chưa từng lay động, từ trước đến nay chưa từng bị nhiễm ô, có đủ thấy - nghe - hay - biết.

Như vậy, [khả năng] thấy - nghe - hay - biết của con người chúng ta là do đâu mà có? Do Pháp Tánh mà có. Khả năng thấy - nghe - hay - biết của hết thủy vạn vật do đâu mà có? Cũng là từ Pháp Tánh. Không lạ lùng chút nào cả! Nó vốn sẵn là như vậy, kể cả hư không, nếu hư không chẳng thấy - nghe - hay - biết, nó sẽ chẳng thể truyền đạt sự thấy - nghe - hay - biết. Hiện thời có rất nhiều tín hiệu phải nhờ vào hư không để chuyên đi là vì hư không có thấy - nghe - hay - biết. Do đây biết rằng: Toàn thể vũ trụ sống động, không phải chết cứng, sống động, hoạt bát. Quý vị thấy núi, sông, đại địa, cây cỏ, bùn cát, đá tảng dường như ù lì, không linh hoạt, chứ thật ra chúng linh động.

Văn Thù Bồ Tát nói: “*Tướng trùng thành quốc độ*” (tướng ngưng đọng thành cõi nước), nói theo ngôn ngữ hiện thời thì câu này có nghĩa là: Vật chất do đâu mà có? Ngài giảng rất rõ ràng: “*Tri giác nãi chúng sanh*” (Do tri giác bèn thành chúng sanh), câu này giảng rất hay: Hết thủy chúng sanh đều có tri, đều có giác, vì sao? Pháp Tánh đây! Tại động vật thì gọi là Phật Tánh, tại thực vật và khoáng vật thì gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, đều là thấy - nghe - hay - biết. Chúng tôi hết sức cảm tạ những nhà khoa học, hiện tại họ dùng phương pháp khoa học chứng minh thực vật cũng thấy - nghe - hay - biết, khoáng vật cũng thấy - nghe - hay - biết. Điều này giúp chúng tôi lý giải, hiểu sâu thêm một tầng, giúp ích cho việc dạy dỗ của chúng tôi, có tác dụng rất lớn; đặc biệt là đối với chính bản thân chúng tôi. Trong quá khứ, bản thân chúng tôi nghiên cứu kinh giáo, thực sự không có chứng cứ khoa học. Chúng tôi tin tưởng là nhờ vào Thánh Ngôn Lượng⁶, tức là thánh nhân chẳng lừa dối chúng ta [cho nên, những gì kinh điển Phật giáo đã nói chẳng phải là bịa đặt]. Sau đây, nhờ vào công phu tu hành của chính mình mới đạt đến một trình độ nhất định. Đây là tu Định. Đạt đến một mức độ nhất định thì cảnh giới ấy hiện tiền, tự mình chứng ngộ, quý vị đã chứng đắc rồi.

Hiện nay, dùng phương pháp khoa học thì dù chúng ta chưa đạt đến mức độ tu hành như vậy, cũng vẫn có thể thấy được, dùng máy móc, dụng cụ giúp chúng ta chứng minh. Đương nhiên, máy móc chỉ giúp chúng ta chứng minh một cách hữu

⁶ Thánh Ngôn Lượng là một trong ba thứ so sánh (Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng) để nhận định, phán định chân lý. Thánh Ngôn Lượng còn gọi là Thánh Giáo Lượng chính là dựa trên những lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, A La Hán để luận định sự việc.

hạn, lại chỉ chứng minh được những gì rất thô tháp. Từ Thiên Định mà chúng đấng sẽ thấy chúng tốt bậc vi tế, lại còn rộng sâu. Chúng ta cảm tạ những nhà khoa học đã cung cấp những tin tức này, khiến cho tín tâm của chúng ta tăng gấp bội, chúng ta biết phải khéo đối xử với chính mình như thế nào, biết phải khéo đối đãi trong hoàn cảnh sống của chính mình như thế nào. Trong hoàn cảnh bao gồm cả hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ trong xã hội) lẫn hoàn cảnh vật chất. Đối với hết thảy hữu tình chúng sanh, đó là hoàn cảnh nhân sự. Đối với hết thảy vô tình chúng sanh, đó là hoàn cảnh vật chất. Chúng ta giống như Phật, Bồ Tát, dầu chẳng thể nói là hoàn toàn giống hệt, nhưng dần dần rất gần giống. Đãi người, xử sự, tiếp vật giống hệt như Phật Như Lai, sẽ dần dần khế nhập cảnh giới của Phật.

Đoạn khai thị này nhằm giải thích cho chúng ta biết: “*Sở dĩ vân: Pháp Tánh trạm nhiên, thị vị sanh nhi vô sanh giả dã*” (Cho nên nói: “*Pháp Tánh trạm nhiên*”. Đây là nói về “*sanh nhưng không sanh*” vậy). Thế nào là “*sanh nhưng không sanh*”? Điều này được giải thích nhiều như thế đó. Sanh là dấu vết sanh diệt của chúng sanh. Nói cách khác, sanh là tướng được hiện ra. Pháp Tánh bất sanh bất diệt, Pháp Tánh không phải là tướng được hiện. Nói theo cách bây giờ, Pháp Tánh không phải là vật chất, vật chất sanh khởi từ Pháp Tánh. Do vậy, tướng được hiện của vật chất có sanh diệt; còn tướng được của Pháp Tánh không có sanh diệt. Từ Tướng quý vị thấy được Tánh, đó là “*sanh nhi vô sanh*” (sanh nhưng không sanh). Đúng là như chúng ta trông thấy những tướng được hiện ra trên màn huỳnh quang, đồng thời ta cũng thấy được chính cái màn huỳnh quang ấy. Quý vị biết tướng được hiện trên màn hình có sanh diệt, còn màn hình là bất sanh bất diệt. Trong sanh diệt, quý vị thấy không sanh không diệt, chuyện này dễ hiểu. Từ chỗ này, quý vị phải chú tâm lãnh hội. Chúng ta lại đọc tiếp đoạn kệ:

Vô sanh nhi sanh giả...

無生而生者。

(*Vô sanh mà sanh là*).

Đây là luận về Tướng. Tướng vốn không có, không có tướng mà nay lại có. Có như thế nào? Ở đây, thiền sư Trung Phong bảo chúng ta:

Chúng sanh mê vọng nhập tâm.

眾生迷妄入心。

(*Chúng sanh do mê vọng đã nhập tâm*).

Thưa cùng quý vị, cái tâm ấy là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Do vì mê vọng nên không nhập được chân tâm. Chân tâm thuần chân, tuyệt đối không thể kèm theo vọng. Tâm ấy là gì? Tâm ấy là thức thứ tám, chúng ta thường gọi là A Lại Da Thức. Thực sự nhập A Lại Da Thức! A Lại Da Thức giống như cái kho, tất cả hết thảy mê vọng đều cất chứa trong A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là kho lẫm; vì thế, trong kinh điển, đức Phật gọi thức này là Hàm Tàng Thức hoặc Tạng Thức. Tạng (藏) là kho lẫm. Chúng ta khởi tâm động niệm bèn ghi ấn tượng (người hiện thời nói là “ghi ấn tượng”) vào đâu? Chính là cất giữ trong A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là

vọng tâm, nó cũng rộng lớn không ngăn mé, giống như hư không. Những ấn tượng ấy không phải là vật chất, cho nên không có thể tích. Trong kinh, đức Thế Tôn đã từng nhắc đến. Đức Phật nói: Nếu ấn tượng có thể tích thì tội cùng cõi hư không chẳng thể chứa đựng hết. May là chúng không có thể tích, chúng được tàng trữ trong A Lại Da Thức.

Ngày hôm qua chúng ta làm những chuyện gì, quá khứ làm những việc gì, hoặc là mấy chục năm trước làm chuyện gì, có những ấn tượng rất sâu đậm, hễ nghĩ tới bèn tưởng tượng được ngay. Nếu những ấn tượng ấy không có một chỗ nào giống như một cái kho tài liệu để cất giữ, ngõ hầu lúc nào chúng ta cần rút tài liệu ra thì sự việc trong quá khứ bèn hiện bày ngay trước mặt; nếu không có một cái kho như vậy thì chẳng phải là cái gì cũng không có hay sao? Cái kho tài liệu ấy không bị hư nát, vĩnh viễn tồn tại bất hoại. Những thứ được tàng trữ trong kho ấy là đời đời kiếp kiếp, từ vô thủy đến nay, tất cả hết thảy điều thiện cũng vậy, mà tất cả hết thảy điều bất thiện cũng thế, điều vô ký (không thiện không ác) cũng thế, hết thảy đều được cất giữ trong kho ấy. Chúng ta muốn lấy ra một điều nào thì điều ấy bèn lập tức xuất hiện, hết sức nhanh chóng; ngay cả máy điện não (computer) hiện tại cũng chẳng thể sánh kịp. Máy điện não do con người phát minh, vĩnh viễn không thể nào sánh kịp bộ óc con người. Cái tâm ấy “*mê vọng nhập tâm*”, tâm ở đây là A Lại Da Thức.

Tích nghiệp thành quả.

積業成果。

(Chứa nghiệp thành quả).

“*Tích*” (積) là tích lũy (chất chứa), những tội nghiệp đã tạo tác từ vô thủy đến nay được chất chứa, đến bây giờ biến thành quả, báo bèn hiện tiền, tức là Báo Chương trong ba chương. “*Mê vọng nhập tâm*” là Phiền Não Chương, “*tích nghiệp*” là Nghiệp Chương, “*thành quả*” là Báo Chương. Thôi rồi! Quả báo hiện tiền!

Hư thọ luân chuyển, vọng kiến sanh diệt.

虛受輪轉。妄見生滅。

(Đối chịu luân chuyển, lầm thấy sanh diệt).

Luân hồi không thật, lục đạo không thật, là huyễn tướng. Kinh Kim Cang ví rất khéo: “*Mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Mộng, huyễn, bọt, bóng). Phàm phu không biết, cho đó là thật, bởi thế, đối với những chuyện đó bèn nầy sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức là bị cảnh giới xoay chuyển. Không như người giác ngộ, người giác ngộ chuyên được cảnh giới, hoàn toàn làm chủ cảnh giới. Phàm phu đáng thương, coi cảnh giới hư vọng chẳng thật là thật, tâm bị cảnh giới chuyển. Tâm ấy là vọng tâm, còn chân tâm chẳng khởi tác dụng, vì mê rồi, bị mê mất rồi, không biết một tí nào cả! Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, những điều mình nghĩ, mình tưởng đều là vọng tâm. Nếu chúng ta hỏi chân tâm có tồn tại hay chẳng ư? Chân tâm tồn tại. Tôi vừa mới nói chân tâm giống như cái màn hình, nó không sanh, không diệt, không đến, không đi, như như bất động, nó tồn tại. Tồn tại như thế nào? Chẳng khởi tác dụng! Quý vị không nhận biết nó, sẽ không dùng được nó. Người giác ngộ biết

dùng, biết dùng thì được đại tự tại. Vì sao? Chẳng bị cảnh giới chuyển. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được vật thì giống như Như Lai). Bản lãnh của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai là nhận chân chứ không nhận vọng, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển.

Pháp Tánh ở tại đâu? Pháp Tánh chẳng lìa Pháp Tướng. Có thể nói là giống như chúng ta xem truyền hình, màn hình ở đâu? Chỗ nào quý vị thấy được hình ảnh thì chỗ đó chính là màn hình, màn hình không tách rời hình ảnh, hình ảnh chính là màn hình. Như vậy, thánh nhân từ hình ảnh mà thấy được màn hình bất sanh bất diệt, thấy được màn hình như bất động, tâm Ngài không động, chẳng bị cảnh giới nơi màn hình xoay chuyển. Hình ảnh rõ ràng, sáng tỏ, chẳng mảy may dính dáng gì đến Pháp Tánh cả, nó giữ được cái tánh.

Do đó, từ đây ta cũng có thể hiểu được cảnh giới của các bậc thánh nhân, dẫu nay chúng ta chưa làm được, nhưng đã suy tưởng được. Ở trong ngũ dục lục trần, trong đại thiên thế giới, các Ngài đứng là giống như đang xem phim hay đang coi truyền hình vậy, nhất định chẳng sanh nhiễm trước, thấy rất rõ ràng, rất minh bạch. Đó là Huệ, chính là như kinh Bát Nhã đã nói: “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri nhưng không gì chẳng biết). Các Ngài thấy rất rõ ràng, không gì không biết. Vô tri là gì? Vô tri là Pháp Tánh, vô tri mới là chân tri (thực sự biết).

Lục đạo phàm phu hoàn toàn tương phản, họ có biết, nhưng cái họ biết chỉ là tất cả hết thấy những tướng hiện ra trên màn hình, quên mất cái màn hình, hoàn toàn quên bẵng, không biết những hình ảnh đó phải nhờ vào màn hình mà biến hiện, quên tuốt cái màn hình, hoàn toàn chấp tướng. Lục đạo phàm phu là như vậy đó! Cho những tướng ấy là chân thật, đối với tướng bèn khởi vọng tưởng, khởi phân biệt, khởi chấp trước, niệm niệm so đo, chẳng biết chúng là hư huyền, hư vọng, về căn bản chẳng hề tồn tại. Vì sao? Vì những tướng ấy sanh diệt trong từng sát-na.

Quý vị hãy nghĩ xem có phải là những hình ảnh trên màn hình sanh diệt trong từng sát-na hay không? Chắc chắn chẳng có hai tướng nào giống nhau. Dễ thấy nhất là phim ảnh, [hình ảnh hiện ra hay biến mất] là do ống kính đóng hay mở, rõ rệt quá! Truyền hình tiến bộ hơn phim ảnh, người xem truyền hình rất nhiều, nhưng người hiểu được nguyên lý của truyền hình không nhiều. Người hiểu được nguyên lý của truyền hình sẽ hiểu tướng là hư vọng. Tướng của truyền hình là gì vậy? Là tổ hợp của những tia quét, mỗi tia quét do các vi điểm (pixel)⁷ hợp thành, nhiều điểm hợp thành tia quét, nhiều tia quét hợp thành hình ảnh. Nguyên lý là vậy. Do các tia quét di động rất nhanh nên ta chẳng biết [hình ảnh được tổng hợp bởi các tia quét ấy] là giả tướng. Mỗi giây, nơi ống kính của máy chiếu phim, hình ảnh được sanh diệt hai mươi bốn lần (ống kính mở là sanh, ống kính đóng là diệt). Nhìn trên màn bạc, những hình ảnh trông rất thật, không biết chúng là giả tướng. Những tia quét trong máy truyền hình di động nhanh hơn tốc độ đóng mở ống kính của máy chiếu phim không biết gấp bao

⁷ Khi TV vận hành, để hiển thị hình ảnh, hình ảnh được chia thành tập hợp những dải nhỏ (gọi là scan line), máy truyền hình sẽ phóng ra những chùm điện tử dựa theo cấu trúc của hình ảnh trong các dải ấy để quét ngang màn hình theo từng đường (thường gọi là raster), khi quét hết chiều ngang, sẽ đi xuống dòng kế tiếp. Khi nào quét hết màn hình sẽ trở lại dòng đầu tiên. Mỗi một raster bao gồm nhiều pixel. Pixel là cách gọi tắt chữ ‘picture element’, là đơn vị nhỏ nhất của hình ảnh. Mỗi pixel chính là hình ảnh được mã hóa (digitalized) tại một vị trí nhất định, nó chứa đựng giá trị của những tham số (parameters) về màu sắc (RGB), cường độ sáng v.v...

nhiều lần, nên chúng ta bị lừa dối. Nếu tốc độ di động chậm lại, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Mỗi tia quét di động chậm lại, chuyển động từ từ thì quý vị sẽ hiểu rõ hình ảnh được xuất hiện ra sao; vì chúng xuất hiện quá nhanh nên quý vị không biết được.

Như vậy, nói “luân hồi” là giả, không thật! Thế nhưng quý vị không hiểu, giống như nằm mộng. Mộng là giả, nhưng lúc quý vị nằm mộng không biết mình đang nằm mộng; bởi thế mới có chuyện quý vị chịu khổ, hưởng vui trong mộng. Nếu biết là đang nằm mộng, cổ nhân nói: Nếu biết mình đang nằm mộng, trong mộng thấy cạp muôn ăn thịt mình, ta cũng hết sức phát tâm, phát khởi lòng từ bi, đem thân này thí cho cạp, mộng cảnh mà! Quý vị không biết là nằm mộng, cứ cho đó là thật, nên thấy cạp chạy đến, kinh hoảng toát mồ hôi lạnh khắp mình.

Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, đến hóa độ chúng sanh, chúng ta thường nghe nhà Phật có câu nói: “*Đại tác mộng trung Phật sự, khả kiến thủy nguyệt đạo tràng*” (Làm Phật sự lớn lao trong mộng, xây dựng đạo tràng bóng trăng trong nước). Đạo tràng là bóng trăng trong nước, Phật sự là chuyện trong mộng. Vì thế, bậc ứng hóa rất tự tại, ở trong những pháp giới ấy giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, đúng là chẳng lưu lại vết tích. Nếu quý vị hỏi các Ngài có tạo tác gì hay chẳng ư? Các Ngài không tạo tác, làm nhưng không làm, không làm mà làm. Nhìn từ quan điểm của chúng sanh, các Ngài làm rất nhiều, nhưng trên thực tế, chuyện gì các Ngài cũng không làm.

Bởi thế, quý vị phải hiểu: Nay chúng ta luân hồi trong lục đạo, nhưng Phật, Bồ Tát, người giác ngộ thấy chúng ta chỉ luân hồi một cách hư giả; vì thế, chúng ta được gọi là những “*kẻ rất đáng thương xót*”. Vì sao đáng thương xót? Thực sự đáng thương xót lắm! “*Vọng kiến sanh diệt*” (Làm thấy sanh diệt): Đối với sanh diệt, đối với chết chóc sợ hãi như thế ấy, sợ phát khiếp như thế là vì vọng kiến (thấy sai lầm). Khi quý vị đã thực sự hiểu rõ thì không có sanh diệt, không có sống chết, chỉ là thay đổi cảnh giới mà thôi. Chỉ là đổi một cảnh mộng này sang một cảnh mộng khác, không có cách nào lay tỉnh quý vị được! Hễ tỉnh ra thì sáu nẻo không còn nữa. Vĩnh Gia đại sư nói rất hay: “*Trong mộng đành rành phô sáu nẻo, tỉnh rồi ba cõi rỗng toang hoang*”. Giác ngộ rồi thì không còn nữa! Tiếp theo đây, thiền sư Trung Phong dùng tỷ dụ để thuyết minh, hy vọng rằng: Nếu với những điều vừa nói ở trên, quý vị không có cách gì lãnh hội được thì sẽ nhờ vào tỷ dụ này mà giúp cho quý vị hiểu được!

Ư Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng, tự châu tùy sắc. Đương tri kính quang bản tịnh, châu thể tuyệt ngân. Vật cảnh hồ chương, bất vi sắc tượng. Bĩ sắc tượng chi khứ lai, do nghiệp quả chi nhiễm nhiễm dã.

於法性體上。如鏡現像。似珠隨色。當知鏡光本淨。珠體絕痕。物境互彰。不違色像。彼色像之去來。猶業果之儼然也。

(*Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương, giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [của những vật xung quanh]. Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, Thể của châu tròn không có tỳ vết. Vật và cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch. Hình sắc ấy đến đi giống như nghiệp quả đành rành vậy).*

Đọc đến đoạn này, có thể nói là giống như những tỷ dụ về màn hình trong phim ảnh, của máy truyền hình, hay của máy điện não mà chúng tôi đã dùng. Từ những tỷ

dụ ấy, nếu chúng ta chú tâm thể hội thì quả thật y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều giống như vậy, đều không thật, Nhất Chân pháp giới mới là thật! Hoa Tạng, Cực Lạc là thật, là Nhất Chân pháp giới. Mười pháp giới đều là mộng, huyền, bọt, bóng, chứ không riêng gì lục đạo.

“*U Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng*” (Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương): Thời cổ chưa có khoa học, kỹ thuật, trong cuộc sống hằng ngày, mọi người thường dùng đến gương. Sáng sớm ngủ dậy, buổi tối trước khi ngủ, rửa mặt đều phải soi gương, “*Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng*” (Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương). Lại nữa, “*tự châu tùy sắc*” (giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [của những vật xung quanh]), bảo châu là thứ được mọi người yêu thích, thể nhưng người có châu báu không nhiều, nói chung phải là hạng phú quý; còn gương hầu như nhà nào cũng có, là một vật dụng rất thông dụng.

Châu có màu chẳng phải vì chính nó có màu, mà do phản chiếu màu sắc bên ngoài. Nay bảo châu được dùng rất nhiều vì có rất nhiều loại bảo châu nhân tạo, làm gần giống như thật, rất khó phân biệt. Chiếu ánh sáng vào châu theo những góc độ khác nhau, nó bèn hắt ra những tia sáng có màu sắc khác nhau. Điều này con người hiện thời hiểu rất rõ rệt: Châu vốn không có ánh sáng, được ánh mặt trời hoặc ánh đèn soi vào, sẽ thấy nó tỏa ra ánh sáng có màu sắc. Vì thế, “*đương tri kính quang bốn tịnh*” (phải biết ánh sáng nơi gương vốn tịnh): Gương vốn thanh tịnh, nơi gương vốn chẳng có hình sắc; châu cũng rất thanh tịnh, cũng không có màu sắc sáng chói. Vì thế, đại sư bảo chúng ta: “*Đương tri kính quang bốn tịnh, châu thể tuyệt ngân*” (Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, thể của châu trọn không có tỳ vết), không có vết sứt mẻ, hoàn toàn thanh tịnh.

“*Vật cảnh hỗ chương, bất vi sắc tượng*” (Vật và cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch): Những cảnh giới bên ngoài gương là “*vật cảnh*”. Vật là gương hay châu, cảnh giới bên ngoài soi vào [những vật] đó, chúng bèn phản chiếu lại, đó là “*hỗ chương*”. Chương (彰) có nghĩa là sáng rõ. Gương chiếu soi cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài hiện bóng trong gương; ánh sáng chiếu vào châu, châu tỏa ra màu sắc. “*Bất vi sắc tượng*” (hình sắc chẳng trái nghịch), hình tượng tự nhiên hiện ra những tướng như vậy, điều này rất dễ hiểu!

Những hình sắc ấy có sanh, có diệt, lúc chiếu là sanh, lúc không chiếu là diệt. Nếu chúng ta di động cái gương, dùng mặt này soi thì cảnh giới sẽ sanh nơi mặt này, soi bằng mặt kia thì cảnh giới bên mặt này không còn nữa, diệt mất; mặt kia lại sanh. Soi mặt mũi tôi, mặt mũi tôi bèn sanh trong gương; đem soi vào mặt anh, mặt tôi bèn biến mất, mặt anh bèn sanh. Cảnh giới dường như có sanh, có diệt, nhưng cái gương (có khả năng chiếu soi) không sanh, không diệt. Châu biến đổi màu sắc thuận theo ánh sáng, biến đổi là có sanh có diệt, chứ bản thể của châu không sanh không diệt.

Như vậy, “*sắc tượng khứ lai*” (hình sắc đến đi): Chữ “*sắc*” (色) chỉ cho châu vì châu hiện sắc, gương hiện hình. “*Do nghiệp quả chi nghiêm nhiên dã*” (giống như nghiệp quả rành rành), “*ng nghiêm nhiên*” là tự nhiên. Hết thấy bọn chúng sanh chúng ta vì mê hoặc chân tướng sự thật (Thật Tướng của các pháp), nên khởi Hoặc tạo nghiệp, biến hiện thành quả báo, giống như hình ảnh hiện trong gương, giống như

màu sắc xuất hiện nơi châu, không phải là chân thật. Gì là chân thật? Tánh của chúng ta là chân thật, ở đây nói Pháp Tánh là chân vậy.

Nếu bây giờ chúng ta hỏi Pháp Tánh ở nơi đâu thì như kinh Lăng Nghiêm đã giảng: “*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*” (Từ cửa ngõ sáu căn phóng quang lay động cõi đất). Chư Phật Như Lai thấy được điều này nên chấp tay gọi quý vị là Phật, vì sao? Vì quý vị có Phật Tánh, tánh của quý vị và tánh của Phật không hai, không khác. Các Ngài là Phật nhưng vì sao quý vị không là Phật? Hết thầy chúng sanh đều là Phật, vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Trong pháp Đại Thừa thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Ta thấy được Tánh, từ nơi Tướng thấy được Tánh sẽ thành Phật. Tuyệt đối chẳng mê nơi tướng thì gọi là “đại triệt đại ngộ”, Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, Niệm Phật gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”, thực sự nhất tâm bất loạn!

Thế nào là nhất tâm? Hóa giải hết thầy tất cả đối lập thì mới gọi là “nhất tâm”. Có người, có ta, ta và người đối lập thì chẳng phải là nhất tâm; trong nhất tâm không có đối lập. Chúng ta thường hay nói đến Phật và chúng sanh, tức là vẫn còn có Phật và chúng sanh, như vậy là còn mê, chưa giác ngộ. Giác ngộ thì sao? Giác ngộ rồi thì không Phật, không chúng sanh, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, là một, không phải hai, đó là nhất tâm. Phàm những gì đối lập hay tương đối đều không có. Chân - vọng không có, tà - chánh không có, thiện - ác không có, đúng - sai không có, ta - người không có, xa - gần không có, trước - sau không có, đó mới là nhất tâm bất loạn, đó là “*nhập pháp môn Bất Nhị*”, đó là “*nhập Phật cảnh giới*”. Cảnh giới của Phật là giác ngộ triệt để, được đại tự tại, “*Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”.

Hết thầy mọi thứ không gì chẳng tùy thuận Phật Tánh, chẳng tạo nghiệp, không có phiền não. Phiền não không còn, nghiệp không còn; vì vậy, quả báo trong sáu nẻo và mười pháp giới không còn nữa. Đó là “*giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”, chỉ còn sót lại cảnh giới nào? Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là Hoa Tạng, là Cực Lạc. Chúng ta xem đoạn tiếp theo, nếu quý vị muốn thực sự hiểu được những tỷ dụ trên, quý vị phải chú tâm lãnh hội:

Cổ chư Phật ư nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh.

故諸佛於儼然生滅中。唯見無生。

(Bởi thế, chư Phật trong sự sanh diệt rành rành, chỉ thấy vô sanh).

Câu này rất dễ hiểu. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát thấy hết thầy vạn vật, dầu là lục đạo hay là mười pháp giới đều là bất sanh bất diệt. Vì sao? Các Ngài từ Tướng thấy được Tánh, Tánh cũng như Tướng không trở ngại; cốt sao quý vị hiểu được chân tướng sự thật này. Vì sao? Như tấm gương soi chiếu vạn vật bên ngoài có trở ngại gì hay không? Vạn vật hiện trong gương, gương tròn chẳng nhiễm, mây may trở ngại cũng không có. Vì sao nay chúng ta có chương ngại? Do chúng ta nhiễm trước. Chúng ta mắt thấy, tai nghe, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn khởi tâm, động niệm, sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vậy là hồng bết rồi! Phật, Bồ Tát hiểu rõ chân tướng sự thật rõ ràng minh bạch, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm,

chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Những lời này tôi đã nói rất nhiều năm rồi, ai thực hiện được thì người ấy thành tựu.

Lời này chẳng phải để nói suông, có nói cũng vô ích, [chỉ là] kể tên món ăn, đếm của báu nhưng chính mình chẳng được thọ dụng! Nếu chính mình đối với cảnh giới hiện tiền, ta thấy sắc, nghe tiếng, quả thật biết chân tướng sự thật rõ rệt, minh bạch: Đây là Tướng Phần, kia là Tánh Phần, thực sự khế nhập cảnh giới, Tánh và Tướng như một. Nếu Tánh và Tướng vẫn là đối lập thì vẫn là đang mê, chưa ngộ! Thực sự giác ngộ thì Tánh và Tướng là một, Sự - Lý là một, nhân quả là một, quý vị nhập Nhất Chân, đặc nhất tâm. Do như vậy mà đặc nhất tâm .

Bởi thế, tách lìa hết thấy cảnh giới thì quý vị sẽ đạt được nhất tâm từ đâu đây? Huống hồ quý vị có lìa được cảnh giới hay chăng? Không lìa được! Quý vị chỉ có thể chuyển đổi, chứ chắc chắn không thể lìa khỏi được. Vì sao không tách lìa được? Pháp Tánh tự nhiên hiện, có thể tánh thì tự nhiên bèn hiện tướng, hễ có hiện tướng thì tự nhiên có tác dụng. Thể - Tướng - Dụng là một nhưng ba, tuy ba mà một, giống như hình tướng hiện trong gương, là một không hai. Đúng là mê - ngộ bất đồng, do vậy: “*Chư Phật u nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh*” (chư Phật trong sự sanh diệt rành rành, chỉ thấy vô sanh), trong Tướng thấy Tánh, Tánh và Tướng như một.

Chúng sanh u trạm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.

眾生於湛然無生中。唯見生滅。

(Trong vô sanh trạm nhiên, chúng sanh chỉ thấy sanh diệt).

Chúng sanh đang mê, vô sanh là Pháp Tánh. Nơi Pháp Tánh, chúng sanh thấy hiện tướng sanh diệt, chỉ thấy được Pháp Tướng, coi Pháp Tướng là đối lập, quên mất Pháp Tánh vô sanh, hoàn toàn không biết mình đối lập nơi tướng hư vọng. Giống như chúng ta thấy cái phong màn đây; cái phong màn này là tướng, phía sau có núi, có mây vờn, có cây cối, phân biệt như thế. Sự phân biệt ấy là khởi tâm động niệm: Đây là núi, đây là mây, đây là cây, cây không phải là núi, núi không phải là mây. Dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hỏng rồi, mê rồi, càng mê sâu hơn, càng chấp trước nghiêm trọng hơn. Chư Phật, Bồ Tát không vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, thấy rất rõ ràng, không khởi tâm động niệm. Các Ngài không nói đây là cây, đây là mây, đây là núi, không hề có, nhất thể! Bất đắc dĩ thì gọi bằng một danh từ, đó là Pháp Tướng.

Pháp Tánh có thể hiện (năng hiện), Pháp Tướng là cái được hiện (sở hiện), Pháp Tánh là một, Pháp Tướng bất nhị, đó là trí huệ chân thật. Có như vậy mới thấy chân tướng sự thật rõ ràng, minh bạch, không mê, không nhiễm. Chúng ta học Phật phải lấy việc khế nhập cảnh giới này làm mục tiêu tu học, kinh thường gọi điều này là “*nhập Phật tri kiến*”. A! Nay đã đến giờ rồi!

Tập 44

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phân khai thị của thiền sư Trung Phong trong thời thứ nhất. Chúng tôi đã đọc đoạn sau đây:

Cổ chư Phật w nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh; chúng sanh w trạm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.

故諸佛於儼然生滅中。唯見無生。眾生於湛然無生中。唯見生滅。

(Vì thế, chư Phật đối với sự sanh diệt đành rành, chỉ thấy vô sanh; chúng sanh đối với vô sanh trạm nhiên chỉ thấy sanh diệt).

Hai câu này tôi đã giảng rồi. Thiền sư Trung Phong quả thật đã dùng lời giải thích trực tiếp, thích đáng nhất để thuyết minh chúng sanh khác với Phật ở chỗ nào. Chúng ta hãy xem đoạn văn khai thị tiếp theo đó:

Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại trí hiện lượng chi bất nhất; thật nãi sanh vô tự tánh, vô sanh diệt vô tự tánh, ngộ tắc sanh diệt giai vô sanh, mê tắc vô sanh giai sanh diệt. Sở dĩ, ly thử biệt vô, thị nãi nhất thể nhi dị danh dã.

只因迷悟之有差。遂致現量之不一。實乃生無自性。無生亦無自性。悟則生滅皆無生。迷則無生皆生滅。所以離此別無。是乃一體而異名也。

(Chỉ do mê - ngộ sai khác mà đến nỗi hiện lượng⁸ khác nhau, chứ thật ra, sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh. Hễ ngộ thì sanh diệt đều là vô sanh, còn mê thì vô sanh đều thành sanh diệt. Do vậy, lìa khỏi cái này thì không còn gì khác, đấy chỉ là một Thể mà tên gọi khác nhau).

Chúng ta đọc đến đoạn này. Trong đoạn trên, đại sư đã vì chúng ta thuyết minh tỉ mỉ: Chúng sanh và Phật sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở chỗ mê hay ngộ, mê thì gọi là chúng sanh, giác ngộ thì gọi là Phật. Vì vậy, ở đây, thiền sư nói: “*Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai*” (Chỉ do mê hay ngộ mà có sai khác). Mê hay ngộ là quý vị thấy cảnh giới bên ngoài, tức sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, mắt thấy, tai nghe, thân thể tiếp xúc, cho đến tất cả hết thấy cảm thọ đều khác nhau. Những đạo lý như vậy nếu giảng giải một cách nông cạn thì không đến nỗi khó hiểu lắm. Ví như chúng ta cùng sống trong thế gian này như nhau, nhưng do trình độ văn hóa khác biệt, sự tu dưỡng sai khác, thấy cảnh giới bên ngoài – tức là đối với hết thấy người, sự, vật – mỗi người cảm nhận khác nhau. Đây là một sự thật rất rõ ràng. Ngoài ra, cũng có thể nêu một thí dụ khác: Như khi mỗi một người chúng ta đang vui vẻ, thấy hết thấy người, sự,

⁸ Hiện Lượng (Pratyaksa pramāna): Đây là thuật ngữ của Nhân Minh Học, có nghĩa là sự nhận biết thông qua tác dụng phân biệt suy nghĩ. Có hai loại:

- Chân Hiện Lượng là sự nhận biết chính xác, chưa bị ảnh hưởng bởi những huyền tưởng, chưa thông qua kinh nghiệm trực tiếp của khái niệm.
- Tự Hiện Lượng là sự nhận biết đã bị huyền tưởng chi phối hoặc thông qua kinh nghiệm trực tiếp của khái niệm (theo Phật Quang Đại Tự Điển)

vật đều cảm thấy vui thích; nếu khi chúng ta đang lo buồn, phiền não, nhìn vào hết thảy người, sự, vật, ắt cảm thấy chán ghét, đều không đáng ưa.

Do vậy, biết rằng: Cảnh giới bên ngoài là một, tùy theo mức tu dưỡng, tùy theo tình cảm của chúng ta, sau khi ta tiếp xúc, trong sự cảm nhận của ta cảnh giới sẽ bị biến đổi rất lớn. Ngay từ bản thân mỗi người chúng ta, hoặc là từ giữa chôn bèn bề thân thiết, mọi người cùng tụ hội, dễ thấy chuyện này rõ rệt nhất. Từ đây chúng ta có thể suy đoán là bọn phàm phu chúng ta và Phật khác biệt rất lớn. Sự khác biệt trong việc nhận biết vũ trụ và nhân sinh là rất lớn. Chư Phật thấy được chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta chỉ thấy vọng tướng của nhân sinh và vũ trụ. Vì sao chúng ta thấy hư vọng? Chỉ vì chúng ta mê mất chân tướng. Mê như thế nào? Trong phần trên đã nói rồi đó: Phật, Bồ Tát giác ngộ, triệt để giác ngộ, viên mãn giác ngộ; bởi vậy, các Ngài trông thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

Ở đây, thiền sư dạy chúng ta: “*Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại chí hiện lượng nhi bất nhất*” (Chỉ vì mê ngộ sai biệt, đến nỗi hiện lượng khác nhau) – cách thấy của chúng ta và cách thấy của Phật khác nhau. Cách thấy của chúng ta là đối với cảnh giới bèn sanh khởi vọng tướng, bèn khởi tâm động niệm, bèn phân biệt, chấp trước. Sáu căn của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Khởi tâm động niệm là vô minh; vọng tướng và chấp trước là tạo nghiệp. Trong hết thảy cảnh duyên, Phật, Bồ Tát không mê hoặc, không tạo nghiệp, đắc đại tự tại! Sai biệt ở chỗ này, ngoài điều này ra, sai biệt gì cũng chẳng có. Vì thế, tiếp theo đó, thiền sư lại nói:

“*Thật nãi*” nghĩa là nói thật ra, “*sanh vô tự tánh*” (sanh không có tự tánh). Sanh là hiện tượng của hết thảy vạn vật. Hết thảy vạn sự, vạn vật sanh khởi, kể cả hư không, hư không vốn cũng chẳng có, hư không sanh khởi như thế nào? Nếu nói hư không chẳng có, ắt mọi người cảm thấy rất lạ lùng; thế nhưng qua tỷ dụ sau đây, có lẽ quý vị sẽ lãnh hội được. Ví như nằm mộng, trong mộng có hư không hay chẳng? Có! Vậy tôi hỏi quý vị: “Hư không trong mộng do đâu mà có?” Lúc quý vị nằm mộng, hư không hiện hữu, lúc tỉnh dậy, cái hư không trong mộng không còn nữa. Như vậy, nếu quý vị chú tâm quan sát: Hiện tượng ấy thực sự tồn tại, hư không có sanh diệt, cái hư không trong giấc mộng của chúng ta có sanh diệt.

Đương nhiên, hết thảy hiện tượng, thế giới, vi trần, chúng sanh được hiện trong cái hư không đó, những cảnh giới vốn có trong mộng tự hồ hiện hữu đối với chúng ta, chúng có sanh, có diệt. Nay cái hư không, thế giới, núi, sông, đại địa, chúng sanh lăng xăng đang hiện diện này do đâu mà có? Đúng là từ hư không sanh, hư không là Không, trong Không sanh ra Có. Hiện tại, khoa học đã phát hiện: Quả thật trong Không sanh ra Có, đã thế lại còn nhất thời đốn hiện, hoàn toàn giống với những gì kinh Đại Thừa đã nói, nhưng không diễn giải được tường tận như trong kinh điển.

“*Sanh vô tự tánh*” (Sanh không có tự tánh), tự tánh ấy chính là tự thể, sanh không có tự thể. Vì không có tự thể nên mới gọi là vọng, nó không phải là chân. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất khéo: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Từ đâu sanh ra thì cũng chính từ ngay đó mà diệt). Tốc độ sanh diệt rất nhanh, không có cách gì hình dung được nên đức Phật bảo là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, tức là không có cách gì để hình dung tốc độ nhanh chóng ấy. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường dùng chuyện chiếu bóng làm tỷ dụ, tấm phim lọt vào ống kính của máy chiếu phim khi nó mở ra, chẳng phải là hình ảnh bèn được chiếu ngay lên màn bạc hay sao? Đó là Sanh. Ồng

kính đóng lại, hình ảnh ấy không còn nữa. Đó là Diệt. Ống kính lại mở ra, tấm ảnh thứ hai lại xuất hiện, đó lại là Sanh; rồi lại đóng vào, bức ảnh thứ hai lại diệt. Đó là sự sanh diệt quý vị trông thấy rất rõ ràng. Sự sanh diệt ấy là nhất thời đốn hiện, Sanh là nhất thời đốn sanh, không có trước sau; Diệt cũng là nhất thời đốn diệt, cũng không có trước sau. Đây chính là như kinh Lăng Nghiêm đã giảng: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Từ đâu sanh ra thì cũng chính từ ngay đó mà diệt).

Thế nhưng sự sanh diệt do ống kính của máy chiếu phim đóng hay mở trong một giây chỉ là hai mươi bốn lần. Những hiện tượng hiện đang ở trước mắt, kể cả thân thể chúng ta, kể cả những gì chúng ta cảm nhận, những gì chúng ta có thể thấy được, nghe được, suy nghĩ, tưởng tượng đều được tính gộp trong đó. Trong một giây, những hiện tượng ấy sanh diệt bao nhiêu lần? Kinh Nhân Vương bảo một cái khảy ngón tay là sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Chiếu theo đó, trong một giây tối thiểu chúng ta khảy ngón tay được bốn lần, bốn lần sáu mươi nhân chín trăm gần bằng hai mươi vạn tám ngàn, tức là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Không [chậm] như tốc độ của ống kính trong máy chiếu phim mà nhanh như thế nào? Một giây không phải là hai mươi bốn lần mà là hai mươi một vạn sáu ngàn lần, làm sao quý vị biết [những tướng được biến hiện] là giả cho được!

Tôi cho rằng trong kinh Nhân Vương, đức Thế Tôn giảng như vậy chỉ là nói một cách phương tiện, chứ chưa phải là đã nói sự thật. Vì sao? Sự thật, tốc độ còn nhanh hơn thế nữa, không có cách gì tưởng tượng được. Tợ hồ nhanh đến mức độ nào? Gần như sanh diệt đồng thời. Bởi vậy, kinh Phật thường bảo là “*bất sanh, bất diệt*”, bất sanh bất diệt là sanh diệt đồng thời, vừa nói sanh thì đã diệt, vừa nói diệt bèn lại sanh, nhất thời đốn hiện. Nhất thời đốn hiện là ngay trong cùng một thời, tính như thế nào là “*một thời*”? Trong một thời sanh, lại diệt trong cùng một thời ấy, sanh diệt đồng thời. Bởi thế, sanh không có tự tánh, vô sanh cũng chẳng có ự tánh.

“*Ngộ tắc sanh diệt giai vô sanh*” (Hễ ngộ thì sanh lẫn diệt đều là vô sanh): Chư Phật, Bồ Tát giác ngộ, biết sanh và diệt đều là bất sanh, hết thấy pháp không sanh, không sanh thì làm sao có diệt? Đây mới là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát đối với những hiện tượng này từ trước đến nay chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, hoàn toàn tương ứng với chân tướng. Do vậy, Thanh Lương đại sư khi chú giải kinh Hoa Nghiêm đã bảo: Chư Phật, Bồ Tát thuộc về vô ngại pháp giới, tức Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, pháp giới không chướng ngại.

Pháp giới không chướng ngại ở đâu? Ở ngay trước mặt chúng ta. Vì sao chúng ta không thấy? Vì chúng ta đã mê rồi! Hình dáng của mê là gì? Hình dáng của mê là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị khởi lên những thứ ấy là bị phiền phức rồi! Như thế gọi là “*khởi Hoặc, tạo nghiệp*”. Tạo nghiệp chính là quý vị đã bóp méo những tướng được biến hiện của vũ trụ và nhân sinh, những tướng ấy cũng là được hiện bởi tâm. Những hiện tượng ấy vốn là thế giới Cực Lạc, là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Hoa Tạng rốt ráo viên mãn, không khiếm khuyết mảy may nào. Sau khi bị bóp méo, cảnh giới bên ngoài bèn nảy sanh biến hóa, biến thành mười pháp giới, biến thành sáu nẻo, biến thành tam đồ, biến hóa như vậy đó!

Thế nhưng nếu quý vị hiểu biết thì chủ thể gây ra sự biến hiện (năng biến) ấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, cái cảnh giới được biến hiện do cái năng biến này (cái được biến là lục đạo, tam đồ) sanh ra cũng chẳng phải là thật.

Tuy không thật, nhưng quý vị chẳng giác; do bất giác nên phải gánh chịu, phải chịu khổ, chịu nạn trong ấy, khác nào quý vị nằm mộng trong khi đang mộng. Quý vị gặp ác mộng, gặp ác mộng rất khó chịu! Có lúc sợ đến nổi mướt mồ hôi lạnh khắp thân, tỉnh phắt dậy, sợ điếng người. Kết quả chỉ là một cơn mộng. Nay chúng ta đang luân hồi trong lục đạo cũng là đang mơ một giấc mộng lớn trong mười pháp giới. Cơn mộng ấy từng giấc nối tiếp nhau, nằm mộng trong khi đang mộng, vĩnh viễn không tỉnh được, có phải là phiền phức quá hay chẳng? Phật, Bồ Tát không dạy chúng ta điều chi khác cả, chỉ là nhằm đánh thức chúng ta khỏi giấc mộng đó thôi.

Vì thế, câu này nói rất khéo, rất thật: “*Sanh vô tự tánh, vô sanh diệt vô tự tánh*” (Sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh). Đối với người giác ngộ, sanh lẫn diệt đều là vô sanh, họ thấy rất rõ ràng, rất minh bạch; người mê không vậy, “*mê tắc vô sanh giai sanh diệt*” (mê thì vô sanh đều là sanh diệt). Người mê chấp trước, phân biệt, trong sự cảm nhận của họ, tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có sanh, có diệt.

Mỗi khi đức Phật giảng kinh, chúng ta biết Ngài căn cứ trên Nhị Đế. Nhị Đế là gì? Thứ nhất là thuận theo cảnh giới do chính mình đã chứng đắc, đó gọi là Chân Đế. Giảng cho quý vị những điều chân thật: Những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là những bộ kinh lớn giảng về lẽ chân thật, giảng về cảnh giới của Phật, Bồ Tát, bọn lục đạo phàm phu chúng ta rất khó tiếp nhận, rất khó thấu hiểu. Vì sao? Đó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, hoàn toàn khác với cảnh giới của chúng ta. Vì vậy, ngoài ra đức Phật còn thuyết pháp thuận theo chúng sanh, tùy thuận chúng sanh chính là Tục Đế. Tùy thuận Tục Đế thì đức Phật giảng có sanh - lão - bệnh - tử, động vật có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - dị - diệt, khoáng vật như tinh cầu thì có thành - trụ - hoại - không. Những điều này chúng ta hiểu, chúng ta đồng ý, thừa nhận những cách giảng như thế, không sai chút nào. Đó là thế giới theo cảm nhận của phàm phu, đức Phật cũng thường giảng như thế. Vì sao? Quý vị chưa giác ngộ; nếu giảng sự thật, quý vị sẽ không hiểu được, giảng điều giả thì quý vị hoàn toàn đồng ý, đây chính là “*mê tắc vô sanh giai sanh diệt*” (hễ mê thì vô sanh đều là sanh diệt). Kiến giải của Phàm và Thánh bất đồng, chứ thật ra Lý và Sự chẳng hai!

Tôi thường nói tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã dùng phương pháp khoa học [để chứng minh] đạo lý này, tức là dùng nước làm thí nghiệm (nước là khoáng vật), phát hiện nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu được ý nghĩ của con người. Dùng thiện ý đối với nó, nó kết tinh rất đẹp đẽ. Dùng ác ý đối với nó, nó kết tinh hết sức xấu xí. Những điều này chứng minh lời Phật đã giảng: Nước có khả năng thấy - nghe - hay - biết, thấy - nghe - hay - biết là Pháp Tánh. Nó không phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, nhưng nó có thể bị ảnh hưởng bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của những thứ khác mà biến dạng, tướng trạng của nước bị biến dạng.

Từ thí nghiệm này, chúng ta có thể nhận hiểu một điều: Nước nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, nước trong thế giới Hoa Tạng nhất định không hề bị thiếu khuyết mảy may, hết sức viên mãn, thực sự đầy đủ “chân thiện mỹ huệ” như ta thường nói. Vì sao? Người trong những thế giới ấy toàn là bậc giác ngộ. Thế giới Hoa Tạng toàn là Pháp Thân đại sĩ, không có phàm phu. Mức thấp nhất đều là hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cho đến hàng Đẳng Giác, cho đến quả địa Như Lai. Vì vậy, nơi ấy không có người mê hoặc, mà toàn là người thực sự giác ngộ. Tất cả hết thấy vật chất đều biến thành hoàn mỹ nhất, nên gọi là Nhất Chân. Địa cầu của chúng ta đây vốn

vẫn là Nhất Chân, vì sao lại biến ra nông nổi này? Cư dân trên địa cầu mê không giác, suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, những điều suy nghĩ, tâm niệm, lời lẽ, việc làm đều hoàn toàn trái nghịch Pháp Tánh. Do vậy, núi, sông, đại địa, tất cả hết thảy vật chất nơi đây đều bị biến đổi theo tâm tưởng của chúng ta, biến thành hết sức xấu xí.

Núi, sông, đại địa nơi cõi này và núi, sông, đại địa cõi Cực Lạc giống hệt nhau, vì sao bên họ đẹp đẽ dường ấy, ở chỗ chúng ta lại xấu tệ đến thế? Không có gì khác cả, tướng chuyển theo tâm! Tâm chúng ta bất thiện, nó bèn phản ứng bất thiện; tâm chúng ta thiện thì ngay lập tức nó phản ứng tốt lành! Do vậy, chúng ta bèn hiểu được rằng: Nếu như tất cả cư dân trên thế giới này buông hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được thì thế giới của chúng ta chính là thế giới Cực Lạc. Vì sao? Tất cả hết thảy vật chất lập tức biến đổi. Từ thí nghiệm nước kết tinh, chúng ta thấy rằng nếu dùng ác ý đối với nước, nó sẽ kết tinh hết sức xấu xí. Chúng ta thay đổi ý niệm, dùng ý niệm tốt lành nhất đối với nó, ngay lập tức sự kết tinh của nước bèn biến đổi, biến hiện những kết tinh rất đẹp cho ta thấy, biến đổi theo ý niệm của chúng ta.

Tiền sĩ Giang cho biết: Trong suốt tám chín năm, ông ta chưa hề thấy có hai mẫu kết tinh nước hoàn toàn giống nhau, chúng tôi có thể khẳng định điều này. Vì sao? Mỗi ý niệm của quý vị khác nhau, nước phát sanh những biến hóa theo từng ý niệm. Quý vị không có hai ý niệm hoàn toàn tương đồng nên chẳng thể xuất hiện hai kết tinh hoàn toàn giống nhau, đạo lý là vậy!

Hy hữu thay! Khoa học đã phát hiện được điều này, coi như là đã bước đầu chứng thực được chân tướng vũ trụ (nói theo thuật ngữ nhà Phật là “*Thật Tướng của các pháp*”) như trong kinh đã nói. Phật và các đại Bồ Tát chẳng cần đến những máy móc khoa học, các Ngài tận mắt thấy, dùng phương pháp gì vậy? Thiên Định rất sâu. Cũng có nghĩa là: Hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì chân tướng phơi bày lộ lộ. Tướng giác ngộ, tướng mê hoặc, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy rất rõ ràng, minh bạch, rốt cuộc là nguyên nhân gì, là duyên do nào cũng đều rất rõ ràng minh bạch.

“*Sở dĩ, ly thứ biệt vô, thị nãi nhất Thể nhi dị danh dã*” (Do vậy, lia khỏi cái này thì không còn gì khác, chỉ là cùng một thể mà tên gọi khác nhau). Thế nào là “*dị danh*” (tên gọi khác nhau)? Tướng khác nhau, nhưng vốn cùng một Thể. Phải biết địa cầu của chúng ta, tức địa cầu của thế giới Sa Bà, tinh cầu của thế giới Cực Lạc, và tinh cầu của thế giới Hoa Tạng đều là một Thể, giống hệt nhau, đều là vật chất. Các nhà khoa học hiện thời bảo chúng đều do những nguyên tố [giống nhau], nhưng được tổ hợp khác nhau, nay ta thường nói là công thức cấu tạo khác nhau. Vì sao kết cấu khác nhau? Kết cấu do ai chủ trì? Ý niệm! Tâm quý vị thanh tịnh, những nguyên tố cảm nhận được, nó thấy - nghe - hay - biết mà! Đó là bản năng của Pháp Tánh chẳng bị tiêu mất, bất sanh, bất diệt, không có hình tướng, nhưng hiện hữu trong hình tướng. Vì thế, bất cứ hình tướng nào, bất cứ vật chất nào cũng đều có khả năng thấy - nghe - hay - biết, thuận theo hữu tình chúng sanh mà biến hóa. Hữu tình chúng sanh thiện thì chúng biến hóa rất tốt, hữu tình chúng sanh bất thiện thì chúng cũng biến hóa rất tồi tệ. Bởi thế, “*chỉ cùng là một thể mà tên gọi khác nhau*”, bởi nó chỉ cùng một Thể mà hình tướng khác nhau. Tiếp đó, đại sư giảng mấy câu về lẽ thực tế.

Thẩm như thị.

審如是。

(Xét như vậy).

“*Thẩm như thị*”: Thẩm (審) có nghĩa là xem xét kỹ càng, rất nghiêm túc, rất chú tâm xem xét vấn đề này thật minh bạch, rõ ràng. Chữ “*như thị*” chỉ những điều đã nói ở phần trên.

Tức A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật.

則阿彌陀佛即是我心。我心即是阿彌陀佛。

(Thì A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật).

Quý vị bèn có thể khẳng định, A Di Đà Phật từ đâu mà có? Từ tâm hiện, thức biến. Tâm của ai? Chính cái tâm của chúng ta. Quý vị phải hiểu cái tâm này là cùng chung, thức cũng là của chung, chân tâm là của chung, còn vọng tâm bất đồng. Vọng tâm của tôi khác với vọng tâm của anh, cũng có thể nói là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi người mỗi khác, nhưng chân tâm giống nhau. Chân tâm: Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là chân tâm.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nêu một tỷ dụ, từ tỷ dụ này chúng ta có thể hiểu được [chân tâm]. Đức Phật nói chân tâm giống như cái gì? Biển cả! Biển cả là chân tâm. Vọng tâm là gì? Vọng tâm là một bọt nước trong biển cả. Biển cả là một, nhưng các hoa sóng xuất hiện do sóng vỗ thì vô lượng vô biên, mỗi một bọt nước giống như vọng tâm của những chúng sanh chúng ta, ta chấp trước vọng tâm là chân tâm của chính mình, quên mất chân tâm thực sự. Chân tâm là biển cả kia mà! Khi nào cái bọt nước ấy bị vỡ tan, tan đi sẽ dung hợp với biển cả thành một Thể. Chân là một, vọng là hai, ba, là vô lượng vô biên.

Vì thế, kinh Đại Thừa thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (Mười phương tam thế, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Do vậy, chân tâm là một, không phải hai. A Di Đà Phật chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Ngã ở đây là Chân Ngã, chứ không phải là Ngã nơi cái thân xác thịt, xác thịt không phải là Ngã. Kinh Phật thường nói Vô Ngã, Vô Ngã là nói về nhục thân, nơi nhục thân không có Ngã (vô ngã), nhưng quý vị có Chân Ngã. Nhà Phật nói đến bốn tịnh đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, đó là thật. Trong Pháp Tánh có Ngã, Pháp Tánh có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, Pháp Thân có Ngã, Pháp Thân có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Mười phương tam thế Phật cùng chung một Pháp Thân, Pháp Thân gì vậy? Pháp Thân chính là Pháp Tướng. Chân tâm, Chân Ngã là Pháp Tánh, tướng được hiện bởi Pháp Tánh gọi là Pháp Tướng. Pháp Tướng là gì? Hư không, thế giới, hết thảy chúng sanh là Ngã! Chuyện này rất khó hiểu, rất khó lãnh hội.

Tôi lại dùng chuyện mộng để tỷ dụ, chúng ta ai cũng có kinh nghiệm nằm mộng. Tôi hỏi quý vị nhé: Trong khi quý vị đang nằm mộng, nếu quý vị bất chợt giác ngộ: “*Mình đang nằm mộng mà!*” thì mộng ấy từ đâu mà có? Con người hiện thời nói mộng do tâm ý thức biến hiện, tâm ý thức biến hiện thành cảnh giới trong mộng. Trong mộng có hư không, trong mộng có núi, sông, đại địa, trong một có rất nhiều

nhân vật. Vậy thì quý vị phải hỏi: Có cái gì trong mộng không phải là quý vị hay chẳng? Mộng do tâm ý thức của ta biến hiện, thứ gì cũng đều là ta; quý vị bèn hiểu rõ: Không gì chẳng phải là ta. Lúc ấy, quý vị mới thực sự hiểu lời Phật đã nói: “*Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*”.

Vì sao đức Phật phải yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, phải độ chúng sanh khổ nạn? Không có gì khác cả! Vì cùng chung một Pháp Thân. Ta có cái thân này, thân của hết thảy chúng sanh cũng là thân của ta, núi, sông, đại địa cũng là cái ta có, thậm chí hư không cũng là cái ta có. Chúng ta nói đến người một nhà, người một nhà vẫn chưa thân thiết, thân thiết nhất chính là “*cùng chung một Pháp Thân*”, lẽ đâu không yêu thương, che chở? Do vậy, trông thấy hết thảy chúng sanh chịu khổ chính là bản thân ta chịu khổ, thấy hết thảy chúng sanh hưởng vui chính là tự mình hưởng vui. Chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh và Phật là một, không phải hai. Chúng sanh và ta không hai, ta và chúng sanh là một Thể. Không chỉ cùng một thể với hữu tình chúng sanh, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (Tình và vô tình cùng viên mãn Chung Trí). Ta và cây cối hoa cỏ, núi, sông, đại địa, hư không rộng lớn có cùng một thể. Đạo lý này sâu xa lắm, chỉ có kinh Đại Thừa mới giảng thật rõ ràng, thật thấu triệt. Đó là Thật Tướng, là chân tướng sự thật, vốn sẵn là như thế.

Mười pháp giới là một Thể nhưng khác tên, thực sự là một Thể. Chúng ta nói đến Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Thanh Văn pháp giới, Duyên Giác pháp giới, thiên pháp giới, nhân pháp giới, ngạ quỷ pháp giới, súc sanh pháp giới, địa ngục pháp giới, một Thể nhưng khác tên. Vì sao khác tên? Do khác tướng, tướng không giống nhau, nhưng quả thật là một Thể. Vốn chỉ là một tướng, tướng bị sai khác là vì chúng sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bóp méo tướng ấy. Tướng bị bóp méo khác nhau, nên mang tên khác nhau, chứ thật ra chỉ là một Thể. Có thể khôi phục tướng ấy thành giống hệt nhau hay chẳng? Được chứ! Chỉ cần lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hết thảy tướng sẽ biến thành một tướng. Một tướng có nghĩa là núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, cây vẫn là cây, hoa vẫn là hoa, nhưng biến thành tướng đẹp đẽ nhất!

Giống như trong kinh Phật đã giảng: Trong các cõi Phật, cây cối, hoa, cỏ vĩnh viễn không điều tàn, vĩnh viễn xanh tươi, thật lạ lùng! Nói cách khác, thực vật không có sanh - trụ - dị - diệt, động vật không có sanh - lão - bệnh - tử, khoáng vật không có thành - trụ - hoại - không, chẳng thể nghĩ bàn! Con người thọ vô lượng, cây cối, hoa, cỏ cũng thọ vô lượng, núi, sông, đại địa cũng thọ vô lượng, chúng ta thấy đó: Cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cảnh giới của chư Phật là thật, bị biến thành nông nổi này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nơi bản thân chúng ta biến hiện ra, làm lẫn chịu khổ chịu nạn trong ấy. Vạn pháp có cùng một Thể nhưng tên khác biệt, một Thể là Pháp Tánh. Chúng ta lại thấy: Ở đây, đại sư lại nói A Di Đà Phật chỉ do tâm hiện, chỉ do Thức biến, lại xét đến y báo:

Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ.

淨土即此方。此方即淨土。

(Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Quả địa cầu của chúng ta đây và Tây Phương Cực Lạc thế giới là một không hai, không khác gì nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm như thế đó, tốt đẹp như thế đó. Đức Thế Tôn dạy chúng ta: Mặt đất của Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là đất cát, không phải là sinh lầy mà là gì? Là bảy báu. Đại địa là lưu ly, người thế gian chúng ta gọi lưu ly là Phi Thúy, tức một loại ngọc có màu xanh lá cây trong suốt. Như vậy đại địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, từ trên mặt thấy thấu tận đáy, thuần sắc xanh tuyền. Bảy báu trong thế giới của chúng ta rất cứng rắn như đá tảng vậy, rất cứng nên chỉ có thể làm những món châu bảo, làm đồ công nghệ, làm thành sản phẩm nghệ thuật để thưởng thức. Bảy báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới mềm mại, đại địa rất mềm, ta bước lên giống như đi trên một cái mền bằng đất rất dày, đi lên đó rất dễ chịu, không cứng chắc.

Ở chỗ chúng ta đây, làm đường bằng nhựa đường, phủ nhựa đường hoặc tráng xi-măng. Đường sá ở Tây Phương Cực Lạc thế giới bằng vàng ròng, quý vị hiểu vàng ròng biết là bao nhiêu, vàng ròng đem lót đường. Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, phần lớn những thứ quý báu ấy được dùng làm vật liệu xây dựng. Vì sao trong thế giới chúng ta, những thứ này bị biến thành đất sét, cát, đá, đều bị biến thành những thứ như vậy? Không có gì khác cả, hoàn toàn giống như phản ứng kết tinh của nước! Người sống nơi này tâm bất thiện, bởi thế, phản ứng kết tinh bèn biến thành những thứ ấy. Người Tây Phương Cực Lạc thế giới hiền lành, vật chất bèn phản ứng, biến thành vô lượng trân bảo, chứ thật ra, chúng chỉ là một thứ, không khác gì nhau! Bởi thế, “*Tịnh Độ tức thứ phương, thứ phương tức Tịnh Độ*” (Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Khởi phi mê ngộ chi tự thù, hà hữu thánh phàm nhi bỉ thử.

豈非迷悟之自殊。何有聖凡而彼此。

(Há chẳng phải do mê ngộ nên tự khác nhau, nào có thánh phàm sai biệt!)

Phàm hay Thánh bất quá chỉ là danh từ mà thôi, tên gọi khác nhau, nguyên nhân thực sự gây nên những hiện tượng bất đồng chính là mê hay ngộ. Người Tây Phương Cực Lạc thế giới giác ngộ, tất cả hết thảy vạn vật, cảnh giới biến hiện theo cái ngộ đó đều là tốt đẹp chẳng thể nghĩ bàn. Con người trong thế gian chúng ta hiện thời tâm hạnh bất thiện, cho nên tất cả hết thảy vạn vật ở nơi đây biến thành xấu tệ, đạo lý là như vậy. Do đó, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chính là những hình ảnh biến hiện từ chính cái tâm của chúng ta. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), chúng là những hình tướng do cái tâm của chúng ta biến hiện. Chúng ta phải biết rõ ràng, phải thấu suốt, phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này. Như vậy, phải sửa đổi từ nơi đâu? Từ ngay nơi cái tâm chúng ta, đó là thực sự tu đây.

Chân tu không phải là hình thức, mà cốt ở thực chất. Thực chất là gì? Khởi tâm động niệm. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi câu này: “*Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức. Tâm anh biến thành thiện thì không gì chẳng thiện*”. Đầu tiên là tướng mạo chuyển biến, tướng mạo theo tâm, tướng mạo trang nghiêm; tiếp đến là thể chất, thân thể mạnh khỏe, không có bệnh tật. Đó là vật chất gần mình

nhất. Chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả hết thủy vật chất đều có phản ứng, giống như nước kết tinh vậy. Vì thế, tâm quý vị lành, tư tưởng lành, ngôn ngữ, hành vi lành thì mỗi tế bào khắp toàn thân, mỗi một khí quan đều tốt lành, mọi thứ đều tốt lành cả, lẽ nào quý vị không khỏe mạnh cho được, làm sao sanh bệnh cho được!

Nói cách khác, nếu quý vị sanh bệnh, có bệnh tật gì thì bệnh do đâu sanh ra? Chủ yếu là do ý niệm bất thiện tạo thành. Đương nhiên vẫn còn có những nhân tố khác, những nhân tố khác là ăn uống, khí hậu, bị hoàn cảnh bên ngoài công kích, nhưng quan trọng nhất vẫn là tâm tư của chính mình. Nay y giới cũng đang nghiên cứu sức khỏe tâm lý, người tâm lý khỏe mạnh dẫu bị bệnh vì nhiễm lạnh, trúng gió cũng rất dễ chữa trị, rất mau lành, khôi phục bình thường. Nếu tâm lý không khỏe mạnh, ắt phiền toái vô cùng, rất dễ bị virus bên ngoài công kích, lại còn khó lành bệnh, tâm lý không khỏe mạnh mà! Hiện tại, các bác sĩ thường nói như thế, nhưng chưa biết được tiêu chuẩn của tâm lý khỏe mạnh là gì, còn trong Phật đã nói về điều này rất rõ rệt.

Lần thứ nhất chúng tôi được nghe câu: “*Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức*” là từ Chương Gia đại sư dạy. Lần thứ hai được nghe câu này ở Tân Gia Ba, Tổng Thống Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan) bảo tôi như vậy. Ông ta theo Ấn Độ Giáo (Hinduism), cho biết bản thân hết sức tôn trọng Phật giáo, ông ta bảo: “*Phật giáo trọng thực chất chứ không trọng hình thức*”. Tôi nghe xong cảm thấy hết sức kinh ngạc, bởi lẽ, sau khi tôi được nghe câu nói này từ Chương Gia đại sư, trong mấy mươi năm chưa có ai nói câu này trước mặt tôi. Chẳng phải là người nội hạnh (có công tu dưỡng thực sự bên trong, người thông hiểu sâu sắc một lãnh vực nào đó) chẳng thể nói nổi câu này.

Cái “*thực chất*” đó chính là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và hành vi nhất định phải tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, không gì là bất thiện. Chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật, nhất là đối với những người hiền lành, hủy báng, tổn hại chúng ta, chúng ta phải dùng lòng chân thành đối với họ, dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng đối với họ, dùng tâm chánh giác từ bi đối với họ, chân tâm! Quyết định chẳng được nói gã đó chơi xấu mình, cần gì phải xử tốt với hắn? Nếu vậy là quý vị trật rồi! Kẻ ấy đọa địa ngục, vì sao ta không đọa địa ngục? Nói vậy chẳng phải là nói lời ngốc nghếch hay sao? Kẻ ấy gây tạo lục đạo, vì sao ta không gây tạo lục đạo? Nay ta cùng kẻ ấy chẳng đi cùng một đường; kẻ ấy theo con đường lục đạo, chúng ta theo con đường thành Phật. Con đường họ đi là mê không giác, con đường nay chúng ta đang đi là giác chứ không mê, khác nhau! Như vậy nếu cảm thấy bị thua thiệt, vẫn còn lòng giận hờn, vẫn có tâm báo thù, há chẳng phải là làm lạc quá đỗi ư? Chẳng những người ta sai lầm, mình cũng lầm luôn! Đoạn khai thị này là đại đạo lý, cũng chứa đựng chân tướng sự thật. Nói xong, trong tiểu đoạn cuối cùng, thiền sư dạy chúng ta:

Nãi tri hiện tiền chúng đẳng.

乃知現前眾等。

(Vây thì hiện tiền đại chúng).

Chúng ta hiện đang ở cùng một chỗ làm pháp sự này, làm pháp sự này để cùng học tập, cùng tu hành.

Dĩ tự tánh A Di Đà Phật.

以自性阿彌陀。

(Hãy đem A Di Đà Phật nơi tự tánh).

Hiểu rồi thì A Di Đà Phật chính là tự tánh.

Dữ đại chúng thiệt căn.

與大眾舌根。

(Cùng với cái lưỡi của đại chúng).

“Cái lưỡi của đại chúng” ý nói chúng ta hãy xưng niệm A Di Đà Phật.

Phổ đồng vận chuyển căn bản pháp luân.

普同運轉根本法輪。

(Cùng xoay chuyển rộng khắp căn bản pháp luân).

“Căn bản pháp luân” chính là Nhất Chân pháp giới; y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là những hình ảnh do tự tánh hiện, do thức biến. Đó là “căn bản pháp luân”. Việc này chỉ có chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ thấu hiểu, thông suốt. Ngày nay chúng ta có tín tâm, tin rằng chư Phật không nói dối, Phật chẳng lừa dối chúng sanh, Phật nói ra câu nào cũng chân thật, chúng ta nghe lời Phật chắc chắn không bị lầm lạc. Chúng ta chẳng phải chỉ nghe xong lời Phật dạy rồi thôi, không phải vậy, nghe xong phải chiếu theo những lời dạy ấy để tu học, sau đấy tự mình đích thân chứng đắc cảnh giới. Đấy chính là chỗ phi thường của đức Phật, Ngài yêu cầu chúng ta phải tự mình chứng minh được những điều đức Phật đã giảng, chứng thực vũ trụ nhân sinh có đúng như vậy hay không, nhất định chúng ta phải đích thân chứng đắc. Cái “*phổ đồng căn bản pháp luân*” ở đây theo chúng tôi hiểu trên mặt Sự chính là mọi người hãy cùng xưng niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật.

Chư nhân hoàn ủy tất ma?

諸仁還委悉麼。

(Các nhân giả còn gì vương mắc nữa chẳng? Hiểu thấu chẳng?)

“Chư nhân” nghĩa là gọi mọi người bằng danh xưng “*nhân giả*” (bậc nhân từ), “*nhân giả*” là từ ngữ xưng hô cung kính đối với Bồ Tát, nghĩa là người nhân từ, “*chư nhân*” nghĩa là các vị nhân từ. “*Hoàn ủy tất ma*”: Ủy (委) là ủy khuất (vương mắc, ép uổng). Có điều gì xử ép quý vị chẳng, quý vị đã hiểu thấu hay chưa? “*Tất ma*” là thấu hiểu hay chưa! A! Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ một lát.

*

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp bài kế tiếp theo của thiền sư Trung Phong:

12. Thiên kệ

*Sanh diệt vô sanh, sanh bất sanh,
Lạc bang na khăng cảm nhân hành,
Thùy tri vạn tượng hồng trần lý
Hạm đạ hoa khai nguyệt chánh minh.*

生滅無生生不生。

樂邦那肯禁人行。

誰知萬丈紅塵裡。

菡萏華開月正明。

(Tạm dịch:

Sanh diệt vô sanh, sanh chẳng sanh,

Cực Lạc sanh về há cảm ngăn?

Hồng trần muôn tượng nào ai biết:

Búp sen xòe nở rạng trăng thanh).

Câu nào trong bài tụng này cũng mang Thiên cơ thâm diệu. Phần khai thị ở trên cũng khiến cho chúng ta hiểu được đôi chút bài kệ này. “*Sanh diệt vô sanh, sanh bất sanh*”, đối với Sự - Lý trong câu này chúng tôi chẳng thể nói là mình đã thấu hiểu thật rõ ràng, tôi thiếu chỉ có khái niệm lơ mờ, như vậy đã rất hy hữu; vì sao? Trước kia, về căn bản, chúng ta chẳng có khái niệm gì, nay có chút khái niệm như thế, nhà Thiên gọi khái niệm ấy là “*nghi tình*”. Có nghi tình thì mới có chỗ ngộ; bởi lẽ, tiểu nghi thì tiểu ngộ, đại nghi bèn đại ngộ. Ở đây, không phải là hoài nghi, mà là nghi tình.

Nghe Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng cho chúng ta nghe chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta phải thường đọc, thường nghe, thường suy nghĩ cho đến khi nào tâm định, định có thể khai huệ. Tâm lao chao, vọng niệm quá nhiều sẽ không có cách nào, cũng không có cách gì ngộ nhập được; chúng tôi thường nói là “*khai ngộ*”, quý vị không có cách gì khai ngộ. Khai ngộ thì nhất định tâm phải định. Vì thế, cổ nhân Trung Quốc nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Độc sách ngàn lần tự thấy được nghĩa). Người học Phật hiểu đạo lý này rất dễ dàng, sau khi đọc một ngàn lần, tâm bèn định. Tâm đã định ắt có chỗ ngộ. Không cần nghĩ đến nghĩa, chẳng cần phải hỏi mà có thể thấu suốt, hoát nhiên khai ngộ mà! Đạo lý là đây. Bởi thế, nghe nhiều, đọc nhiều, vì nhiều người tuyên giảng, trí huệ càng được mở mang nhanh chóng!

Đây là kinh nghiệm của suốt một đời tôi, như quý vị đều thấy đó. Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi hai năm, đã giảng kinh được bốn mươi lăm năm, trong suốt bốn mươi lăm năm không gián đoạn, ngoại trừ những lúc phải đi đây đi đó, hầu như ngày nào cũng giảng, mà đọc kinh cũng chưa hề gián đoạn, khi du hành cũng không gián đoạn. Nếu tâm quý vị định, không có vọng niệm, không bị tạp loạn thì gian gây rối thì mới khế nhập được mấy phần.

Câu thứ hai nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Lạc bang na khăng cảm nhân hành*” (Cực Lạc sanh về há cảm ai?): Quyết định chẳng cảm ai vãng sanh Cực Lạc thế giới. Nơi thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật dang rộng hai tay hoan nghênh mọi người di dân sang đó, không hề cự tuyệt. Nói thật ra, cũng giống như Úc châu hiện thời, bộ trưởng Cái Thụy (Gerry Hand) bộ Di Dân của Úc Châu có lần chủ trì lễ tuyên thệ nhập tịch, khi ấy tôi vẫn chưa là công dân Úc, nhưng tình cờ lần ấy, ông ta mời tôi tham dự lễ nhập tịch. Ông ta tuyên bố trong buổi lễ: “Úc châu hoan nghênh di dân từ mọi nơi, chẳng giống như những quốc gia khác đặt ra rất nhiều hạn chế theo từng khu vực địa lý”. Úc châu hạn chế rất ít, hoan nghênh di dân, trở thành công dân Úc rất dễ!

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thế, hoan nghênh chúng sanh từ các cõi Phật trong mười phương, chỉ cần quý vị muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều kiện rất đơn giản: Quý vị thực sự tin tưởng, có nguyện vọng, muốn sanh về đó rồi nhất tâm nhất ý niệm một câu A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật ấy giống như tín hiệu, chúng ta ở đây phát đi tín hiệu, A Di Đà Phật ở bên đó liền nhận được. Chúng ta dùng phương pháp này để tâm tâm tương ứng cùng A Di Đà Phật, giữ mối quan hệ. Đến khi duyên chín muồi, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn chúng ta.

Thông thường khi duyên chín muồi là lúc chúng ta mạng chung trong thế gian này. Quý vị phải hiểu: Lục đạo phàm phu đều có thọ mạng, vì sao có mạng vận? Là vì họ có vọng tưởng, có chấp trước. Trong Liễu Phàm Tứ Huán, thiền sư Vân Cốc giảng: “*Hễ ai có chấp trước, có vọng tưởng thì phải có số mạng, không thể tránh khỏi số mạng. Ai vọng tưởng, chấp trước, phân biệt đều buông xuống được hết sẽ không còn số mạng nữa!*” Người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chúng ta có buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được hay chưa? Chưa! Nếu chưa thì vẫn còn có số mạng, đó gọi là “đói nghiệp vãng sanh”. Nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông xuống thì sự vãng sanh ấy gọi là “*tự tại vãng sanh*”, muốn đi lúc nào bèn đi ngay lúc ấy, không bị mạng vận trói buộc, không còn mạng vận nữa; vì thế, sanh tử tự tại. Mức độ tự tại cũng khác biệt, [tùy theo] công phu của quý vị cao hay thấp mà [tự tại] sâu hay cạn khác nhau. Bởi vậy, thế giới Cực Lạc luôn hoan nghênh, tuyệt đối không ngăn cấm.

“*Thùy tri vạn trượng hồng trần lý; hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh*” (Ai biết trong hồng trần vạn trượng: búp sen nở dưới trăng thanh). Từ ngữ “*vạn trượng hồng trần*” hình dung lục đạo luân hồi. “*Thùy tri*” là ai có thể nghĩ được? Trong lục đạo luân hồi nghiêm nhiên có búp sen của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Hạm đạm*” là búp sen chưa nở, lúc nở rồi thì gọi là “*liên hoa*”, lúc chưa nở gọi là “*hạm đạm*”. Hạm đạm là búp sen. Nói về điều gì vậy? Chính là người niệm Phật, mỗi một người niệm Phật phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, trong ao bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh ra một đóa sen. Trên hoa đề tên người ấy, trong tương lai, khi người ấy vãng sanh sẽ sanh trong hoa sen ấy.

Nay chúng ta chưa sanh vào thế giới Cực Lạc, nay đang phát tâm, trong ao báu bên thế giới Cực Lạc bèn có hoa sen. Tín hiệu của chúng ta là niệm A Di Đà Phật, niệm Phật chính là tín hiệu, tín hiệu ấy sẽ vun quén đóa sen đó. Quý vị niệm Phật công phu càng siêng, tâm niệm càng thuần, càng chân thật thì hoa sen dần dần tăng trưởng, càng ngày càng to, ánh sáng và màu sắc càng đẹp. “*Hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh*”: Vầng trăng biểu thị Chân Như Tự Tánh, vẫn chỉ là do tâm hiện, chỉ do

thức biến, trọn chẳng rời khỏi tâm tánh. Tâm tánh có thể hiện, có thể biến; tất cả hết thấy hiện tượng là cái được hiện, được biến, nhất định phải hiểu đạo lý này. Khai thị đến chỗ này là hết một đoạn, tiếp theo là phần quan trọng nhất: Niệm Phật, vì Hệ Niệm Pháp Sự lấy việc niệm Phật làm chánh, niệm Phật, phát nguyện. Ở đây, chúng ta thấy có tám mục, phần này là thuyết pháp. Sau khi khai thị, thuyết pháp xong lại niệm Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.
南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Tiếp đó, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần, niệm Đại Thế Chí Bồ Tát ba lần, niệm Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát ba lần, những nghi thức này ắt chư vị rất quen thuộc, mọi người thường làm thế. Sau phần Niệm Phật là phát nguyện, trong thời thứ nhất nêu lên mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Khi Tịnh Tông Học Hội của chúng ta thành lập, trong phần duyên khởi chúng tôi đặt ra năm khoa mục tu hành, cũng có nghĩa là những giáo huấn chân thật mà trong cuộc sống thường nhật, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta nhất định phải tuân thủ, quyết định không được trái nghịch. Năm khoa mục ấy đều trích từ kinh luận ra.

1) Thứ nhất là “*tịnh nghiệp tam phước*” trích từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Điều thứ nhất là “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện nghiệp*”, chúng ta phải thực hiện, phải làm được. Điều thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Điều thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả*”. Đó là khoa mục tu hành thứ nhất của chúng ta. Chúng ta có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không là do chúng ta làm được bao nhiêu phần của mười một câu trong ba điều này. Nếu quý vị hoàn toàn không làm được thì trong một đời này chẳng thể vãng sanh, rất quan trọng đấy nhé!

2) Khoa mục thứ hai là Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là cách đối xử giữa đại chúng ở cùng một chỗ với nhau. Con người là động vật có tính xã hội, quyết định chẳng thể sống một mình. Dẫu là tại gia thì vợ chồng cũng là hai con người cùng sống một chỗ, bởi thế, phải đối xử thuận hòa với nhau, tôn kính lẫn nhau là điều quan trọng hơn hết. Để dạy đại chúng đối xử với nhau như thế nào, đức Phật nêu ra sáu điều.

“*Kiến hòa đồng giải*” nói theo ngôn ngữ bây giờ là tạo dựng sự hiểu biết chung. Cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hết thảy người sự vật phải rất gần giống nhau. Gần giống nhau theo cách nào? Phật pháp giảng hết sức cao minh: Phải buông hết thành kiến, cũng như cách nghĩ, cách nhìn của mình xuống, ai nấy đều buông xuống, đây chẳng phải là hoàn toàn nhất trí hay sao? Kiến giải, cách nghĩ, cách nhìn tương đồng, phương pháp ấy hay khéo đến cùng cực. Tuy vậy, buông xuống chẳng phải là chuyện dễ dàng, Bồ Tát mới có thể buông xuống được, A La Hán vẫn chưa buông xuống hoàn toàn, nhưng đã buông xuống không ít. Phạm phu không làm được, vậy thì làm thế nào đây? Phạm phu phải nương theo lời Phật, Bồ Tát răn dạy, vậy là tốt, chớ có nương theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu nương theo những giáo huấn trong kinh điển thì bọn phạm phu chúng ta có thể làm được điều này, hết sức cụ thể! Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta cứ

làm như thế đó; đức Phật dạy chúng ta đừng làm những gì, chúng ta quyết định không làm. Đó là biện pháp tốt.

Thứ hai là “*giới hòa đồng tu*”. Giới (戒) nghĩa là đại chúng sống cùng một chỗ phải có quy củ, phải có luật lệ, mỗi một cá nhân trong chúng ta đều phải tuân thủ. Đức Phật vì chúng ta chế định những giới luật, pháp tắc, là khuôn mẫu sinh hoạt được chế định dựa trên hoàn cảnh sinh hoạt hiện thời của chúng ta. Nay chúng ta gọi đó là công ước sinh hoạt. Tiếp đến là “*thân hòa đồng trụ*”, “*khẩu hòa vô tranh*”, “*ý hòa đồng duyệt*”, cuối cùng là “*lợi hòa đồng quân*”. Lợi hòa đồng quân là cuộc sống vật chất lẫn cuộc sống tinh thần đều bình đẳng, không đặc biệt (tức là không ai được ưu đãi đặc biệt hơn người khác), không cao thấp, chúng ta sống giống hệt như nhau, nay gọi “*cộng hữu tài sản*”. Do vậy, trước kia chúng tôi giảng kinh thường nói Phật giáo chính là sở hữu tài sản chung một cách tối cao. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nhà Phật hoàn toàn nói đến quyền sở hữu tài sản chung, không có tư hữu tài sản, chỉ có đoàn thể. [Mỗi cá nhân trong] đoàn thể sống bình đẳng nhất loạt như nhau, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật làm mẫu mực. Cả một đời đức Phật, cơm, áo, ăn ở đều giống hệt đại chúng, không khác biệt chút nào. Do vậy, mọi người khâm phục Ngài đã làm được hết sức triệt đê. Đó là Lục Hòa, tức khoa mục thứ hai.

3) Khoa mục thứ ba là Tam Học. Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành của chúng ta. Tam Học là Giới - Định - Huệ, quyết định chẳng được trái nghịch, quyết định chẳng được lìa khỏi,

4) Khoa mục thứ tư là Lục Độ của Bồ Tát: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã.

5) Khoa mục thứ năm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát được nói đến ở đây. Tịnh tông học nhân chúng ta tu hành thường phải dựa vào đâu? Dựa vào mười nguyện này!

Năm khoa mục này được gọi là “*hành kinh*” (khuôn phép để tu hành), phải đưa chúng vào hành động, chẳng được nói suông. Kinh này không phải để quý vị tụng, cũng chẳng phải để cho quý vị giảng giải, mà là yêu cầu quý vị thực hiện, áp dụng vào cuộc sống của chính quý vị, thực hiện trong cách xử sự, đối người, tiếp vật, quý vị phải làm cho được. Vì thế, chúng ta tu hành, dùng năm khoa mục này làm tiêu chuẩn hòng sửa đổi những hành vi sai lầm. Ở đây, chúng ta hãy xem mười nguyện Phổ Hiền ấy, nguyện thứ nhất trong mười nguyện Phổ Hiền là:

13. Phát nguyện (Phổ Hiền thập đại nguyện)

Nhất giả lễ kính chư Phật.

一者禮敬諸佛。

(Một là lễ kính chư Phật).

Chư Phật là gì? Luận theo Lý, chư Phật là Pháp Tánh. Pháp Tánh phủ trùm cả vô tình lẫn hữu tình, bao gộp toàn bộ, chúng ta phải chân thành, bình đẳng cung kính hết thảy chúng sanh trong toàn thể vũ trụ. Vì sao? Hết thảy hữu tình chúng sanh là vị lai Phật, kinh Phật dạy như thế. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, đức Thế Tôn đã giới thiệu với chúng ta không ít, còn vị lai Phật? Tất cả hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh,

trong tương lai đều sẽ làm Phật, bởi thế, hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật. Trong “*lễ kính chư Phật*”, quan trọng nhất là dạy chúng ta phải lễ kính vị lai Phật. Đó là ý nghĩa thực sự. Do vậy, trong nhiều nghi thức nhà Phật, mở đầu bằng “*nhất thiết cung kính*” (hết thảy cung kính), “*nhất tâm đảnh lễ*” đều là vì ý nghĩa này.

Không riêng gì Phật pháp giảng như thế, Nho gia Trung Quốc cũng nói như vậy. Quý vị đọc thiên sách Khúc Lễ trong Lễ Ký, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: ‘Đừng bất kính’). Đúng là câu đầu tiên ấy và nguyện Phổ Hiền thứ nhất khéo sao chỉ khác cách nói nhưng có cùng một tác dụng. Người Hoa thường nói: “*Anh hùng sở kiến đại lược tương đồng*” (cái thấy của những bậc anh hùng nói chung giống nhau). Đức Phật nói tu hành thực sự thì phải bắt đầu từ chỗ này, Nho gia cũng khởi đầu từ đây, cung kính! Chúng ta đối với đức Phật cung kính như thế nào thì nói cách khác, đối với hết thảy mọi người cũng phải cung kính như cung kính đức Phật. Sau đó lại mở rộng ra, đối với hết thảy vạn vật, đối với cây cối, hoa cỏ, đối với núi, sông, đại địa, đối với thần linh trong chín pháp giới, đối với các loài quỷ trong ba ác đạo đều cung kính như cung kính Phật. Đối với họ phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chân thành, chẳng được có ý nghĩ cao thấp, vì sao? Là vì cùng một Thể khác tên, một Thể nhưng khác tướng, đạo lý này đã giảng trong phần trên rồi đấy!

Trong mấy năm qua, tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo khác, chúng tôi xây dựng một nhận thức chung: “*Trong vũ trụ chỉ có một chân thân duy nhất. Vị chân thân duy nhất ấy trong Phật giáo chúng ta gọi là Pháp Tánh*”. Chân thân sáng tạo trời, đất, vạn vật, trong kinh Phật nói trời đất vạn vật chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, chính Tánh Thức sáng tạo trời, đất, vạn vật. Các tôn giáo gọi cái được pháp tánh hiện, pháp tánh biến ấy là “chân thân”. A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đều do Pháp Tánh hiện, Pháp Tánh biến. Các thần linh trong những tôn giáo khác cũng là đối tượng được hiện, được biến bởi Pháp Tánh; do vậy, [các tôn giáo] là một chứ không phải hai.

Chúng ta hiểu nguyên lý này, biết chân tướng của sự thật này. Luận trên mặt Sự, chúng ta có thể nói hết thảy các vị thần trong tất cả các tôn giáo đều là hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lấy ta làm bản vị thì ta là chủ, họ là khách. Nếu luận trên căn bản của Cơ Đốc giáo (Christianity) thì Cơ Đốc Giáo là chủ, ta là khách, tất cả hết thảy các thần trong những tôn giáo khác đều là hóa thân của Gia Tô (Jesus). Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vậy, Khổng Tử, Lão Tử của Trung Quốc cũng thế. Do vậy, chủ không nhất định là chủ, mỗi người đều có thể làm chủ, khách cũng có thể làm chủ, đứng ra làm chủ, ai nấy đều có thể làm bạn. Kinh Hoa Nghiêm gọi điều này là “*chủ bạn viên dung*”.

Do đó, tất cả hết thảy tín đồ tôn giáo là người một nhà, đều là hóa thân của một chân thân. Tôi vào giáo đường của tôn giáo khác, tôi lễ bái, người khác thấy vậy ngạc nhiên lắm, có sao ông lại lễ bái? Tôi lễ là lễ hóa thân của một vị chân thân, thân của họ không khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật cả, là một, không phải hai. Phổ Hiền Bồ Tát còn mở rộng ý nghĩa này hơn nữa: Không những hết thảy thần là một, mà hết thảy chúng sanh đều là một. Chúng ta đối với tất cả hết thảy chúng sanh đều lễ kính, coi họ như chư Phật Như Lai, coi như chân thân duy nhất không hai, không khác. Ai làm được như thế? Phổ Hiền Bồ Tát làm được. Nếu quý vị làm được như thế, quý vị chính là Phổ Hiền Bồ Tát.

Phổ Hiền Bồ Tát có năm mươi một tầng cấp: Sơ Phát Tâm Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Tín Vị Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Trụ Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Địa Phổ Hiền Bồ Tát, Đẳng Giác Phổ Hiền Bồ Tát. Cứ hễ là người tu hạnh Phổ Hiền thì đều gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Tịnh tông học nhân chúng ta tu hạnh Phổ Hiền, quý vị hãy mở kinh Vô Lượng Thọ ra xem đi, không phải là trong phần Chánh Tông, mà là trong Tự Phần, mở đầu bằng phần liệt kê đại chúng tham dự pháp hội, sau phần nêu danh hiệu đại chúng có một câu: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân thủ, tu tập đức của Phổ Hiền). Đức của Phổ Hiền chính là mười nguyện này đây. Vì thế, phải biết Tịnh tông đồng học nếu là người thực sự tu Tịnh tông thì người ấy tu như vị Bồ Tát nào? Tu theo Phổ Hiền Bồ Tát.

Cận đại, Hoàng Nhất đại sư như ai nấy đều biết, khóa niệm sáng tối của Hoàng Nhất đại sư là gì? Niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Ngài tu Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài không niệm kinh Vô Lượng Thọ, không niệm kinh A Di Đà, mà niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Do đây biết rằng: Hoàng Nhất đại sư cả một đời tu mười đại nguyện vương. Quý vị hãy chú tâm quan sát Ngài, sau khi Ngài học Phật, quy tín Tịnh Độ rồi, Ngài biểu hiện, Ngài sống, xử sự, đối người, tiếp vật có giống với mười nguyện hay chẳng? Có phải là thực sự thực hiện hay không? Tôi chú tâm quán sát thấy Ngài thực sự làm được. Bất luận đối với ai Ngài đều cung kính, Ngài xử sự, đối vật đều cung kính. “*Lễ kính chư Phật*” được thể hiện trong cuộc sống thường nhật. Hoàng Nhất đại sư đã nêu gương cho chúng ta thấy.

Chúng ta học Phật phải khởi đầu từ đâu? Từ lễ kính! Đối với người khác ngạo mạn, đối với người khác không biết tôn trọng, không biết quan tâm, không biết giúp đỡ tức là không biết học Phật, vẫn là mê hoặc, điên đảo, không làm được một câu nào! Bởi thế, ngàn muôn phần mọi người chớ hiểu lầm “*chư Phật*” chỉ là những vị đã thành Phật! Không phải thế! “*Chư Phật*” ở đây là tam thế chư Phật, quan trọng nhất là vị lai chư Phật. Vị lai chư Phật là tất cả hết thảy chúng sanh trong hiện tại, bao gồm cả động vật, muỗi, kiến đều là Phật. Quý vị có lễ kính được hay không? Cây cối hoa cỏ cũng đều là Phật, phạm vi rất rộng lớn, nghĩa lý rất sâu xa, vi diệu đến cùng cực! Vì thế, đó là tiêu chuẩn tu học của Tịnh Tông.

Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là không biết cung kính, hiện thời đúng là vô lễ vô kính, làm sao vãng sanh cho được? Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà đã bảo cùng quý vị rồi: Thế giới Cực Lạc chỉ là Phổ Hiền pháp giới. Hễ ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều là Phổ Hiền Bồ Tát, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi đều tu hạnh Phổ Hiền. Trong kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn nói rõ ràng: Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ Tịnh Tông của thế giới Sa Bà, Ngài dạy dỗ chúng ta chính là thay mặt đức A Di Đà Phật giáo hóa. Chúng ta phải tin, phải hiểu, phải tiếp nhận, phải nghiêm túc phụng hành, phải dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để học tập.

Khấp pháp giới, trọn hư không giới, Phổ Hiền Bồ Tát cùng hết thảy chúng sanh (chúng sanh ở đây bao gồm hữu tình lẫn vô tình) quyết định không đối lập, như thế là lễ kính thực sự. Nếu có đối lập sẽ chẳng thực hiện được câu “*lễ kính chư Phật*” này. Vì vậy, hạnh Phổ Hiền khó tu nhất. Kinh giáo Đại Thừa thường nói: Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Nếu quý vị muốn chứng

đắc Phật quả viên mãn thì quý vị phải tu hạnh Phổ Hiền. Do đây, ta có thể hiểu được sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới: Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là người tu hạnh Phổ Hiền, đều đã tu Phật đạo rốt ráo viên mãn.

Nhị giả xưng tán Như Lai.

二者稱讚如來。

(Hai là khen ngợi Như Lai).

Ở đây, chúng ta phải chú ý, ở trên nói “*chư Phật*”, còn ở đây lại đổi thành Như Lai. Nghĩa là sao? Chư Phật và Như Lai chẳng phải là một, không phải là hai hay sao? Thừa cùng quý vị, chư Phật và Như Lai không một, không khác, chẳng thể nói là một, mà cũng không thể nói là hai; thế nhưng quả thật có hai cách giảng. Chư Phật là nói trên mặt Tướng, còn nói Như Lai là luận trên mặt Tánh. Chúng ta đã biết Tự Tánh có bản năng, bản năng là gì? Là giác tri, như trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn bảo là “*thấy - nghe - hay - biết*”. Thấy - nghe - hay - biết là Tự Tánh, hoặc như kinh thường gọi là Pháp Tánh, nó có bản năng (năng lực sẵn có) vĩnh viễn bất sanh bất diệt trọn khắp pháp giới, hư không giới. Ngoại trừ bản năng ra, còn có bản đức (phẩm đức chánh yếu, phẩm đức sẵn có), đức ấy cũng trọn khắp hư không, pháp giới. Bản đức là gì vậy? Chính là từ bi, là yêu thương.

Do vậy, tôn giáo nào cũng đều nói đến từ bi, đều nói đến yêu thương. Phật pháp nói đến từ bi, kinh Cổ Lan (Koran) nói đến nhân từ, kinh Tân Cựu Ước nói đến yêu thương, Chúa yêu thương con người, Thượng Đế yêu thương người đời, mọi tôn giáo đều nói đến yêu thương. Vì vậy, yêu thương là chân lý của vũ trụ, chân lý của vũ trụ chính là bản đức của pháp tánh, vốn sẵn đủ tánh đức. Từ thí nghiệm kết tinh nước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã phát hiện được chuyện này, gửi những thông điệp đến nước, nước có thể thấy, có thể nghe, có thể tiếp nhận những thông điệp từ con người. Thông điệp nào tốt lành nhất? Chính là yêu thương và cảm tạ. Hai thông điệp ấy gây nên những phản ứng kết tinh đẹp đẽ nhất. Thí nghiệm suốt tám, chín năm, ông ta khẳng định yêu thương và cảm tạ chính là chân lý trong vũ trụ, chúng ta đã biết rồi! Chúng ta biết đấy chính là tánh năng, tánh đức; tánh năng là thấy - nghe - hay - biết, tánh đức là nhân từ, bác ái.

Ở Tân Gia Ba, chúng tôi qua lại cùng chín tôn giáo⁹, tôi cũng viết mấy câu: “*Căn bản của mọi tôn giáo là nhân từ, bác ái*”. Tông chỉ cứu độ chúng sanh của mọi tôn giáo là giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui. Nhân từ, bác ái, lìa khổ được vui là quan niệm chung của tất cả hết thảy tôn giáo, là mục tiêu giảng dạy chung. Vì sao tôn giáo không thể đoàn kết? Vì sao không thể đối xử hòa thuận với nhau? Vì sao không thể hợp tác với nhau? Có thể được chứ! Chúng tôi cân nhắc kỹ chuyện này, quả nhiên là có thể thực hiện được! Năm ngoái, tôi hai lần qua thăm Nhật Bản, gặp gỡ hàng lãnh đạo Cơ Đốc Giáo đều hết sức vui vẻ, hết sức hòa hài. Quan niệm cơ bản của chúng tôi là nhân từ bác ái, lìa khổ được vui.

Lìa khổ được vui là luận theo mặt Quả. Có quả ắt phải có nhân, chúng ta phải thực hiện công phu từ nơi nhân. Nhân là gì? Phá mê khai ngộ! Hết thấy khổ do mê

⁹ Chín tôn giáo chính ở Tân Gia Ba là Phật Giáo, Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo, Đạo Giáo, Ấn Độ Giáo, đạo Sikh, Do Thái Giáo, Bái Hỏa Giáo, và Bahá'í.

mà có, hết thấy vui do ngộ mà sanh. Hễ ngộ bèn vui, hễ mê bèn khổ. Vì vậy, quả báo của phá mê khai ngộ là lìa khổ được vui. Phá mê khai ngộ nhất định phải là người đã khai ngộ rồi đi dạy dỗ người chưa khai ngộ. Trong kinh, đức Phật thường nói: Người đã khai ngộ phải vì người chưa khai ngộ, vì bọn họ diễn nói. “*Diễn*” là biểu diễn, làm cho người ta thấy; “*nói*” là vì họ thuyết minh. Cuộc sống rất vui sướng ấy của chúng ta phải làm cho họ biết, khiến cho họ trông thấy sanh lòng vui vẻ, hướng về mình thỉnh giáo, ta sẽ giải nói tường tận cho họ khiến họ cũng giác ngộ. Giác ngộ rất vui sướng, đã lìa được khổ rồi!

Vì thế, trong phần trên tôi đã nói hai câu, trong câu đầu tiên, chư Phật là nói trên mặt sự tướng, cung kính hết thấy, quyết định chẳng được phân biệt, đừng chấp trước. “*Xưng tán*” khác với lễ kính, phải tương ứng với tánh đức mới xưng tán, không tương ứng tánh đức thì chẳng xưng tán. Không như lễ kính, lễ kính là hoàn toàn bình đẳng, không điều kiện; xưng tán có điều kiện. Nói cách khác, chỉ khen ngợi điều thiện, không khen điều bất thiện. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu khen ngợi điều bất thiện, làm sao giáo hóa chúng sanh cho được? Sao có thể biến đổi phong tục xã hội cho tốt lành hơn được? Vì vậy, xưng tán điều lành, không xưng tán điều bất thiện.

Người bất thiện, chuyện bất thiện, chúng ta lễ kính, nhưng không xưng tán. Người lành, việc lành, ta vừa lễ kính lại vừa xưng tán, khác biệt ở chỗ này. Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, quý vị thấy rồi đó: Ngài đến tham phỏng Bà-la-môn Thắng Nhiệt, có lễ kính nhưng không xưng tán; tham phỏng Cam Lộ Hỏa Vương, có lễ kính nhưng không xưng tán; vì sao? Bà-la-môn Thắng Nhiệt tượng trưng cho ngu si, bất thiện; Cam Lộ Hỏa Vương tượng trưng nóng giận, bất thiện! Vì thế đối với tham - sân - si, hết thấy tâm hạnh bất thiện không xưng tán, chỉ có lễ kính, như thường hay nói (chính Khổng lão phu tử nói như vậy) “*kính nhi viễn chi*” (tôn trọng, nhưng không gần gũi). “*Viễn*” không có nghĩa là không qua lại với họ, không có nghĩa như vậy, mà là không học theo họ, ta chỉ nên học theo cái lành, chẳng được học theo điều bất thiện. Bởi lẽ, không được xưng tán bất thiện, đối với chuyện này phải cân nhắc; lễ kính không giống như vậy, lễ kính không cần cân nhắc chút xíu nào, lễ kính là bình đẳng.

Do hết thấy chúng sanh tánh vốn lành nên chúng ta tôn kính điều ấy. Xưng tán là gì? Người ta có tập tánh, trong tập tánh có thiện, có bất thiện. Lễ kính hoàn toàn dựa trên bản tánh, chứ không nhìn vào tập tánh; vì thế, đối với kẻ ác cũng phải lễ kính. Còn xưng tán thì phải chú trọng tập tánh, trong tập tánh có thiện, có ác, chúng ta phải đề cao điều thiện, ẩn giấu điều ác. Thiện phải được biểu dương, phải tán thán. Ác chớ nói, đừng ghim vào lòng, cũng đừng để nơi miệng, khiến cho kẻ làm ác tự phản tỉnh. Những điều ấy đều thuộc về giáo dục, khiến cho người làm ác tự cảm thấy: “Mình làm một điều lành nhỏ nhặt liền được mọi người khen ngợi, mình làm điều ác nhiều ngàn ấy, chẳng ai nói một câu nào. Chẳng phải người ta không biết, người ta biết chứ, biết nhưng không phê bình một câu nào, khiến cho lương tâm của chính mình bị cắn rứt, khiến tự mình quay đầu là bờ”, như vậy là hay lắm!

Nói thô thiện là mình phải tha thứ cho lỗi lầm của người khác, không cần phải trách móc lỗi lầm của người ta, mong mỗi người ta sửa lỗi đổi mới, đây gọi là “*phổ độ chúng sanh*”. Lại gìn giữ thân tâm của chính mình cho thanh tịnh, thuần thiện, thuần tịnh, quyết chẳng để điều bất thiện vào tâm, quyết chẳng thể nói đến điều bất thiện. Thân - ngữ - ý của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, lại còn có thể cảm hóa

những kẻ bất thiện, cảm hóa những sự bất thiện. Có phải là tốt đẹp hơn không? Thánh nhân giáo hóa chúng ta như thế đó.

Tam giả quảng tu cúng dường.

三者廣修供養。

(Ba là rộng tu cúng dường).

Ở phần trên đã nói không chỉ là hình thức, nói xuông, mà phải có hành động cụ thể. Nghĩa là sao? Thấy người khác có khổ nạn, quý vị phải thực sự giúp đỡ. Không cần người ta thỉnh cầu, chúng ta trông thấy, nghe thấy, phải tận tâm tận lực giúp đỡ, giúp đỡ không kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Cúng dường là bố thí, trong bố thí có lòng cung kính thì gọi là “*cúng dường*”. Trong bố thí không có tâm cung kính thì chỉ gọi là “*bố thí*”, thêm vào lòng cung kính chân thành thì sự bố thí ấy được gọi là “*cúng dường*”. Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát không tu bố thí mà tu cúng dường.

“*Quảng tu cúng dường*”: Chúng ta nghe nói người khác gặp tai nạn, tự mình phải chú tâm xem xét, quan sát có đúng như vậy hay không. Nếu quả thật là đúng thì khi chúng ta nghe nói đến chuyện đó, phải tận tâm tận lực giúp đỡ, đó là nghĩa vụ, không có bất kỳ điều kiện gì. Mấy vị cán bộ chủ yếu của hội Hòa Thống của Úc Châu, ở ngay tại thành phố Brisbane này, bọn họ đến tìm tôi, bảo tôi họ muốn lập một đoàn y tế qua Tây Tạng khám bệnh miễn phí.

Tôi hỏi: “Chữa bệnh miễn phí gì vậy?” Họ nói: “Người Tây Tạng sống trên cao nguyên, tia tử ngoại tuyến (ultraviolet ray) rất mạnh, nên bị bệnh cườm mắt rất nhiều. Mỗi năm có thêm khoảng gần sáu bảy ngàn bệnh nhân, mỗi năm càng tăng thêm, nghiêm trọng hơn, bị mù lòa”. Những người phát tâm gồm năm bác sĩ mắt, năm bác sĩ đa khoa tổng quát, lại còn một số y tá, ước chừng gần hai mươi người, lập thành một đội y tế qua đó giúp đỡ những người bị cườm. Nghe nói hiện thời dụng cụ mổ cườm hết sức tiến bộ, chỉ mổ trong thời gian rất ngắn, không đau đớn gì, ngay lập tức mổ bỏ được cườm, khiến cho người bệnh khôi phục thị lực. Đây là chuyện tốt lành! Chuyện này khác gì nhà Phật chúng ta thường nói “*thắp đèn sáng*” khiến cho những chúng sanh khổ nạn được khôi phục ánh sáng.

Tôi nghe vậy, tôi vẫn còn có chút khả năng, tôi bảo: “Hay lắm! Tôi cúng dường chút tiền thuốc men”. Họ cũng không yêu cầu tôi, cũng không đến xin xỏ tôi, tôi nghe được chuyện tốt lành, đây là sự thật. Đại khái là đồng bào ở Tây Tạng, hầu như mắc bệnh cườm rất nhiều, gần như chiếm một phần ba dân số, rất nghiêm trọng! Cứ trong ba người có một người mắc bệnh cườm, hết sức nghiêm trọng! Đây là chuyện tốt [chúng ta cần phải giúp đỡ].

Sau khi tôi hiểu rõ chuyện này, tôi cũng tỏ thái độ. Ít lâu sau, từ Tây Tạng có một đoàn khách đến viếng thăm Úc châu, đại sứ Trung Quốc tại Úc châu thông báo cho tôi biết, mong tôi sẽ tiếp đoàn khách viếng thăm này. Chúng tôi cùng ăn một bữa cơm tại bờ biển Hoàng Kim¹⁰, người lãnh đạo bọn họ là tiên sinh Nhiệt Địa, là người Tạng, ngõ lời mời mong mỗi tôi sang thăm Tây Tạng, đúng lúc đang có phái đoàn này, tôi

¹⁰ Tức là thành phố Gold Coast ở phía Đông Nam tiểu bang Queensland, nằm ngay phía Nam thành phố Brisbane, rất gần ranh giới giữa tiểu bang Queensland và New South Wales.

đi cùng mọi người luôn. Tôi cũng rất hưởng ứng, từ trước đến nay chưa hề đi. Vì thế, lần này có cơ duyên như vậy bèn đi theo đoàn luôn.

Như vậy, hãy biết ai có khổ có nạn thì phải tận tâm tận lực tu cúng dường! Không đợi người ta khuyên nhủ, đợi đến khi người ta khuyên thì không còn ý nghĩa gì, quý vị không thật tâm, bị ép buộc; giống như bị người ta khuyên, mình không vui lòng, vẫn là bị ép buộc một chút. Nếu chúng ta dưỡng thành cái tâm bố thí cúng dường, có hành vi bố thí cúng dường, chẳng đợi người khác mở miệng, nhưng tự mình phải xem xét chuyện ấy là thật hay giả. Trong xã hội chuyện giả rất nhiều, người lừa tiền cũng không ít, chúng ta cũng đừng bị mắc lừa, đừng bị lừa dối. Do vậy, nhất định phải chú tâm quan sát, thăm tra là thật hay giả. Nếu quả thật họ cần thì chúng ta phải bỏ tiền, ra sức, tận tâm tận lực giúp. Nay đã hết giờ rồi!

Tập 45

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần sám hối trong phần Khai Thị của thời thứ nhất. Xem từ nguyện thứ tư của mười nguyện Phổ Hiền.

Tứ giả sám hối nghiệp chướng.

四者懺悔業障。

(Bốn là sám hối nghiệp chướng)

Cổ nhân thường nói: “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá, quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (Con người chưa phải thánh hiền, ai mà không lầm lỗi. Có lỗi biết sửa, còn gì tốt lành hơn được nữa). Như vậy, có thể nói cách tu Sám Hối này phổ biến trong mọi thánh giáo dù là thế gian hay xuất thế gian. Chúng ta xem khắp những tôn giáo trên thế giới, những vị giáo chủ, tiên tri, thầy truyền giáo của họ không ai chẳng dạy con người phải thường hối cải. Hối (悔) là sám hối, Cải (改) là sửa lỗi. Trong nhà Phật, hai chữ Sám Hối là hợp dịch cả tiếng Phạn lẫn tiếng Hoa. Sám là Sám-ma (ksama), là tiếng Phạn, Hối là hối cải (hối lỗi, sửa mình), đây là ý nghĩa tiếng Hán [của chữ sám-ma]. Do ý nghĩa chữ Sám-ma của tiếng Phạn và chữ Hối Cải của tiếng Hán ý nghĩa gần giống nhau, nên ghép chung lại gọi là Sám Hối.

Cách sám hối chú trọng phát lộ. Phát lộ là gì? Lộ (露) là bày rõ ra. Ta có làm lỗi, làm bậy, chẳng được giấu diếm, phải báo cùng đại chúng, nay gọi là “*thản bạch*” (坦白: nói thẳng thắn). Ở trước đại chúng nói ra làm lỗi của chính mình, chịu đựng đại chúng quở trách, giáo huấn, sau đấy, đổi mới, sửa lỗi, về sau không còn tái phạm. Sám hối như vậy thực sự có công đức, sau này không còn tái phạm nữa! Trước kia, tôi thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư dạy dỗ tôi. Khi ấy, tôi vừa mới được tiếp xúc Phật pháp, trong Phật pháp có những quy củ, nghi thức tôi không biết một điều nào hết. Đại sư hết sức từ bi, bảo tôi Phật pháp trọng thực chất, chứ không trọng hình thức, trong Phật pháp, sám hối hết sức quan trọng. Thế nào là sám hối? Biết lỗi, sửa được lỗi, sau này không tái phạm nữa, đó là sám hối chân chánh. Ngài nói nghi thức không quan trọng, đối với tôi là kẻ sơ học mà nói như vậy, tôi được rất nhiều lợi lạc.

Sám hối quan trọng nhất là tự mình phải biết lỗi của chính mình. Từ khi tôi học Phật mãi đến khá nhiều năm sau này, tôi mới thực sự hiểu thế nào là khai ngộ như nhà Phật thường nói. Khai ngộ là gì? Chúng ta nghe nói “khai ngộ” thấy rất huyền diệu; sau này, khi được tiếp xúc kinh giáo đã nhiều, tôi mới thực sự thấu hiểu thế nào là khai ngộ? Biết lỗi làm của chính mình, ấy là khai ngộ! Sửa đổi lỗi làm là sám hối. Sám hối là công phu tu hành chân chánh. Trong phương pháp tu học này, khó nhất là biết lỗi của chính mình. Ai biết được lỗi của chính mình, người ấy chẳng mê, người ấy giác ngộ.

Lỗi làm vô lượng vô biên, từ khởi tâm động niệm cho đến ngôn ngữ, hành vi. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nói: “*Diêm Phù Đề chúng sanh khởi tâm động niệm vô phi thị tội*” (chúng sanh Diêm Phù Đề (nói đơn giản là chúng sanh trên quả địa cầu này) khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội). Kẻ mới học Phật chúng ta nghe được lời ấy, tưởng như kinh Phật nói quá đáng. “*Khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội), chưa chắc! Có những người khởi tâm động niệm là thiện, chẳng lẽ cũng là tội hay sao? Vì thế sanh tâm kính ngưỡng đối với Phật pháp, nhất là đối với Đại Thừa Phật pháp quả thật khó khăn lắm!

Đức Phật thuyết pháp, tiêu chuẩn bất đồng, bất luận cá nhân nào thiện niệm hay ác niệm; thiện hạnh vẫn là ác hạnh nếu không thể vượt khỏi lục đạo luân hồi; trong mắt của chư Phật, Bồ Tát, và bậc đại triết đại ngộ, [những thiện hạnh như thế] đều không phải là chân thiện. Cái thiện thực sự sẽ như thế nào? Cái thiện chân chánh nhất định phải vượt thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới; không thể vượt thoát luân hồi nếu chẳng phải là tội thì sẽ là gì đây? Nhìn từ mức độ này, quý vị mới hiểu kinh Phật nói không sai.

Chúng sanh trong lục đạo luân hồi, tâm địa thiện lương, chẳng vì chính mình, mà vì quốc gia, vì dân tộc, vì hết thảy chúng sanh là tốt lắm! Khó có, [người như vậy] là bậc thánh nhân trong thế gian! Nhưng như thế nào? Chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, danh văn, lợi dưỡng có thể nhạt một chút, nhưng không nhỏ được tận rễ, chuyện bỏ mình vì người vẫn còn có giới hạn. Dầu là “*sát thân thành nhân, thành nhân thủ nghĩa*” (hy sinh thân mình để hoàn thành điều nhân, thành tựu điều nhân, giữ được điều nghĩa), nhưng vẫn còn phân biệt chấp trước, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này là nhân, kia là nghĩa: “Ta phải làm người có nhân, ta phải là người có nghĩa”, không ra khỏi tam giới được! Lý này rất sâu, nếu không thâm nhập kinh tạng, kệ nhập Đại Thừa và rất nhiều ngôn luận của Phật, Bồ Tát, thật chẳng dễ gì thấu hiểu được! Không dễ hiểu vẫn còn chưa sao, có rất nhiều chỗ ta hiểu lầm ý nghĩa, đúng là “*sai chỉ hào ly, lầm cả ngàn dặm*”. Điều này khiến chúng tôi mỗi khi đọc câu kệ Khai Kinh “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” cảm thấy câu này không dễ gì đọc lên.

“*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” là chuyện khó khăn hết sức. Xưa kia, thầy Lý từng bàn luận với tôi về câu này trong bài kệ Khai Kinh. Cụ nói: “Chúng ta ý nghĩa này nọ đều không biết, làm sao có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai?” Chúng tôi suy nghĩ: Không sai! Ai có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai? Chúng ta hạ mức độ xuống thấp nhất thì cũng phải là đoạn được Kiến Tư phiền não, đoạn được Trần Sa phiền não, cũng như phá được một hai phẩm vô minh thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Phiền não tập khí chưa đoạn, quý vị làm sao có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Nghĩa chân thật của Như Lai là từ

tâm tự tánh thanh tịnh viên mãn hiển lộ, chúng ta hoàn toàn mê mất cái tâm thanh tịnh nơi tự tánh, đạo lý là như thế đó. Chúng tôi hiểu được đạo lý này, chúng tôi gặt đầu, đúng là không thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai.

Nếu như nay chúng ta nỗ lực thực hiện, trước hết phải đoạn Kiến Tư phiền não. Bắt đầu đoạn từ đâu? Điều này chúng tôi thường nói, thường khuyến khích các đồng học, tôi cũng nghiêm túc nỗ lực học tập: “Chúng ta phải buông tự tư tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống!” Đây là cái ải đầu tiên. Nếu vẫn còn những thứ này thì ngay cả ngoài rìa pháp Đại Thừa chúng ta cũng chẳng sờ đụng được! Làm tới, làm lui cũng vẫn là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Làm thế nào để không mắc lầm lỗi? Phải thực sự buông xuống được, buông xuống rồi quý vị mới có thể thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt thì trí huệ hiện tiền, hoằng nhiên đại ngộ. Đại ngộ có nhiều mức độ; “hoằng nhiên đại ngộ” nói thật ra chỉ là ngộ một chút. Qua mấy ngày, hoặc mấy tháng, lại có một lần hoằng nhiên đại ngộ khác, lại ngộ nhiều hơn một tí. Cổ đức thường nói: “*Chúng ta tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành đại triệt đại ngộ*”.

Nếu quý vị muốn khai ngộ mà không buông phiền não tập khí xuống được thì quý vị không thể ngộ nổi. Những gì Phật, Bồ Tát nói trong kinh điển, chúng ta nghe xong, nói thật ra dường như hiểu mà không phải hiểu, chứ không thực sự hiểu. Thực sự hiểu thì tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và hành vi của chúng ta sẽ biến đổi, khác với lúc chưa hiểu, hoàn toàn khác hẳn. Khi chưa hiểu, quý vị là phàm phu; thực sự hiểu thì quý vị là thánh nhân, siêu phàm nhập thánh, phá mê khai ngộ. Tâm tư, hành vi và biểu hiện của thánh nhân là bỏ mình vì người. Quý vị hãy chú tâm quán sát [sẽ thấy] khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi của các Ngài hoàn toàn tương ứng với những gì kinh điển đã nói. Quý vị hãy chú tâm quan sát những lời các Ngài nói, những điều các Ngài làm được kinh điển gọi là sở hạnh của Phật, Bồ Tát. Thế thì chúng ta hãy chú tâm quan sát Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy hạnh nghiệp cả một đời Phật có giống với những gì đã giảng trong kinh hay không?

Phàm là bậc giác ngộ, biểu hiện cả một đời, bất luận là trong sinh hoạt, trong công việc, trong xử sự, đối người, tiếp vật, cứ lấy kinh luận làm tiêu chuẩn để đo lường, chắc chắn tương ứng, ấy là “thực sự học Phật”. Thực sự sám trừ sạch nghiệp chướng của chính mình, sám hối là đặc biệt nói về nghiệp chướng. Ở phần trên chúng tôi đã giảng về nghiệp chướng, trong bài kệ Hồi Hương thường niệm câu: “*Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não*”, câu ấy chính là sám hối nghiệp chướng. Phía trước của Nghiệp Chướng là Hoặc Chướng, tức mê hoặc, phía sau của Nghiệp Chướng là Báo Chướng, báo là quả báo. “Hoặc” (惑) là vô minh. Nghiệp là phân biệt, chấp trước. Chúng tôi nói theo cách kinh Hoa Nghiêm đã giảng. Còn nếu theo các kinh Đại Thừa, theo thuật ngữ đức Phật đã dùng, thì Hoặc Chướng là vô minh phiền não, Nghiệp Chướng là Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não, đều thuộc về nghiệp. Báo Chướng là lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi là quả báo. Đó là Tam Chướng. Trong Tam Chướng có nhân, có quả, nếu nói tỉ mỉ, có nhân, có duyên, có quả. Nghiệp là nhân, Hoặc là duyên, y báo và chánh báo trang nghiêm trong lục đạo chính là quả, là nổi khổ trong lục đạo.

Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: “*Tam giới thống khổ*” (tam giới đều khổ). Trong Dục Giới thì ba loại khổ lớn là Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ ta đều phải

hứng chịu hết, không cách gì tránh khỏi được. Bất luận quý vị làm thiện hay tạo ác, cũng đều phải hứng chịu. Trời Sắc Giới có công phu Thiên Định, đè nén được một phần tập khí phiền não nên không có Khổ Khổ, chỉ có Hoại Khổ và Hành Khổ. Đến Vô Sắc Giới là cao rồi, ngay cả thân thể cũng không có. Chúng ta thường gọi Vô Sắc Giới là “linh giới”, họ không có sắc tướng, nên không có Hoại Khổ, nhưng có Hành Khổ. Vì thế, đức Phật bảo tam giới đều khổ, tam giới là nhà lửa. Chúng ta chỉ có cách sám hối nghiệp chướng, thực sự trừ sạch nghiệp chướng mới vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, đó mới là chân thiện.

Vì thế, nhìn từ góc độ này, những lời kinh Địa Tạng đã giảng là đúng, không giả: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Chúng sanh Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội), ý nghĩa rất sâu xa. Ngài lấy Pháp Thân Bồ Tát làm tiêu chuẩn, dùng cái thiện của Pháp Thân Bồ Tát làm tiêu chuẩn để nhìn chúng sanh trong lục đạo luân hồi. Cho đến thiên đạo vẫn chưa phải là thiện, chưa ra khỏi luân hồi! Hưởng hết phước trời, trong A Lại Da Thức vẫn còn có chủng tử của tập khí ác, vẫn phải đọa xuống, không thể tính là thiện được! Nếu là thiện thực sự, sẽ vĩnh viễn không đọa lạc nữa. Vậy thì chỉ có vượt thoát, ngoại trừ vượt thoát ra, không còn cách nào khác nữa! Vượt thoát lục đạo, đạt đến bốn thánh pháp giới, bốn thánh pháp giới được tính là thiện, nhưng là tiểu thiện chứ chưa phải đại thiện, chưa phải là cái thiện viên mãn rốt ráo. Thiện viên mãn rốt ráo là trong Nhất Chân pháp giới; do vậy, quý vị vẫn còn phải vượt thoát Tứ Thánh.

Nói cách khác, trong nhà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến Đăng Giác Bồ Tát không ai lìa khỏi pháp sám hối được. Đăng Giác Bồ Tát vẫn phải tu sám hối nghiệp chướng, Ngài có những nghiệp chướng nào? Ấy là một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đó là nghiệp chướng của Ngài. Như vậy, quý vị phải hiểu: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Đăng Giác Bồ Tát vẫn là đời nghiệp vãng sanh, nhưng Ngài mang theo nghiệp ít nhất, chỉ mang theo một phẩm sanh tướng vô minh. Pháp môn Tịnh Tông chẳng thể nghĩ bàn, trong các tịnh độ của chư Phật Như Lai thì đời nghiệp chỉ là đời vô minh nghiệp, chắc chắn không mang theo Kiến Tư, quyết định không mang theo Trần Sa. Chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là tịnh độ của Phật Di Đà, là có thể mang theo Trần Sa phiền não, có thể mang theo Kiến Tư phiền não, trong tất cả các cõi Phật khác, không tìm đâu được một cõi giống như vậy.

Tu các pháp môn khác, quý vị sám hối nghiệp chướng giống như điểm số học tập của quý vị trong trường học, nói chung phải đạt đến năm mươi điểm thì mới coi là trúng cách; còn Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn, tiêu chuẩn của Tây Phương Tịnh Độ thấp nhất, sám hối nghiệp chướng chỉ chừng năm phần bèn được vãng sanh. Các pháp môn khác, các cõi Phật khác đòi hỏi năm mươi điểm mới hồng vãng sanh, ở những nơi đó đặt ra tiêu chuẩn: Phải đạt năm mươi điểm mới được; còn ở đây lấy tiêu chuẩn đạt năm điểm là được rồi. Đối với bọn phàm phu nghiệp chướng sâu nặng chúng ta mà nói, chúng ta phải nỗ lực mãi, sao cho nghiệp chướng tiêu trừ được một chút mới hồng vãng sanh. Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải hiểu điều này cho rõ ràng, hiểu rõ rồi mới chịu thực sự khẳng định, ngoài pháp môn này ra, chúng ta tu học bất luận pháp môn nào khác đều chẳng thể thành tựu. Ấy là vì chính mình không có năng lực sám hối nghiệp chướng với một mức độ lớn lao, nên chẳng làm được!

Phương pháp thực hiện là mỗi ngày phải phản tỉnh, mỗi ngày phải nghĩ đến lầm lỗi của chính mình. Chúng ta tụng niệm công khóa sáng tối, vì sao phải thực hiện công khóa sáng tối? Thực hiện công khóa sáng tối có gì tốt? Công khóa sáng tối chẳng phải là làm cho Phật, Bồ Tát, mà làm vì chính mình, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch ý nghĩa này, khóa tụng sáng tối nhằm tu pháp môn sám hối! Khóa sáng lay tỉnh chính mình, vì thế, chúng tôi chọn kinh văn để đọc là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nhằm cảnh tỉnh chính mình, hy vọng cách suy nghĩ, tư tưởng và hành vi của chúng ta ngày hôm nay sẽ tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Mỗi ngày tụng khóa sáng để cảnh tỉnh chính mình. Khóa tối là phản tỉnh, ta tương ứng lời Phật răn dạy là tốt, ngày mai cứ làm như thế, ngày mai phải giữ gìn, chớ nên để mất đi. Điều gì không làm được, phải sanh tâm hổ thẹn, nhất định phát tâm sửa lỗi, ngày mai ta nhất định phải làm cho được. Công khóa sáng tối như thế ắt có công đức, giúp quý vị sám hối, giúp quý vị phát hiện lầm lỗi, giúp quý vị sửa đổi lầm lỗi, đó là tu hành.

Tu hành là sửa cho đúng những tư tưởng sai quấy, những hành vi lầm lạc, những ngôn ngữ sai trái. Ngôn ngữ và hành vi đều sanh từ ý niệm. Bởi thế, tư tưởng lầm lạc hơn bất cứ điều gì khác. Do vì cách nghĩ sai lầm mới dẫn đến hành vi và ngôn ngữ sai lầm. Do vậy, tu hành ý nghiệp quan trọng hơn bất cứ gì khác! Sửa đổi cho đúng những tư tưởng lầm lạc của chúng ta, mong có được chánh tri chánh kiến, trong giai đoạn này, ngoại trừ đọc kinh, nghe kinh ra, không còn có phương pháp thứ hai nào! Đọc kinh, nghe kinh, lấy kinh làm chủ. Quý vị hãy nhớ kỹ, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài chỉ dạy chúng ta pháp Tứ Y: “*Y Pháp, bất y nhân*” (Nương vào Pháp, không nương theo người). Đối với những điều người ta nói, ta phải tìm cho ra căn cứ lý luận từ kinh điển. Bởi lẽ, hết thảy những gì người ta nói, chúng ta chỉ có thể dùng để tham khảo mà thôi, rốt cuộc người ấy nói đúng hay không chúng ta phải có trí huệ phân biệt, chẳng thể mù quáng hòa theo. Mù quáng hòa theo là ngu si, là đi vào con đường lầm lạc. Bởi thế, phải có trí huệ quyết định, chọn lựa. Chuyện này đâu phải là chuyện dễ!

Chúng sanh căn tánh bất nhất, tùy theo căn tánh của mỗi loại mà đức Phật có từng cách thuyết pháp. Ví dụ rõ ràng nhất là đối với kẻ chấp trước Có, đức Phật giảng Không. Giảng Không nhằm ý nghĩa gì? Phá cái chấp Có của kẻ đó. Thế nhưng đối với hạng người chấp Không, đức Phật bèn giảng Có, để phá cái chấp Không. Đức Phật thuyết pháp nhằm phá chấp trước, phân biệt, vọng tưởng của chúng sanh. Chúng sanh vọng tưởng, chấp trước khác nhau, đức Phật dùng phương pháp thiện xảo phương tiện khác nhau. Chúng sanh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đức Phật không có pháp nào để nói cả. Không có pháp nào để nói mới là thực sự thuyết pháp. Ai hiểu? Chỉ có Pháp Thân Bồ Tát, những vị Pháp Thân Bồ Tát thuộc địa vị sâu mới hiểu được, đừng nói là lục đạo phàm phu không hiểu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong chín pháp giới cũng không hiểu. Vì thế chuyện này thật khó khăn lắm!

Thế nhưng có một nguyên tắc chung, nếu chúng ta nắm được nguyên tắc chung ấy, đối với các cách thuyết pháp bất đồng của chư Phật, Bồ Tát, trong tâm sẽ lãnh hội được một ít. Thế nào là tổng nguyên tắc? Đó là khế cơ, khế lý khế cơ. Khế cơ là thích hợp với nhu cầu hiện tại của người đó, đối với người đó có lợi lạc, có lợi ích, đó là khế cơ. Về Lý thì quyết định chẳng được trái lý. Khế cơ, khế lý là đúng. Đây là tổng

nguyên tắc, tông cương lãnh để hết thầy chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Danh hiệu của tông nguyên tắc, tông cương lãnh trong Đại Thừa Phật pháp gọi là một câu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là tên gốc của tánh đức, là tên gọi của năng lực sẵn có trong tự tánh của mỗi chúng sanh. Trì danh niệm Phật, hết thầy chư Phật đều dạy chúng ta như thế, dùng danh hiệu này để đánh thức tánh đức của chính mình, gọi nó trở về, ý nghĩa là như vậy đó!

Cần phải nhận thức rõ ràng Phật và Phật giáo. Phật là gì? Pháp Đại Thừa giảng về Phật rất nhiều, Phật là chân tâm, không phải là bên ngoài, tự tánh chân tâm gọi là Phật. Tiếng Ấn Độ gọi là Phật, là tánh, là “bản lai diện mục” (diện mạo sẵn có). Hiểu rõ ý nghĩa những danh từ ấy, có hiểu thấu suốt thì mới lãnh hội chút ít những danh từ thuật ngữ ấy. Tin Phật là tin mình có chân tâm, tin mình có bản tánh. Quý vị xem kinh, như trong phần trước chúng ta đã đọc thấy: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta). Tin A Di Đà Phật là tin vào cái tâm của chính mình, niệm A Di Đà Phật là niệm cái tên gốc của chính tâm mình. Ta không tin Phật là không tin vào chân tâm của chính mình, không tin vào cái tên gốc của chính mình, vậy là sao? Là mê hoặc, điên đảo! Thiền sư Trung Phong giảng rất rõ ràng: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật. Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Hết thầy chư Phật đều nói pháp này là pháp khó tin, vì sao? Con người mê rồi. Họ tin tưởng điều gì? Tin vào phiền não tập khí của chính mình, cho tham - sân - si - mạn, danh văn, lợi dưỡng là Ngã. Bởi thế, họ bèn luân hồi trong lục đạo, khởi tâm động niệm tạo vô lượng vô biên nghiệp, nghiệp cảm luân hồi, trong luân hồi thọ khổ thọ nạn rất oan uổng! Họ vốn là Phật, vốn rất tự tại, có vô lượng vô biên trí huệ, vô lượng vô biên đức năng, vô lượng vô biên tướng hảo, nay đều mê mất hết.

Chư Phật, Bồ Tát cũng như những bậc tái lai là những vị giác ngộ, các Ngài đem kinh nghiệm và phương pháp giác ngộ, khôi phục của chính mình ban cho chúng ta, để chúng ta thuận tiện đối chiếu học theo; chiếu theo những phương pháp ấy mà tu học sẽ đỡ mất công nhiều lắm. Nếu chúng ta thực sự hiểu được, thực sự thấu suốt, trong một đời này khéo tu học, thì trong một đời này quý vị nhất định chứng đắc. Nếu quý vị hỏi chúng đắc điều gì ư? Xin thưa cùng quý vị một chuyện hiện thực nhất: Chứng đắc rõ ràng nhất là tướng mạo quý vị càng ngày càng tốt đẹp, càng ngày càng trẻ ra, càng ngày càng mạnh khỏe. Trong một đời này, có thể đạt được thân Kim Cang bất hoại, vĩnh viễn không đổ bệnh, vĩnh viễn không suy lão, vĩnh viễn vui sướng. Bất luận làm chuyện gì, việc gì cũng thuận lòng, việc gì cũng như ý, trong nhà Phật có cầu ắt ứng. Những chuyện tốt ấy quý vị đều có thể đạt được, đây là nói về chuyện hiện thực nhất, không có chút xíu gì huyền diệu cả! Nếu quý vị không làm được là vì quý vị chưa hiểu đạo lý này, không hiểu phương pháp này, quý vị học sai mất rồi!

Nếu thực sự hiểu được lý luận này, hiểu được phương pháp này, tu học không sai lầm chút nào, chắc chắn quý vị đạt được những quả báo nói trên. Phải mất bao lâu quý vị mới cảm thấy có hiệu quả? Ba tháng, từ ba tháng đến nửa năm, quý vị sẽ nhận biết hiệu quả, quý vị sanh lòng tin. Tư tưởng và hành vi bèn biến đổi. Sự biến đổi ấy quý vị thực sự làm được. Từ tướng mạo, thể chất, tâm tình thái độ xử sự đãi người tiếp vật, quý vị có thể thấy được sự biến đổi ấy rất rõ rệt: Quý vị thực sự làm được,

quý vị thực sự dụng công. Nếu giả thì không được rồi, người ta nhìn qua một cái là thấy ngay, vì sao? Quý vị chẳng có biến hóa gì cả!

Đạo lý này khoa học hiện thời đã chứng minh. Bởi thế, lần này chúng tôi mời tiến sĩ Giang Bồn Thắng đến thăm nơi đây. Rất tiếc là ông ta đến thăm nhằm lúc tôi đi thăm Tây Tạng, lịch trình bị kẹt không thể tiếp đãi ông ta được. Chậm nhất là tháng Giêng năm sau tôi sẽ đến Đông Kinh dự hội nghị, đi họp ở Nhật Bản, tôi có thể đến thăm ông ta. Ông ta dùng phương pháp khoa học chứng thực: Chúng ta dùng thiện ý, lấy nước để thí nghiệm, dùng thiện ý đôi đũa nước thì nước bèn kết tinh rất đẹp! Chúng ta dùng ác ý đối với nó, nước bèn phản ứng hết sức xấu xí. Đây chính là chứng minh rõ ràng nhất!

Vì sao nói quý vị thực sự tu hành, tướng mạo của quý vị sẽ thực sự biến đổi rất đẹp? Vì quý vị tu hành là đem tất cả hết thảy ý niệm bất thiện đổi thành những ý niệm tốt lành nhất. Tâm quý vị thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện, thì phản ứng đầu tiên là gì? Những bộ phận và tế bào trên thân sẽ có phản ứng ban đầu giống như phản ứng của nước. Mỗi một bộ phận đều biến đổi hết sức đẹp đẽ, mạnh khỏe nhất. Mỗi một tế bào cũng biến đổi hết sức tốt đẹp, nên quý vị bèn trẻ ra, đạo lý là như vậy.

Trong quá khứ, chúng tôi chỉ nghe theo những gì kinh Phật đã giảng, thật thà chất phác y giáo tu hành, cũng không nghĩ gì đến tướng hảo gì hết, thân thể khỏe mạnh, không nghĩ đến những chuyện đó, đó là quả báo. Chúng tôi chỉ nghe lời thầy giáo huấn, đúng là tâm lý biến đổi một trăm tám mươi độ. Quả nhiên, sự biến đổi ấy bèn khởi tác dụng, chúng tôi chưa tự mình nhận biết tác dụng nhưng người khác đã nhận ra. Người khác nhận thấy tướng mạo khác đi, tướng mạo hiện thời so với tướng mạo xưa kia tốt hơn nhiều lắm, khí sắc khác hẳn, sức khỏe khác hẳn, trước kia hay bệnh, nói chung là eo nhức, lưng mỏi, nay không còn nữa. Xưa kia, thỉnh thoảng còn bị cảm mạo đôi chút, mấy năm nay không còn nữa. Chú tâm quan sát, chúng tôi tự mình chú tâm quan sát phản tỉnh, đó là gì vậy? Chính là hiệu ứng của nghiệp chướng tiêu trừ.

Xưa kia, Chương Gia đại sư dạy tôi: Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Ngày dạy tôi cầu Phật, dạy tôi chớ cầu nơi người. Ngài nói cầu nơi người, người ta không đáp ứng, mình chẳng sanh phiền não sao? Tôi nói không sai, quả nhiên sanh phiền não! Vì thất vọng, bị ngăn trở, trong tâm khó chịu. Ngài nói cầu Phật, Bồ Tát; cầu Phật, Bồ Tát không có cảm ứng là vì nguyên nhân nào? Do chính mình có nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng rồi thì cảm ứng bèn hiện tiền. Đúng là có cầu ắt ứng. Cái cầu ấy đúng pháp, đúng lý, quyết định chẳng vì mình hưởng thụ, quyết định chẳng vì chính mình, vì cá nhân. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, quyết định chẳng được cầu những thứ ấy. Cầu những thứ ấy là tăng trưởng tham - sân - si, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi tuyệt đối chẳng thể tăng trưởng tham - sân - si - mạn của quý vị; Phật, Bồ Tát từ bi giúp cho chúng ta tiêu trừ tham - sân - si - mạn.

Nếu sám trừ được tham - sân - si - mạn, niệm niệm mong chánh pháp tồn tại lâu dài, tiếp nối huệ mạng của Phật, vì giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, thì hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều hộ niệm quý vị, đều giúp đỡ quý vị. Vì sao? Quý vị và các Ngài đồng tâm, đồng chí, đồng hạnh. Chư Phật, Bồ Tát là như thế đó, quý vị giống như các Ngài thì sức mạnh của các Ngài mới gia trì cho quý vị được! Ở đây, thiền sư Trung Phong khuyên chúng ta nên phát nguyện, hy vọng chúng ta nguyện nào cũng tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, có như vậy quý vị

mới được gia trì viên mãn. A Di Đà Phật gia trì quý vị, mười phương hết thấy chư Phật đều gia trì quý vị, làm sao quý vị không tự tại? Làm sao quý vị không vui sướng? Mười phương hết thấy chư Phật gia trì, thì xin thưa với quý vị, mười phương hết thấy thiện thân đều gia trì quý vị, tâm - nguyện - giải - hạnh của họ đều tương đồng. Vì thế, chúng ta phải hết sức coi trọng cái nguyện này.

Đối với người khác, chúng ta thiếu lễ độ, kiêu căng, tự đại, không để ai vào mắt, đầy đều là nghiệp chướng. Bởi thế, lễ kính chư Phật là sám hối nghiệp chướng, xưng tán Như Lai cũng là sám hối nghiệp chướng. Nghiệp chướng lớn nhất là ganh ghét, ganh ghét gây chướng ngại. Chúng ta thấy người khác có chuyện tốt, miệng tròn chẳng đề cao, người khác có lúc bất thiện, mình bèn suốt ngày từ sáng đến tối rêu rao, khen mình, chê người. Xưng tán Như Lai cũng nhằm sám hối nghiệp chướng ấy. Rộng tu cúng dường cũng là sám hối nghiệp chướng, tâm lượng của bản thân chúng ta nhỏ nhen, tự tư tự lợi, chẳng thể bỏ mình vì người, làm sao rộng tu cúng dường cho được? Quý vị hãy nghĩ xem đây có phải là sám hối nghiệp chướng hay không? Sau đây, quý vị thấy mười nguyện Phổ Hiền, không nguyện nào chẳng phải là sám hối nghiệp chướng.

Như vậy, trong mười nguyện, sám hối nghiệp chướng là nguyện tổng quát. Chúng ta cũng có thể nói là Bồ Tát đạo từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai tu điều gì? Chính là tu sám hối nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng nào cũng đều sám được sạch sành sanh, không còn mảy may nào thì quý vị đã viên thành Phật đạo. Ở phần trên, chẳng phải tôi đã từng nói đó ư? Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, đó chính là nghiệp chướng của họ. Họ vẫn phải sám hối cho hết một phẩm sanh tướng vô minh mới chứng đắc Phật quả viên mãn. Vì thế, chúng ta nhất định phải chịu sám hối nghiệp chướng sâu nặng của chính mình, hằng ngày phải phát hiện nghiệp chướng của chính mình. Hằng ngày phải sám trừ nghiệp chướng của chính mình thì mới hòng tiến bộ trên đường Bồ Đề.

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

五者隨喜功德。

(Năm là tùy hỷ công đức).

Điều này hết sức quan trọng, nhằm đối phó điều gì? Đối trị ganh ghét, chướng ngại. Chúng ta thấy những người khác làm việc tốt, trong tâm không vui thú. Nghiêm trọng nhất là nghĩ cách gây chướng ngại, không mong chuyện tốt đẹp của người ấy thành công. Trong một đời này, không biết chúng tôi gặp phải bao nhiêu lần. Năm 1999, kỷ niệm năm mươi năm lập quốc của Trung Quốc¹¹, tôi được mời tham dự lễ ngũ thập chu niên đại khánh. Tôi ở Bắc Kinh viếng thăm kinh khắc đá ở Phòng Sơn¹²,

¹¹ Đây chính là ngày quốc khánh lần thứ 50 (mùng Một tháng Mười) của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc (Hoa Lục), không phải là quốc khánh của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Chánh quyền Mao Trạch Đôn tuyên bố thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc vào ngày mùng Một tháng Mười năm 1949.

¹² Đây là một di sản văn hóa Phật giáo hết sức quý báu. Phòng Sơn Thạch Kinh là các bản kinh Phật giáo được khắc vào đá tảng trữ trong Thạch Kinh Sơn chùa Vân Cư huyện Phòng Sơn (phụ cận Bắc Kinh). Núi Thạch Kinh nằm ở phía Đông chùa Vân Cư nên còn có tên là Đông Phong, trong núi gồm chín hang động, chia thành hai tầng: Trên bảy, dưới hai. Mỗi động đều có tên riêng, động chính

hết sức hoan hỷ, nhằm đúng ngay lúc đó, có một vị cư sĩ tặng tôi một món tiền, số tiền cũng không ít, để in số kinh khắc đá ở Phòng Sơn.

Tôi đến Bắc Kinh, được cục trưởng cục Tôn Giáo nhà nước họ Diệp tiếp đãi, tôi nêu lên chuyện ấy. Tôi nói tôi hy vọng in lại một ngàn bộ kinh khắc đá để gửi tặng nước nhà, chứ bản thân tôi không cần. Hy vọng nhà nước sẽ gửi tặng các thư viện quốc gia trên toàn thế giới hòng bảo tồn vĩnh viễn, đó là nghệ thuật phẩm cao cấp. Tất nhiên bọn họ in, nhưng in chữ quá nhỏ, đọc không được, chỉ có thể dùng làm tài liệu. Bởi thế, chúng tôi hy vọng in chữ to hơn, in chữ to thì đương nhiên là số tập sẽ nhiều hơn, phân lượng lớn hơn, giá thành phải cao. Không sợ giá thành cao, cốt in cho đẹp đẽ, tinh xảo, khiến ai trông thấy cũng đều sanh tâm hoan hỷ. Khi ấy, nhà nước cũng đồng ý, cấp cho tôi một tờ giấy phép. Về sau, chướng ngại rất nhiều, việc ấy không thành, đáng tiếc quá! Họ chẳng thể tu tùy hỷ công đức, không thể cho phép được.

Năm ngoái, tại Đài Loan bàn đến chuyện in Tứ Khố Hội Yếu, nhân vì số tiền kia vẫn còn, tôi nghe như vậy rất hoan hỷ. Nếu như tôi có được bản quyền Tứ Khố Hội Yếu, tôi cũng mong in một ngàn bộ, gửi tặng thư viện các đại học nổi tiếng và các thư viện quốc gia trên toàn thế giới. Dường như cũng có mấy người tranh giành, chèo kéo không buông, việc ấy cũng hỏng luôn. Không biết học tùy hỷ công đức, ai nấy đều tranh giành, công đức này tôi làm, kẻ kia muốn tranh làm, mấy người đều muốn tranh, thế là xong luôn, hết chuyện, không làm được gì hết! Bao nhiêu chuyện tốt đẹp muốn phát tâm làm đều bị phá hoại như thế cả. Mỗi cá nhân đều muốn tranh công, rất đáng tiếc. Đây là chúng sanh thiếu phước, chúng tôi muốn làm, mà làm không thành công. A! Nay hiện tại đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp nguyện thứ năm của mười nguyện Phổ Hiền trong phần khai thị phát nguyện:

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

五者隨喜功德。

(Năm là tùy hỷ công đức).

được gọi là Lôi Âm Động. Công trình khắc kinh trên đá này do ngài Tịnh Uyển (Trí Uyển) khởi xướng từ đời Tùy, theo di nguyện của thầy Ngài là pháp sư Huệ Tư. Công cuộc khắc kinh trên đá được bắt đầu vào khoảng giữa niên hiệu Đại Nghiệp (605-617). Đến khi ngài Tịnh Uyển mất, đã khắc được 146 khối đá gồm các kinh Niết Bàn, Hoa Nghiêm, Duy Ma, Thắng Man v.v... Các đệ tử như Đạo Công, Nghi Công, Tiêm Công... tiếp tục sự nghiệp của thầy. Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, hoàng đế nhà Đường tiếp tục sự nghiệp này. Việc khắc kinh bị đình đốn vào thời Ngũ Đại, rồi lại tiếp tục mãi cho đến đời Kim Chương Tông (1149-1190), dưới sự chủ trì của chú nhà vua là Hán Vương và phu nhân của Lưu Thừa Tướng, Trương Nhân Tông v.v... công cuộc khắc kinh mới hoàn tất. Hiện thời tại Thạch Kinh Sơn có chứa hơn 1,4 vạn tấm đá khắc kinh. Sau khi khắc xong, Kim Chương Tông ra lệnh phong bế các hang động này, và sai nhà thư pháp Đồng Kỳ Xương viết hai chữ Bảo Tạng trên vách núi.

Điều này hết sức quan trọng, hết thảy chúng sanh đều có nghiệp chướng, đều có căn bệnh sau đây: Không vui lòng tùy hỷ [công đức của] người khác. Trọn chẳng biết “*tùy hỷ công đức*” và công đức của chính mình đã tu không hai, không khác. Vì thế, người thực sự có trí huệ, ngạn ngữ thường nói: “*Thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác*” (thành tựu điều tốt đẹp cho người, không thành tựu điều ác cho người khác). Chuyện bất thiện chúng ta không tùy hỷ. Thiện sự, hảo sự, chuyện có lợi ích cho xã hội và đại chúng, hãy nên tùy hỷ. Chẳng nên có tâm lượng hẹp hòi như thế, phải mở rộng tâm lượng.

Trước kia, tôi ở tại Tân Gia Ba, một nữ tu Thiên Chúa Giáo gọi điện thoại cho tôi, cho biết họ có một đoàn y tế (Thiên Chúa Giáo lập trường học, lập bệnh viện, các bác sĩ trong bệnh viện của bà ta lập một đoàn y tế) qua Phi Châu chữa bệnh miễn phí. Đây là một việc tốt, tôi nghe xong hết sức hoan hỷ, tôi lập tức bảo bà ta: “Tôi gửi bà năm vạn đồng tiền thuốc men, hãy mua nhiều thuốc men một chút để mang qua bên đó”. Bà ta làm chuyện tôi muốn làm, tôi vẫn chưa có được cái duyên ấy, người ta làm được, tôi bèn đầu tư, khác gì chính tôi làm! Hết sức tốt đẹp, vì sao không làm? Vì sao cứ nhất định phải do chính mình làm? Ngốc quá, tự mình làm sẽ bận bịu đến chết! Người khác làm, chúng ta tán trợ, tốt đẹp hơn nhiều! Vì sao phải ngăn trở người khác?

Một thời gian không lâu sau, bà ta lại gọi điện cho tôi mong tôi lại giúp đỡ lần này. Bà nói bên Phi châu hết sức nghèo khổ, con người rất đáng thương. Bà ta cho biết hết thảy những thiết bị đều không có, thiếu thốn nhất là xe cứu thương, giao thông rất bất tiện. Bà ta đề xuất: “Pháp sư! Ông có thể tặng cho tôi một cái xe cứu thương được hay không?” Tôi nói: “Được chứ!” Tôi gửi một xe cứu thương cho bà. Không cần biết là tôn giáo hay đoàn thể nào, chuyện người ta làm là chuyện tốt, xã hội, thực sự hữu ích đối với xã hội và chúng sanh khổ nạn thì chỉ cần tôi trông thấy, nghe thấy, không cần ai phải bảo tôi, tôi đều tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Tôi biết người ta làm chuyện ấy chính là tôi làm, tôi làm chính là người khác làm, việc gì phải phân biệt đây kia? Cứ cứ nhất định phải nhọc sức thì mới là của mình?

Hết thảy công lao chuyện tốt cứ cho là của mình, quý vị sẽ không thoát khỏi tam giới. Vì sao? Ngã Chấp quá nặng! Luân hồi trong lục đạo do Ngã Chấp tạo thành. Trong kinh đức Phật giảng rất hay, Ngã Chấp bị phá thì lục đạo luân hồi không còn nữa, quý vị bèn vượt thoát luân hồi; đoạn được Pháp Chấp thì vượt khỏi mười pháp giới. Do đây biết rằng: Lục đạo luân hồi do Ngã Chấp và Pháp Chấp tạo thành. Trong mười pháp giới thì bốn thánh pháp giới do Pháp Chấp tạo thành, không có Ngã Chấp nhưng còn Pháp Chấp. Pháp Chấp không có thì mười pháp giới không còn nữa, thế giới ấy gọi là Nhất Chân. Chấp trước chẳng thể không phá, tùy hỷ giúp chúng ta phá chấp trước. Hết thảy việc tốt không nhất định phải là của mình, phải hiểu đạo lý này. Phải nhiệt tâm, tích cực, nỗ lực thực hiện tùy hỷ công đức.

Vì vậy, chuyện in lại những kinh khắc đá ở Phòng Sơn đến nay tôi vẫn không lúc nào quên. In Tứ Khố Hội Yếu bất kể là ai in, tôi đều tùy hỷ, chỉ cần có ai làm là được rồi. Tôi tuyệt đối chẳng cho công đức tốt lành ấy là của chính mình, không có ý niệm ấy, không có ý tưởng ấy. Ai làm tôi đều giúp đỡ cả, tôi toàn tâm toàn lực giúp đỡ, tiếng tốt hoàn toàn thuộc về người ấy, tôi chỉ mong chuyện ấy thực hiện thành công. Hễ có lợi ích đối với xã hội và hết thảy chúng sanh, chúng tôi thấy như vậy bèn rất hoan hỷ. Những thứ ấy thực sự là kho báu của Trung Quốc. Tứ Khố Hội Yếu và Thạch Kinh đúng là kho báu, hy vọng kho báu ấy có thể lưu truyền tới mọi nơi trên

toàn thế giới, khiến cho chúng sanh trên toàn thế giới đều được tiếp xúc. Chúng tôi chỉ có nguyện vọng như vậy, không hề mảy may cầu danh văn, lợi dưỡng cho bản thân mình. Vì vậy, phải tích cực tùy hỷ. Tùy hỷ có công đức vô lượng vô biên, phải hoan hỷ thực hiện, thành tựu điều tốt đẹp cho người, không thành tựu điều ác cho họ. Nguyện thứ sáu là:

Lục giả thỉnh chuyển pháp luân.

六者請轉法輪。

(Sáu là khuyên mời chuyển pháp luân).

Chuyển pháp luân: Chúng tôi thường nói pháp luân về căn bản vốn là một biểu tượng thường được dùng trong Phật giáo, đức Phật dùng biểu tượng này. Vì sao dùng luân? Luân (輪: bánh xe) tượng trưng cho sự viên mãn. Đức Phật giảng cho chúng ta hết thấy pháp, chân tướng của hết thấy pháp hay Thật Tướng của các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, Luân có thể biểu thị điều này. Luân hình tròn, hình tròn ấy không có tâm, phía ngoài là vành tròn bao quanh, như vậy luân chẳng phải là không. Luân chẳng phải có, chẳng phải không, luân có thể biểu thị được những điều ấy. Vì thế, đức Phật dùng Luân làm biểu tượng, ngụ ý: Về Sự là có, vành tròn bao quanh phía ngoài, như vậy Luân là Sự, về mặt Sự thì có; về Lý là không, vì tâm của hình tròn không có. Chẳng thể nói tâm là không có, tâm thực sự có, nhưng tâm không có hình tướng.

Như vậy, Tâm là Không, Luân là Sắc, một đàng Sắc, một đàng Không. Tâm kinh nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc). Luân thể hiện được điều này. Suốt một đời đức Thế Tôn, Phật vì hết thấy chúng sanh thuyết minh chân tướng của nhân sinh và vũ trụ suốt bốn mươi chín năm. Bởi thế, đức Phật nói Tướng có, Tướng không, Sự có, Lý không. Có và Không là một, không phải hai, chẳng hề rời khỏi Luân. Quý vị thực sự thông đạt: Không vốn là Sắc, Sắc chính là Không, Có chính là Không, Không chính là Có. Đạo lý này rất huyền diệu, rất sâu xa, nhưng nó là chân tướng sự thật. Do thông đạt điều này sẽ không chấp trước vào hai bên Có và Không nữa, tâm của quý vị bèn định.

Quý vị chấp Không là sai lầm, chấp Không vô ích, chẳng có tác dụng gì. Nếu quý vị chấp Có là vì chẳng hiểu rõ Có từ đâu mà có, căn bản của Có là gì quý vị không biết! Như vậy, Không lẫn Có đều hiểu rõ, không chấp trước cả Không lẫn Có, sống “*hết thấy tùy duyên*” như vậy thì mới là đại tự tại! Một tí ti chấp trước cũng không có. Chẳng những phân biệt, chấp trước đều không có, mà vọng tưởng cũng không có, con người như vậy sao không tự tại cho được? Đạt đại tự tại! Quý vị thực sự đạt được pháp hỷ, thường sanh lòng hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị hoàn toàn tùy thuận Pháp Tướng, tùy thuận tự nhiên, không có vọng niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đức Phật giảng cho ta đạo lý này và chân tướng sự thật này, khiến cho chúng ta trong một đời này đạt được cuộc sống hạnh phúc viên mãn.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” có nghĩa là thỉnh Phật thường dạy dỗ chúng ta. Đức Phật là bậc ứng hóa, Ngài đã khôi phục tự tánh, đã đạt trí huệ viên mãn rốt ráo, đức năng rốt ráo viên mãn, tướng hảo rốt ráo viên mãn, những gì hết thấy chúng sanh

mong cầu đức Phật đều đạt được, đều biểu hiện cho quý vị thấy. Quý vị đều thấy: Vì sao Ngài có trí huệ viên mãn như thế, đức năng như thế, tướng hảo như thế? Đức Phật dạy: Hết thầy chúng sanh mỗi người đều có [trí huệ, đức năng, tướng hảo] như thế, nhưng mê hay ngộ khác nhau. Do mê nên vận dụng sai cái tâm, biến thành nông nổi ấy; nếu giác ngộ thì sẽ khôi phục, khôi phục giống như chư Phật Như Lai không hai, không khác. Bởi thế, mới nói hết thầy chúng sanh vốn sẵn thành Phật.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” là thỉnh chư Phật, Bồ Tát, thỉnh những bậc giác ngộ thường đến dạy dỗ chúng ta. Nói một cách thông tục thì là thỉnh Phật giảng kinh, thuyết pháp. Do trước kia, danh từ “*giảng kinh, thuyết pháp*” chưa có vấn đề gì, nay con người nghe đến thì từ ngữ ấy bèn biến thành tôn giáo, nghĩ ngay đến tôn giáo, nên chúng ta phải thay bằng danh từ khác, gọi là “*khế cơ*”. Nói cách khác, thuyết pháp như thế nào? Mời đến dạy bảo chúng ta, giảng kinh thuyết pháp nhằm chỉ dạy chúng ta. Dạy dỗ chúng ta không phải là dạy một lần đã hiểu ngay, vừa dạy bèn hiểu rõ là quá tốt. Chúng ta phiền não tập khí rất nặng, dạy một lần không hiểu; vì thế cổ nhân dạy chúng ta: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Đọc sách ngàn lần, tự thấy được ý nghĩa), “*thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”, chúng ta mới hòng giác ngộ. Làm cách nào đây? Lại tiến thêm một bước nữa:

Thất giả thỉnh Phật trụ thế.

七者請佛住世。

(*Bảy là mời đức Phật ở lại nơi đời*).

Thầy ở lại nơi đây dạy dỗ chúng ta, chúng ta cảm thấy rất lợi lạc, rất vui sướng, chúng ta thỉnh thầy thường trụ ở nơi đây. Nói cách khác, dạy dỗ chúng ta lâu dài, dạy trong thời gian ngắn không được. Phải thỉnh thầy bằng cách nào? Tuyệt đối chẳng phải là mình đối xử lễ phép với thầy, đãi đằng trọng hậu, khiến cho cái ăn, cái mặc, chỗ ở của thầy sung túc, không hề có ý nghĩa như vậy đâu nhé! Người thực sự có đạo đức tuyệt đối chẳng tham cầu ngũ dục, lục trần cúng dường, quyết định chẳng tham cầu danh lợi, họ không có ý niệm ấy. Dùng danh lợi, dùng ngũ dục lục trần lưu giữ họ, sẽ giữ không được. Họ đã hoàn toàn vứt bỏ những thứ đó, làm sao giữ chân họ được? Phải làm sao mới giữ được? Phải y giáo phụng hành, thực sự học, thực sự thực hành! Có bảo họ đi, họ cũng không đi. Vì sao? Họ nhất định phải thành tựu cho quý vị, giúp quý vị phá mê khai ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tánh, giúp quý vị tu hành chứng quả, chẳng thể bỏ quý vị được.

Như vậy, chư Phật, Bồ Tát, những vị thiện tri thức thường ở lại một chỗ nào thì ta thường nói là [các Ngài] có duyên phận [với chúng sanh ở chỗ ấy], cơ duyên chín muồi, Ngài bèn đến; duyên phận không còn, các Ngài bèn đi. Thế nào là không có duyên phận? Mọi người chẳng chịu nghiêm túc học, chỉ học bề ngoài, không tích cực học, Phật, Bồ Tát bèn bỏ đi. Điều kiện để “*thỉnh Phật trụ thế*” không có gì khác cả, cuối mỗi bộ kinh đều có một câu: “*Tín thọ phụng hành*”! Nếu quý vị làm được bốn chữ này thì không thỉnh Ngài cũng trụ thế, Ngài cũng ở lại nơi đó. Quý vị tin tưởng lời Ngài dạy, không hoài nghi tí nào, hiểu được, tiếp nhận được, áp dụng được những điều Ngài dạy vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, vào xử sự, đãi người, tiếp vật,

quý vị là người thực sự học Phật, không phải là giả. Vì vậy, chúng ta phải dùng cái tâm chân thành, tin sâu chắc, huệ giải, y giáo phụng hành.

Chúng ta phải tỉnh Phật, Bồ Tát, tỉnh thiện hữu ở lâu dài trong thế gian này. Chúng ta biết phiền não tập khí quyết chẳng thể đoạn hết trong một thời gian ngắn được; bởi lẽ, thời gian bị phiền não tập khí tiêm nhiễm của chúng ta rất dài. Giống như khúc gỗ ngâm nước cả mười mấy năm, ngâm đẫm nước, nay lôi lên, châm chút lửa toan đốt cháy nó thì không phải là chuyện dễ. Phải tốn một thời gian dài, dần dần mới đốt cháy được. Nay chúng ta giống như khúc gỗ ngâm nước nhiều năm, ướt đẫm rồi, nay phải dùng lửa mạnh để đốt; nếu lửa ấy không mãnh liệt, chẳng ăn thua gì! Khúc gỗ ấy phải thiêu ở đâu mới có thể cháy được? Trong lò luyện thép, phải bỏ vào lò luyện thép. Lò luyện thép cháy không ngừng, hai mươi bốn tiếng đồng hồ đốt không ngừng. Một ngày không thiêu được thì hai ngày, tôi tin rằng, hai ba tuần chắc chắn phải cháy. Điều này nói rõ sự việc trường thời huân tập, ngày ngày nghe giảng.

Nói thật ra, bản thân chúng tôi là hạng người căn tánh bậc trung, không phải hạng thượng căn lợi trí. Nay chúng tôi có một chút thành tựu là nhờ đâu? Nhờ thầy dạy dỗ. Tôi theo thầy, đầu tiên là học ba năm với Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư viên tịch rồi, tôi học với thầy Lý mười năm; [tất cả là] mười ba năm! Mười ba năm bèn rã rồi sau đây tôi mới có thể tự tu. Mỗi ngày tự mình đọc tụng kinh luận, đồng thời tiếp nhận lời khuyên thỉnh của các đồng tu giảng giải cho họ. Đến nay là năm mươi hai năm, suốt năm mươi hai năm tôi đọc kinh luận không gián đoạn, giảng kinh bốn mươi lăm năm không gián đoạn. Do vậy, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần dù hoặc trong thế gian này tôi mới có thể không động tâm. Nếu không có thời gian huân tập lâu dài như thế, nếu bảo là danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần không động tâm thì phải là bậc thánh nhân, đâu phải là phàm nhân, nói dễ dàng sao! Phải như vậy mới chuyển được cảnh giới.

Tôi chuyển được cảnh giới, nếu quý vị cứ lấy từng mười năm một mà quan sát sẽ thấy rõ ràng; vì thế, tôi nói Không lão phu tử quả thật là hạng căn tánh bậc trung, không phải là bậc thượng căn lợi trí. Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc thượng căn lợi trí, quý vị thấy: Ngài thị hiện thành Phật năm ba mươi tuổi, giảng bộ kinh đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là bậc thượng thượng căn! Nhưng chúng ta thấy Không lão phu tử lão nhân gia thành tựu như thế này: Ngài nói mười lăm tuổi chí dốc nơi việc học, ba mươi tuổi căn bản vững vàng, bốn mươi tuổi không làm lẫn, năm mươi tuổi biết vận trời, sáu mươi tuổi tai nghe đã thuần, bảy mươi tuổi tùy lòng mong muốn không vượt quy củ. Mức tiến triển của tôi không khác Không phu tử cho lắm: Nâng cao dần dần, không phải là đốn ngộ, không phải là viên chứng, mà là từng bước tu dần, chứng dần. Hơn năm mươi năm dùi mài không ngơi, càng học càng hoan hỷ, mãi đến mấy năm gần đây mới khế nhập cảnh giới một chút, đúng là pháp hỷ sung mãn. Câu mở đầu sách Luận Ngữ minh định: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?) Đối với câu nói này, tôi lãnh hội rất sâu.

Sự vui lớn nhất trong đời người là học! Bởi thế, trong Luận Ngữ, Không lão phu tử nói mấy câu: “*Ngô thường*”: Ngài nói chính bản thân mình thường xuyên. “*Ngô thường chung nhật bất thực*”: Ta suốt ngày không ăn. “*Chung dạ bất tầm*”: suốt đêm không ngủ. “*Dĩ tư*”: suy nghĩ. “*Vô ích, bất như học dã*”: Bất cứ sự việc gì trong thế gian này, việc gì tốt đẹp nhất? Học! Học theo thánh nhân, học theo hiền nhân, học

làm người tốt. Không gì bằng học, có việc gì sánh bằng học! “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ; hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Học rồi thường thực tập, cũng chẳng sướng ư? Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) “*Bằng*” ở đây là gì? Là người hiểu học! Mọi người chúng ta chí đồng đạo hợp, đều là người ham học. Hy vọng mọi người đến học viện chúng ta đều là người hiểu học, mọi người chúng ta cùng ở trong hoàn cảnh nhỏ này cùng nhau học tập. Thực sự hiểu học mới có điều kiện thịnh Phật trụ thế. Không hiểu học, chỉ mang hình thức, chỉ làm ra vẻ thì Phật không trụ thế, Bồ Tát cũng chẳng trụ thế. Cũng vậy, thiện tri thức cũng chẳng trụ thế! Chỉ có thực sự hiểu học [mới giữ các Ngài trụ thế được mà thôi!]

Mười đại nguyện Phổ Hiền theo giảng giải của cổ đức, chúng tôi cũng xem các chú giải, trên thực tế chỉ là bảy nguyện từ “*lễ kính chư Phật*” đến “*thịnh Phật trụ thế*”, bảy điều ấy là nguyện. Ba điều sau đều là hồi hướng. Chúng tôi suy gẫm kỹ những lời tổ sư đại đức giảng, thấy rất hợp lý. Giáo pháp Đại Thừa nói đến ba thứ hồi hướng: Hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Thực Tế. Vì sao phải hồi hướng? Hồi hướng để mở rộng tâm lượng, chúng ta làm việc này chẳng vì tự mình, mà vì chúng sanh khắp pháp giới hư không giới, tâm lượng bèn lớn lao, đây mới là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền khác với hạnh của các Bồ Tát ở chỗ nào? Chính ở chỗ này đây! Mọi Bồ Tát cũng có lễ kính, cũng có xưng tán, cúng dường, sám hối nghiệp chướng, nguyện nào cũng có, nhưng vì sao không gọi là hạnh Phổ Hiền? Vì tâm lượng không rộng lớn như thế này.

Quý vị giống như chúng tôi là phàm phu, phàm phu thế gian bảo tâm lượng của hạng người sau đây rất lớn: “*Tể tướng đỗ tử năng xanh thuyền*” (Bụng tể tướng chứa được cả chiếc thuyền), ông ta nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến đất nước, dân tộc của mình, đúng là không vì cá nhân, không vì gia đình mình, mà vì đất nước, vì dân tộc mình, thật bất phàm! Tâm lượng ấy vẫn còn nhỏ, ông ta vì đất nước dân tộc mình, nhưng đất nước dân tộc khác thì sao? Nước mình mạnh nhất trên thế giới, những nước khác đều yếu kém nhất, mình phải làm sao đây? Đối xử như thế nào? Tâm lượng vẫn chưa đủ lớn! Tâm lượng ấy có thể làm người lãnh đạo quốc gia, tâm lượng ấy dung nạp một đất nước. Nếu tâm lượng lớn hơn nữa, bao dung được cả thế giới, bao dung cả địa cầu, khởi tâm động niệm không chỉ nghĩ đến nhân dân, đất nước mình, mà ta còn nghĩ đến nhân dân toàn thế giới, làm sao cho nhân dân toàn thế giới đều hưởng cuộc sống tốt đẹp; người như thế là lãnh tụ của toàn thế giới, tâm lượng của người ấy lớn lao!

Người ấy vẫn không bằng Bồ Tát. Bồ Tát khởi tâm động niệm nghĩ tới gì? Nghĩ đến tam thiên đại thiên thế giới, người thế gian chúng ta không thể sánh bằng được. Tâm lượng của Bồ Tát là phổ độ chúng sanh, muôn độ chúng sanh trong chín pháp giới khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhưng vẫn không bằng Phổ Hiền Bồ Tát! Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát trọn khắp hư không giới, pháp giới. Trọn khắp pháp giới, hư không giới, quả thật có không ít những vị Pháp Thân Bồ Tát cũng có tâm lượng như thế, nhưng Phổ Hiền Bồ Tát vẫn thù thắng hơn, thù thắng ở chỗ nào? Nhờ kinh Hoa Nghiêm chúng ta mới thấy, tâm Phổ Hiền Bồ Tát bao gồm cả những thế giới trong vi trần. Trong hội Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta như thế, các kinh khác không nói đến điều đó. Trong mỗi một vi trần đều có thế giới, vi trần không phóng to, thế giới không rút nhỏ, thế giới trong vi trần giống hệt thế giới bên ngoài, không khác nhau! Ai có thể vào được trong ấy? Phổ Hiền Bồ Tát vào được.

Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát có thể nhập, có thể độ trùng trùng vô tận thế giới. Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong những vi trần ấy lại có thế giới, do đó, thế giới trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện tượng ấy? Đức Phật dạy chúng ta: Tự Tánh vốn là như thế. Chân tâm, bản tánh vốn sẵn là như vậy, trong ấy không có lý do gì cả, nó chỉ như vậy mà thôi. Như tánh đức, chúng ta thường gọi là tánh năng. Năng lực của tánh vĩnh viễn không mất, nó như vậy đó, đức của tánh cũng giống như thế đó.

Năng lực của tánh là gì? Trong Pháp Sự này, thiền sư Trung Phong gọi là “linh tri tâm”. Bản năng của tánh là linh tri, tức là nó thấy - nghe - hay - biết. Vì sao lại có thể thấy - nghe - hay - biết? Vốn sẵn là như vậy. Đó là bản năng. Nơi thân thể chúng ta, mỗi một tế bào đều thấy - nghe - hay - biết. Hiện thời có thể dùng phương pháp khoa học để thăm dò điều này. Đức của tánh là gì? Chính là cái mà kinh Đại Thừa thường gọi là trí huệ, năng lực, đức năng, tướng hảo, đó là tánh đức. Vô lượng trí huệ, vô lượng năng lực (không gì chẳng thể), vô lượng tướng hảo. Kinh Đại Thừa thường nói: Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Một cách diễn giải khác là “*thường - lạc - ngã - tịnh*”, đó cũng là những đức mà bản tánh sẵn có. Đó là tánh đức (những phẩm chất tốt đẹp của bản tánh). Đây chính là những điều “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

Phật, Bồ Tát không dạy điều gì khác, chỉ nhằm dạy chúng ta khôi phục bản năng, bản đức, đức năng sẵn có của chính mình, chỉ như vậy mà thôi! Đến khi nào chính quý vị hoàn toàn khôi phục, Phật sẽ giảng cho quý vị về viên mãn Bồ Đề, quy về Vô Sở Đắc, đây là điều bản tánh vốn sẵn có. Phật, Bồ Tát không trao tặng cho mình điều gì cả, chỉ là do chính mình tự chứng đắc. Phật, Bồ Tát chỉ làm người giới thiệu, là Tăng Thượng Duyên mà thôi, pháp bình đẳng mà! Phật, Bồ Tát chẳng cậy công: “Ta dạy người, ta có ân đức đối với người”. Không hề có! Phật, Bồ Tát dạy ta cảm ân, cảm cái ơn của hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới, dạy chúng ta cảm ơn cha mẹ, cảm ơn sư trưởng, cảm ơn hết thầy chúng sanh, tâm lượng ấy lớn lắm. Vì vậy, hồi hướng là mở rộng tâm lượng, tâm lượng có mở rộng thì mới có thể khôi phục tự tánh. Tâm lượng nhỏ là không được, chẳng thể thấy được Tánh. Do vậy, nguyện thứ tám là:

Bát giả thường tùy Phật học.

八者常隨佛學。

(Tám là thường học theo Phật).

Đây là hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề là điều chúng ta mong cầu, là mục tiêu của chúng ta. Ta học, ta tu, ta hành là vì lẽ gì? Vì Bồ Đề. Nói thật ra, trên mặt sự tướng, mọi người hãy khéo hiểu, vì Bồ Đề chính là vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Nền giáo dục của đức Phật là nền giáo dục trí huệ, Bồ Đề là giác ngộ, là giáo dục đại trí đại giác, ta mong mọi nền giáo dục ấy còn mãi trong thế gian, vĩnh viễn không dứt, phần trên gọi là “*Phật trụ thế*”. Thịnh Phật trụ thế nhất định phải “*thường tùy Phật học*” thì Phật mới trụ thế, hai câu này liên quan với nhau. Nếu chúng ta chẳng tùy thuận Phật, không học theo Phật, Phật chẳng thể trụ thế. Chúng ta muốn thịnh chuyển pháp luân, thịnh Phật trụ thế thì điều kiện quan trọng nhất là “*thường tùy học Phật*”. Ta ưa thích

nền giáo dục này, ta yêu mến nền giáo dục này, ta học tập nền giáo dục này, Phật bèn trụ thế, Ngài chẳng thể lìa khỏi chúng ta. Loại hồi hướng thứ hai là:

Cửu giả hằng thuận chúng sanh.

九者恆順眾生。

(Chín là hằng thuận chúng sanh).

Quý vị hãy nhìn kỹ chữ “*thuận*” này, không những phải “*thuận*” mà còn “*hằng thuận*”, vĩnh viễn tùy thuận chúng sanh thì quý vị mới có thể giúp đỡ chúng sanh được. Quý vị có hảo ý giúp đỡ người ta, nhưng không thuận theo ý họ, họ sẽ phản kháng, không thể tiếp nhận mình, vậy là không còn có cách gì hết. Vì thế, quý vị hãy xem chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, các Ngài thuận theo chúng sanh. Quý vị thấy trong phẩm Phổ Môn có nói đến ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy, hằng thuận đấy! Người ta thích Phật, Quán Âm Bồ Tát bèn hiện thân Phật, chúng sanh bèn vui thích. Nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy, hoàn toàn thuận theo chúng sanh, chứ không chiều theo ý của riêng mình. Nếu thuận theo ý mình thì chẳng phải là độ chúng sanh, dấu hảo tâm, dấu có ý nghĩ tốt, chúng sanh chẳng tiếp nhận mình. Bởi thế, quý vị phải biết tùy thuận chúng sanh, nhất là “*hằng thuận chúng sanh*”, khó đấy!

Nay chúng ta giúp đỡ chúng sanh ở bên ngoài, mọi người không tiếp nhận là vì nguyên nhân nào? Chúng ta không tùy thuận họ, mà hoàn toàn thuận theo ý của chính mình. Thuận theo ý của chính mình thì người ta bài xích, làm không xong! Ai thích Cơ Đốc (Christ), thích Gia Tô (Jesus), Quán Thế Âm Bồ Tát bèn hiện thành Cơ Đốc, biến thành Gia Tô, họ cũng vui vẻ! Năm ngoái, hình như vào tháng Mười Một, tôi qua thăm Nhật Bản, giảng kinh ở Nhật Bản, gặp mặt lão hòa thượng Trung Thôn Khang Long. Vị lão hòa thượng này tuổi ngoài chín mươi, là quốc bảo của Nhật Bản. Trong giới Phật Giáo Nhật Bản, hòa thượng rất có tiếng tăm, có địa vị. Lúc gặp gỡ, tôi không ngờ Ngài bảo tôi một câu khiến những pháp sư Nhật Bản hiện diện lúc ấy đều hết sức kinh ngạc. Ngài nói gì vậy?

Ngài nói: “Người sáng lập mỗi một tôn giáo trên thế giới đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát!” Điều này hoàn toàn tương đồng với những điều tôi thường nghĩ, thường nói. Vị lão hòa thượng ấy thật phi phàm! Những vị pháp sư Nhật Bản ở quanh Ngài bảo tôi: “Trước nay lão hòa thượng chưa hề nói như thế!” Họ nói: “Pháp sư! Hôm nay ông đến đây, Ngài bảo ông như vậy, chứ trước nay Ngài chưa hề nói như thế”, khiến tôi cảm thấy được khích lệ lớn lao! Ngày nay chúng ta tiếp xúc các tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, thực hiện công tác đoàn kết đa nguyên văn hóa, lão hòa thượng nói câu ấy ủng hộ tôi. Nói thực ra, hòa thượng tuổi tác quá cao, ngoài chín mươi tuổi, đầu óc hết sức minh mẫn, nhưng nay cũng phải ngồi xe lăn, thân thể cử động không thuận tiện lắm, nhưng đầu óc sáng suốt, nói năng cũng rất minh mẫn, gặp mặt Ngài vô cùng hoan hỷ. Thật là người có trí huệ, thật sáng suốt, “*hằng thuận chúng sanh*”.

Thuyết pháp thì không có pháp nhất định để nói. Chúng sanh thích pháp gì bèn nói cho họ nghe pháp ấy, không có pháp nào nhất định để nói cả. Chư Phật, Bồ Tát cũng không có hình tướng, thân tướng nhất định, hoàn toàn hằng thuận chúng sanh.

Kinh Lăng Nghiêm nói “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”. Hai câu ấy chính là như Đại Thừa Phật pháp thường nói: Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy, nên nói pháp nào bèn nói pháp ấy. Sự ứng hiện ấy đều là ứng theo [căn cơ của] chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Hiện thân tướng là “thân ứng”, vì họ thuyết pháp là “thuyết ứng”, đều phải ứng theo chúng sanh. Chúng sanh là cơ, ứng cơ thuyết pháp, ứng cơ hiện thân, tất cả hết thảy không gì không phải ứng cơ (thích ứng với căn cơ của đối tượng được hóa độ), đó gọi là “*hằng thuận chúng sanh*”.

Quý vị hiểu thấu đại đạo lý, đại nguyên tắc, đại phương châm này thì quý vị sẽ thấy thế giới ngày nay hướng theo khoa học kỹ thuật, trong khoa học kỹ thuật, các phương tiện truyền thông phổ biến nhất và quen thuộc nhất là truyền thanh, truyền hình, hiện thời là Internet. Chúng tôi thấy vậy, phải hằng thuận chúng sanh, chúng tôi cũng phải đi theo con đường ấy. Chúng tôi giảng kinh, không thể giảng trên giảng tòa, giảng tại giảng đường không được, nay chúng tôi giảng trong phòng thu hình. Đồng thời, hình ảnh và âm thanh của chúng tôi theo đường Internet phổ biến toàn thế giới, cứ vào trang web của chúng tôi sẽ thu nhận được. Đó là hằng thuận chúng sanh, là ứng cơ thuyết pháp. Hiện tại người ta cảm như vậy thì chúng tôi phải ứng như thế, hễ có cảm bèn có ứng, cảm ứng đạo giao.

Hiện nay có cần xây dựng một đạo tràng rất lớn hay không? Không cần thiết! Đạo tràng hoàng pháp ngày nay (tổ sư đại đức vẫn là tổ sư đại đức, đối với họ chúng tôi không lạm bàn), vị tổ sư gần nhất của Tịnh Độ tông chúng ta là Ấn Quang đại sư. Lão nhân gia dạy chúng ta đạo tràng không cần to, Ngài không chủ trương dựng đạo tràng lớn, mà là đạo tràng nhỏ. Mọi người cùng tu một chỗ với nhau không cần đông, chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn định, không được vượt quá hai mươi người. Càng suy gẫm lời dạy ấy, chúng tôi thấy càng hợp lý. Vì sao? Phù hợp tình huống xã hội hiện thời, không hóa duyên, cuộc sống của hai mươi người dễ dàng duy trì. Đạo tràng quá lớn, chúng thường trụ quá đông, nguồn sống cho đại chúng từ đâu mà có? Nhất định phải làm pháp hội, nhất định phải làm rất nhiều, phải chèo kéo. Hiện thời giống như du lịch văn cảnh, đạo nghiệp hoàn toàn bị hủy mất, tâm thanh tịnh không đạt được.

Vì thế, Tổ dạy không hóa duyên, không làm pháp hội (không làm hết thảy pháp hội), không thu đồ đệ, không truyền giới, không giảng kinh, chuyên môn niệm Phật. Công khóa bình thường giống như khóa niệm Phật thất phổ thông. Hai mươi người cùng tu, ai nấy đều có thể thành công. Lời khai thị ấy thật phi thường, là lời giáo huấn chân thật! Đương nhiên người đến đạo tràng tu hành đều hiểu Phật pháp, nên không cần giảng kinh, giảng kinh tại đâu? Giảng kinh trên truyền hình, trên Internet. Đối với kinh giáo mọi người đều hiểu được, chúng ta chọn nơi đây để tu hành, rất đơn giản, hai mươi người tụ tập, tìm một căn nhà nhỏ là đủ rồi, quý vị bèn có thể thành công. Nhất định phải đoạn tuyệt ngoại duyên. Nếu đạo tràng nào trở thành đạo tràng du lịch văn cảnh thì không phải là đạo tràng để tu hành, chẳng thể tu thành tựu ở nơi ấy. Phải hiểu đạo lý này!

Như vậy, giảng kinh thuyết pháp trên truyền hình là đưa việc giảng kinh thuyết pháp đến tận gia đình của mỗi người. Chúng ta thấy khoa học kỹ thuật hiện nay phát triển, chúng tôi tin rằng năm năm sau, Internet thay thế truyền hình. Vì sao? Năm ngoái chúng tôi thấy ở Nhật Bản, điện thoại cầm tay (cell phone) có thể nối vào

Internet, từ màn hình nhỏ trên máy có thể thu nghe được Internet. Tôi tin rằng năm năm sau, các băng thông Internet càng mở rộng hơn, bất cứ nơi nào trên thế giới, dùng cell phone đều có thể thu bắt được. Chúng tôi tưởng tượng màn hình của điện thoại nếu được làm lớn hơn một chút, quý vị bèn thấy rõ ràng, âm thanh, hình ảnh đều thấy nghe rất rõ. Nói cách khác, khác nào một cái máy truyền hình nhỏ có thể mang bên người, đưa Phật pháp đến tận tay quý vị.

Hiện tại, những cái máy truyền hình to được bày trong nhà, đưa Phật pháp đến tận nhà, độ mấy năm nữa, tiến hơn bước nữa, đưa Phật pháp, hình ảnh, âm thanh giảng kinh thuyết pháp đến tận lòng bàn tay quý vị. Bất luận quý vị ở đâu, tùy tiện bất cứ lúc nào muốn nghe, đều có thể nghe được. Thực sự nghe hiểu, nghe thấu suốt, giác ngộ, muốn tu hành, tìm một đạo tràng nhỏ, đạo tràng nhỏ có hai mươi người, quý vị thực sự thành tựu. Tổ sư đại đức chỉ dạy chúng ta như thế. Ấy đều là hàng thuận chúng sanh, đều là ứng cơ thuyết pháp.

Vì thế, những đạo tràng lớn ngày nay nói thật ra là chỗ để du lịch ngoạn cảnh, là nguồn thu nhập cho quốc gia, thuộc về dịch vụ. Đồng thời, những nơi ấy có thể phát huy một hiệu quả là cơ hội giáo dục, từ cơ hội du lịch ngắm cảnh, đem Phật pháp giới thiệu cho du khách, khiến du khách hiểu, khiến họ có thể từ máy truyền hình, từ trong lòng bàn tay, được nghe Phật pháp. Đây là thích ứng với căn cơ của chúng sanh hiện đại, hàng thuận chúng sanh hiện đại, chúng ta phải hiểu như vậy. Nếu quý vị không hiểu đạo lý này, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Điều cuối cùng:

Thập giả phổ giai hồi hướng.

十者普皆回向。

(Mười là hồi hướng khắp tất cả).

Đây là hồi hướng Thật Tế. Thực Tế là gì? Chính là hồi hướng bản tánh. Hết thấy sanh từ bản tánh, tối hậu quy về bản tánh. Bản tánh còn gọi là Tự Tánh, Chân Như, Thật Tế, vẫn là hồi quy về đó, từ đâu sanh ra thì quay về đó. Chúng ta thường nói trở về với thiên nhiên, người thế gian thường hay nói như thế. Trong Phật pháp nói quay về với Thật Tế, trở về với Chân Như. Quay về như thế nào? Chính là niệm niệm, hạnh hạnh đều tương ứng với Chân Như, phải hiểu điều này, đó gọi là Khế Lý. Chín điều nguyện trước là Khế Cơ, điều này là Khế Lý, quyết định chẳng được trái nghịch Thật Tế Lý Thể.

Pháp Thân Bồ Tát có thể làm được điều này, ngoài Pháp Thân Bồ Tát ra, như Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát chỉ có thể làm được tương tự. Đối với điều này, bọn phàm phu chúng ta ngơ ngác, chẳng biết thế nào là “*phổ giai hồi hướng*”, không hiểu nó có nghĩa là gì! Hôm nay tôi xin thưa cùng quý vị: Quý vị chỉ có khái niệm lơ mờ, muốn hiểu thật rõ ràng, thì nó có nghĩa là “công phu tu hành của quý vị phải khế cơ, khế lý”. Phần trên là giảng về khế cơ, nguyện này là khế lý. Lý ấy phải dựa vào đâu? Đơn giản là chúng ta chưa chứng đắc lý Chân Như thì phải nương vào kinh giáo. Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi đều tương ứng với kinh giáo, chẳng trái nghịch những gì kinh giáo răn dạy, đây chính là “*phổ giai hồi hướng*”. Trái nghịch sự giáo huấn của kinh điển thì một điều cũng chẳng có, thuyết pháp khế cơ nhưng không khế lý. Đoạn này chúng tôi giảng đến đây thôi!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký,
phần 15 hết**